Thái Tuấn, *Chông Tre*

Mục lục

- 2 Bạn đọc và Diễn Đàn
- Thời sự, những vấn đề**
- 1 Đổi mới đại học ? Hoà Vân
- 4 Tin tức, thời sự giáo dục
- 12 Về dự án ITER Nguyễn Khắc Nhẫn
- 14 Sổ tay Phong Quang
- Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật**
- 16 Thái Tuấn Đặng Tiến
- 18 Văn hoá truyền thống
và khoa học Hàn Thuý
- 21 Nghệ thuật điêu khắc Chăm Văn Ngọc
- 24 Tâm tình về
nhật ký Đặng Thuý Trâm Thanh Thảo
- 26 4 tác phẩm Lưu Hồng Khanh Nguyễn Nghi
- 28 Lễ thổi tai và rượu cần Nguyễn Ngọc
- 31 Noi mặt trời lên (*truyện ngắn*) Phạm Hải Anh

Đổi mới đại học ?

Hoà Vân

Như vậy là sau hơn một năm làm việc, « dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, với sự tập hợp của một đội ngũ chuyên gia, nhà giáo, nhà quản lý, nhà nghiên cứu tâm huyết với nghề », đề án đổi mới giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam đã được thông qua (xem trang 8). Một trong những nét chính của đề án, theo các báo trong nước, là việc xây dựng một vài trường « có đẳng cấp quốc tế », với sự giúp đỡ về chuyên môn và quản lý của một số trường đại học lớn trên thế giới.

Ý này đã được chính thủ tướng Phan Văn Khải đưa ra trong chuyến Mỹ du tháng 6 vừa qua, trong buổi gặp mặt ban giám đốc trường Harvard, và được tờ báo mạng VietnamNet quảng bá rầm rộ trong cả một chuyên mục (<http://vietnamnet.vn/dhqt/>) thường xuyên được cập nhật, kèm theo các logo quảng cáo của các trường Harvard, Stanford (Mỹ), Cambridge và Oxford (Anh).

Đặc biệt, trong số ra ngày 5.10.2005, tờ báo đã đăng một bản « đề cương thảo luận » về vấn đề này, của ông Thomas Vallely, giám đốc Chương trình Việt Nam của đại học Harvard. Bài viết đưa ra nhiều nhận xét xác đáng về sự cần thiết phải thay đổi của giáo dục đại học Việt Nam, cũng như về cơ sở của một nền giáo dục ưu tú, và đề nghị một lộ trình tiến tới xây dựng một trường đại học hàng đầu của VN.

Theo ông Vallely, « Để tranh thủ được sự ủng hộ của những trường đại học xuất sắc của Mỹ thì chính phủ VN cần phải thể hiện sự cam kết mạnh mẽ đối với dự án đại học này ». Đó là : – sự cam kết về tài chính, với một khoản ngân sách 100 triệu đô la, « không nên kỳ vọng vào khả năng trang trải hoàn toàn chi phí hoạt động của trường từ tiền học phí » ; – và sự « đảm bảo không chấp nhận thoả hiệp đối với các nguyên tắc học thuật », một « điều kiện tiên quyết thiết yếu », theo ông.

Các nguyên tắc học thuật này đã được ông Vallely nhắc lại trong một phần trước đó của bản đề cương :

– Trường đại học phải có quyền tự quyết trong việc lựa chọn chương trình giảng dạy ;

(xem tiếp trang 7)

NGHỆ THUẬT CHĂM tại PARIS

Viện bảo tàng nghệ thuật Á châu GUIMET

6, place d'Iéna, 79016 PARIS,

Tél : 01 56 52 53 00 ; <http://www.museeguimet.fr/>

mở cửa mỗi ngày (trừ thứ ba) từ 10g đến 18g

tổ chức triển lãm

Trésors d'art du Vietnam : la sculpture du Champa (Ve - XVe siècles)

12 octobre 2005 – 9 janvier 2006

Tập hợp những tác phẩm điêu khắc Chăm của các Viện bảo tàng Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn, các Viện bảo tàng Guimet Paris và Lyon, Viện bảo tàng Rietberg ở Zurich.

Nhân dịp này, Viện bảo tàng Guimet sẽ chiếu một số phim truyện Việt Nam : *Gánh xiếc rong* của Việt Linh (thứ tư 26.10, 12g15), *Những người thợ xẻ* của Vương Đức (thứ tư 9.11, 12g15), *Mùa du dã xanh* của Trần Anh Hùng (thứ sáu 18.11, 12g15) và những phim tài liệu : *Vietnam la première guerre* của J. Michaud-Larivière et D. Rousselet (thứ sáu 28.10, 12g15), *La dame de Saigon* của J. Saab (thứ tư 16.11, 12g15), *L'exotique est quotidien, Sar Luk, Oh ! mère Paddy* của G. Condominas : thứ tư 23.11, 12g30

Xem chi tiết trên mạng : mapage.noos.fr/amis.de.guimet

Hạn hán và Con mưa 2 Sécheresse et Pluie – Volume 2

từ 7 đến 10 Novembre 2005

tại **Théâtre de la Ville** 2 place du Châtelet, **PARIS** 4e

tél. 01 42 74 22 77 / www.theatredelaville-paris.com

17 novembre 2005 (20:30)

tại **Théâtre d'Angoulême** Avenue des Maréchaux
16000 ANGOULEME

Sáng tác mới của **Ea Sola (Nguyễn Thuý)**, với các diễn viên của Đoàn múa balê trung ương Hà Nội

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lí, kĩ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Văn

Bạn đọc và DIỄN ĐÀN

Đại sứ VN ở UNESCO còn đợi gì ?

Thế là Việt Nam đã gia nhập công ước Berne về tác quyền. Tôi nghĩ đây là một bước tiến trên con đường bình thường hoá cuộc sống và hội nhập vào cộng đồng quốc tế. Từ nay, những tác gia (ở bất cứ nước nào) có thể khiếu kiện để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình mỗi khi nó bị vi phạm trên đất nước Việt Nam cũng như trước đây (điều này ít ai biết) các tác gia Việt Nam có quyền khiếu kiện ở bất cứ quốc gia nào đã gia nhập Công ước Berne mỗi khi tác quyền của mình bị vi phạm tại quốc gia đó (dịch, trình diễn... mà không xin phép).

Đó là nói về mặt lí thuyết. Trên thực tế, vẫn có sự bất bình đẳng giữa các nước phát triển và những người đang phát triển. Thật vậy, một nhạc sĩ, ca sĩ Việt Nam khó có đủ tài chính để thuê luật sư kiện một công ti sao lậu CD ở Mỹ, ngược lại kĩ nghệ giải trí đại chúng của Mỹ thừa phương tiện để làm sức ép trên chính quyền Việt Nam để trấn áp việc sao chép băng đĩa trái phép.

Tuy nhiên, từ ngày công ước Berne có hiệu lực ở VN, tôi thấy xảy ra một tình trạng trái khoáy là : một nhà xuất bản muốn được phép in một tác phẩm nước ngoài, phải trình Bộ văn hoá giấy phép của nhà xuất bản nước ngoài. Không ở đâu có tình huống kì cục như thế. Một nhà xuất bản VN muốn in sách dịch từ tác phẩm nước ngoài thì đương nhiên phải mua tác quyền ; không làm thế, khi bị kiện sẽ thua kiện và phải bồi thường. Còn chính phủ Việt Nam là người kí công ước, chỉ cam kết là toà án Việt Nam phải xét xử các cuộc khiếu kiện về tác quyền theo đúng quy định của công ước Berne, thế thôi. Các có gì mà nhà nước phải đi làm "cảnh sát" thuê cho các nhà xuất bản ngoại quốc như vậy ? Có chăng là chính quyền có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các nhà xuất bản, sứ quán Việt Nam ở các nước có nhiệm vụ giúp các nhà xuất bản VN liên lạc với đối tác ở các nước sở tại. Bộ văn hoá và Bộ ngoại giao có nhiệm vụ giúp các nhà xuất bản liên lạc với các sứ quán nước ngoài trong việc này.

Tôi hi vọng đó chỉ là một sự "mãn cán" không cần thiết nhưng xuất phát từ thiện chí, và nó sớm được dẹp đi (cố nhiên, điều này không cho phép các nhà xuất bản VN tiếp tục làm ầu, nhưng phải nói nạn dịch ầu có khi còn nguy hại hơn cả dịch chui).

Thư này, thực ra tôi muốn nêu một vấn đề khác có liên quan : Sự bất bình đẳng lớn giữa phía bắc và phía nam bán cầu được thể hiện trong nhiều lãnh vực, trong đó có y tế và văn hoá. Trong lãnh vực y tế, mặc dầu các công ti dược phẩm lớn và chính quyền Mỹ trì kéo, các nước như Ấn Độ, Nam Phi, Brasil nay đã giành được quyền sản xuất các thứ thuốc chữa bệnh AIDS với giá trong tầm tay các nước nghèo, không phải trả tác quyền quá cao cho các công ti dược phẩm. Tại sao ta không thể làm tương tự với các sản phẩm văn hoá có tính chất thiết yếu như sách giáo khoa, khoa học, kinh điển văn học... để các nước này miễn phải trả tác quyền ? Tôi tin rằng ở UNESCO, nếu đoàn đại biểu VN cùng với các nước đang phát triển nêu vấn đề này lên, chắc chắn sẽ được nhiều nước châu Âu ủng hộ, vì họ cũng muốn phát huy văn hoá của họ ra thế giới. Đại sứ VN ở UNESCO còn đợi gì ?

Nguyễn Thủ Thụ (Paris, Pháp)

Làm sao mua nhật kí Đặng Thuỳ Trâm ?

Đọc báo và nghe bạn bè nói nhiều tới nhật kí Đặng Thuỳ Trâm, tôi muốn tìm đọc mà không biết mua ở đâu. Tôi cũng nghe nói bản nhật kí của bác sĩ Trâm đã bị cắt xén và sửa chữa nhiều trước khi xuất bản. Chuyện này thực hư ra sao ? Có thể tìm đâu ra bản gốc ? Và cuối cùng, nhật kí này đã được dịch ra ngoại ngữ chưa ?

phanth@yahoo...

Chúng tôi không biết bạn ở đâu (chỉ đoán bạn ở nước ngoài), và cũng không có đủ thông tin để trả lời đầy đủ. Theo chúng tôi được biết, ở những nơi tập trung nhiều cư dân Việt Nam như Orange County, San Jose (California) hay Paris, một số tiệm sách đều có bán (khi có khi không, nhưng có thể đặt mua). Đó là trường hợp của Chợ Thanh Bình, avenue de Verdun, Ivry (gần Porte de Choisy, Paris 13).

Bạn có thể mua từ trong nước, bằng hai cách :

(1) nhờ bà con mua rồi gửi bưu điện (giá bán chính thức là 43 000 Đ, nhưng có thể mua với giá 30 000 ở nhiều tiệm, như ở phố Đinh Lễ, Hà Nội, ở đường Nguyễn Thị Minh Khai, TP Hồ Chí Minh).

(2) qua mạng internet : hiện nay đã có một số doanh nghiệp Việt Nam bán sách báo qua mạng, thí dụ nhasachvn.com

Hai cuốn sổ tay Nhật kí (cuốn 1968-69 có đánh số trang, và cuốn 1970, không đánh số trang) của Đặng Thuỳ Trâm hiện được lưu trữ tại Trung tâm Việt Nam của trường đại học Texas Tech University. Trên mạng www.vietnam.ttu.edu, ta có thể đọc toàn bộ bản chụp hai cuốn nhật kí, và bản dịch tiếng Anh.

Giữa nguyên tác và bản in của nhà xuất bản, có ba khác biệt : (1) bị lược bỏ một số đoạn, chủ yếu là tình cảm (tổng cộng không quá 5% văn bản), (2) sửa lỗi chính tả và một số câu văn, (3) những sai sót khi đánh máy và sắp xếp. Muốn rõ chi tiết, bạn có thể tìm đọc bài phân tích trên mạng talawas :

www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=5597&rb=0307

Ngoài bản tiếng Anh nói trên, có những dự định dịch nhật kí Đặng Thuỳ Trâm ra tiếng Anh, Nhật, Triều Tiên, Tây Ban Nha...

Courbevoie / Thu-Duc

Le pont, le puits, la prison 1946

« Mất tích tại Thủ Đức, Cochinchine, tháng sáu 1944 »
Một quân nhân Pháp mất tích. Thân nhân đi tìm...

Kịch bản và đạo diễn : Colette ALEXIS

Phụ tá đạo diễn : Sylvie JOBERT

từ ngày 2 đến ngày 20 novembre 2005

mỗi tuần từ thứ tư đến thứ bảy (20g30), chủ nhật 17g
xuất đặc biệt : thứ hai 14 novembre (20g30)

tại Théâtre de l'Opprimé

78 rue du Charolais, 75012 PARIS

Métro : Gare de Lyon (Sortie 9), Dugommier

Giữ chỗ : 01 43 40 44 44 (15 Euros, giá trừ : 10 Euros)

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ VND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng trên đà 8 %

Mặc dù còn ba tháng nữa mới hết năm 2005 nhưng bản báo cáo của chính phủ Phan Văn Khải trước quốc hội, tháng 10 vừa qua, đã có thể khẳng định « *hầu hết các chỉ tiêu* » để ra cho nền kinh tế năm 2005 đều đạt : tổng sản phẩm trong nước (GDP) sẽ đạt 8,4 % trong cả năm 2005, là tốc độ tăng trưởng cao nhất của 10 năm trở lại đây. Tổng kim ngạch xuất khẩu có khả năng lên đến hơn 32 tỷ USD, tăng 25 % so với năm 2004 (một phần đáng kể do giá bán dầu tăng). Riêng chỉ số giá tiêu dùng (tăng đến 8 %) không thực hiện được mục tiêu kiềm chế lạm phát dưới mức dự kiến 6,5 %, song « *không gây biến động lớn về kinh tế* ».

Trong 5 năm sau cùng, GDP của Việt Nam đã tăng liên tục : năm 2001 là 6,9 %, năm 2002 là 7,1 %, năm 2003 là 7,3 %, năm 2004 đạt 7,8 % (chỉ tiêu bình quân đề ra của cho 5 năm 2001-2005 là 7,5 %). Tuy nhiên, nếu so sánh với nhiều nước trong khu vực, nền kinh tế Việt Nam - theo đánh giá của chính phủ - còn thua kém nhiều về mức độ phát triển, về trình độ công nghệ và về sức cạnh tranh : GDP đầu người của Việt Nam mới bằng một nửa của Trung Quốc, bằng một phần tư của Thái Lan và mức bình quân của thế giới gấp Việt Nam tới 11 lần ; tăng trưởng GDP của Việt Nam dựa chủ yếu vào tăng đầu tư vốn, năng suất lao động thấp (kém hơn Thái Lan 6,5 lần), hiệu quả vốn tư bản ngày càng kém (năm 2004, 4,7 đồng vốn tạo ra 1 đồng lời, đến năm 2005, 5 đồng vốn mới sinh ra 1 đồng lời), chi phí sản xuất và lưu thông cao.

Chính phủ thừa nhận công cuộc cải cách doanh nghiệp nhà nước còn chậm (các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá mới chiếm có 9 % tổng số vốn của khu vực quốc doanh) và sự chuẩn bị cho việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) chưa đi theo kịp yêu cầu. Bộ trưởng kế hoạch và đầu tư Võ Hồng Phúc nhắc lại : năng lực cạnh tranh trong kinh doanh (BCI) của Việt Nam đứng thứ 79/103 ; năng lực cạnh tranh quốc gia trong so sánh toàn cầu (GCI) đứng thứ 77/104 ; về tình trạng tham nhũng, tổ chức Minh bạch thế giới xếp Việt Nam ở thứ hạng 102/144 quốc gia.

Cho năm 2006, chính phủ dự kiến nền kinh tế có thể đạt những chỉ tiêu kinh tế như sau : so với năm 2005, GDP tăng 8 % (đạt mức 970 ngàn tỷ đồng), GDP bình quân đầu người đạt 720 USD, tổng vốn đầu tư xã hội tăng 17 % (đạt 375 ngàn tỷ đồng) và bằng 38 % GDP, thu ngân sách nhà nước tăng 11 % (đạt 233 ngàn tỷ đồng) và bằng 24 % GDP, tổng chi ngân sách tăng 12 % (đạt 299 ngàn tỷ đồng), tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 16 %, tốc độ tăng giá tiêu dùng thấp hơn tốc độ tăng GDP.

Cho giai đoạn 2006-2010, kế hoạch 5 năm đề ra con số tăng trưởng bình quân 8 %, với một tỷ lệ đầu tư lên đến 40 % GDP và một tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 15 %/năm. Viễn cảnh tương đối lạc quan này giả thiết khả năng của khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài tăng tỷ trọng trong tổng đầu tư xã hội, bởi vì đó là khu vực đầu tư có hiệu quả nhất và ít thất thoát nhất trong kinh tế. Đồng thời, nó cũng giả thiết khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam sẽ cao hơn, sau những khó khăn của thời kỳ hội nhập đầu tiên vào thị trường thế giới.

Mới đây, đánh giá triển vọng kinh tế của Việt Nam, công ty đánh giá tín nhiệm quốc tế Standard & Poor's đã nâng mức đánh giá nền kinh tế Việt Nam từ 'ổn định' lên 'tích cực' ; đồng thời, họ vẫn giữ nguyên mức xếp hạng tín dụng ngoại tệ của Việt Nam (BB+/B) và tín dụng đồng nội tệ (BB/B) như trong năm 2004. Standard & Poor's cho rằng « *tiềm năng kinh tế trung hạn của Việt Nam là khá quan nhờ tỷ lệ tiết kiệm trong nước cao, khu vực xuất khẩu đa dạng và có khả năng cạnh tranh, cũng như tốc độ tăng trưởng cao của khu vực kinh tế tư nhân* ». Tuy nhiên, « *mặc dù Việt Nam có mức ổn định chính trị tương đối tốt, (...) quá trình tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước cũng như các ngân hàng quốc doanh đang vấp phải sự yếu kém về năng lực hành chính, sự bất cập của khung pháp lý và sự kháng cự của nhiều quyền lợi. GDP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2004 là 555 USD, mức thấp nhất trong số các quốc gia cùng hạng BB* ».

[Thời báo kinh tế Việt Nam, Đầu Tư, Tuổi Trẻ, Tiền Phong, tháng 10.2005]

Dân chủ : « chưa đáp ứng yêu cầu của dân »

Nói về hiện trạng dân chủ ở Việt Nam, bản báo cáo của thủ tướng Phan Văn Khải trước quốc hội công nhận rằng việc làm trọng sạch bộ máy nhà nước và thực hiện dân chủ « *chưa đáp ứng được yêu cầu của dân* », tệ tham nhũng và lãng phí « *chưa bị đẩy lùi khiến lòng dân không yên, có nhiều bất bình* » trong xã hội. Theo ông Khải, « *nơi nào thực hiện minh bạch, công khai và dân chủ thì ở đó cơ quan nhà nước phục vụ dân tốt hơn, tệ tham nhũng và lãng phí được hạn chế ở mức thấp* ». Cho nên, « *sự giám sát của công chúng và báo chí là con đường tốt nhất để toàn xã hội hợp sức xây dựng bộ máy công quyền trong sạch* ».

Trong bài diễn văn của mình, ông Khải còn nói đến chủ trương của chính phủ là các cơ quan công quyền « *phải tôn trọng quyền được thông tin của dân* », rằng « *việc thực hiện điều này không thể tùy thích mà phải coi là một nghĩa vụ* », rằng « *những qui định về quyền được thông tin của dân cần được thể chế hoá* »...

Tất cả những điều này nghe xem khá hữu lý. Chỉ có điều, ông quên rằng báo chí cũng là của Đảng, dưới sự điều hành của ban văn hoá-tư tưởng trung ương, người có quyền lực không nhỏ đối với các cơ quan công quyền... Vụ án phóng viên Lan Anh (báo Tuổi Trẻ) - bị truy tố về tội « *chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước* » - vẫn còn sờ sờ đó đối với người dân : bởi chính thủ tướng Phan Văn Khải đã ký công văn cho phép truy tố nhà báo Lan Anh, và chính trưởng ban văn hoá tư tưởng Nguyễn Khoa Điềm đã ra lệnh cấm báo chí không được viết về vụ án này [xem *Diễn Đàn* các số 148, 150 và 151]. Và cho dù Viện Kiểm sát đã

đình chỉ quyết định truy tố, người dân vẫn chờ lời nói về « minh bạch, công khai và dân chủ » của bộ máy công quyền đi đôi với việc làm của nó. [theo Tuổi Trẻ 18.10.05]

Tham ô ở ngành dầu khí...

Trung tuần 10 vừa qua, toà án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã xét xử vụ án 8 cán bộ lãnh đạo ngành dầu khí phạm tội « tham ô tài sản và cố ý làm trái qui định nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng », trong đó những bị cáo chính là các ông Dương Quốc Hà, phó giám đốc liên doanh dầu khí Vietsovpetro (VSP), Nguyễn Quang Thường, giám đốc Công ty dịch vụ kỹ thuật dầu khí (PTSC) thuộc Tổng công ty dầu khí Việt Nam và Trần Quang, cán bộ PTSC đồng thời là chủ công ty vốn nước ngoài Interpet. Các bị cáo đã tham ô 2,2 triệu USD và gây thất thoát cho nhà nước hơn 3,4 triệu USD.

Trong hai dự án xây nhà block ở mỏ Bạch Hổ và sửa chữa ballast ở mỏ Đại Hùng do VSP làm chủ đầu tư, PTSC là nhà thầu và Interpet là đối tác nhập và lắp đặt vật tư thiết bị, các ông Hà, Thường và Quang đã thông đồng nâng giá bỏ thầu và bán thầu, nâng khống giá trị vật tư, thiết bị, lập hợp đồng và chứng từ giả, để ngoài sổ sách tiền vốn đầu tư... Vụ việc chỉ đổ bể sau khi các công trình hoàn tất, do có mâu thuẫn nội bộ ăn chia nhau không sòng phẳng.

Toà án Vũng Tàu - Bà Rịa đã tuyên phạt tù ở cả 8 bị can, trong đó ông Trần Quang bị tù chung thân, ông Nguyễn Quang Thường 21 năm tù, ông Dương Quốc Hà 18 năm tù. Sau phiên toà, nhiều ý kiến cho rằng toà án đã « bỏ lọt » trách nhiệm của ông Trần Cảnh, tổng giám đốc Tổng công ty dầu khí.

[Vnexpress và Tuổi Trẻ, tháng 10.2005]

... và ở ngành thanh tra chính phủ

Cuối tháng 10 vừa qua, vụ phó Thanh tra chính phủ, ông Lương Cao Khải, đã bị cơ quan an ninh điều tra khởi tố và bắt tạm giam về tội « lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ », nhận tiền hối lộ của đối tượng bị thanh tra. Trưởng đoàn thanh tra công trình tuyến ống kho cảng LPG Thị Vải (thuộc dự án vận chuyển khí từ mỏ Bạch Hổ đến Thủ Đức) của Tổng công ty dầu khí Việt Nam và do Công ty thiết kế xây dựng dầu khí làm tổng thầu, ông Khải đã nhận tiền và đất đai (một mảnh đất hơn 6500 m² ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) của ngành dầu khí để sửa đổi nội dung của báo cáo thanh tra, giảm nhẹ các sai phạm phát hiện trong công trình.

Trong khi bản dự thảo thanh tra ban đầu yêu cầu xử lý hình sự một số cán bộ, trong đó có hai phó tổng giám đốc của ban quản lý công trình - các ông Bì Văn Tú và Đậu Hồng Lạc -, và xuất toán khỏi quyết toán đầu tư một số chi phí lên đến 13,4 tỷ đồng, bản kết luận thanh tra chính thức kiến nghị xuất toán chỉ có 8,2 triệu đồng và không còn cá nhân nào bị đề nghị xử lý hình sự, các nhận định nếu lên nói chung khá thuận lợi cho lãnh đạo Tổng công ty dầu khí. Cuộc điều tra đang làm rõ vai trò của 11 thành viên khác trong đoàn thanh tra.

Được biết rằng ông Lương Cao Khải công tác trước đây ở Công ty vật tư nông nghiệp (thuộc bộ nông nghiệp), nơi

xảy ra một vụ sai phạm nghiêm trọng được công an khởi tố và điều tra. Chính vào thời điểm ấy, ông Khải đột nhiên chuyển công tác sang Thanh tra chính phủ và hai năm sau ông lên chức vụ phó. Được cơ quan đánh giá là cán bộ có « năng lực, thành tích », ông đã từng được giao trách nhiệm trưởng đoàn thanh tra nhiều doanh nghiệp lớn như Liên doanh gạo Việt-Mỹ, Tổng công ty than, Tổng công ty dệt may, Tổng công ty rượu, bia và nước giải khát, Tổng công ty bưu chính-viễn thông, Tổng công ty dầu khí, Tổng công ty xăng dầu...

[Vnexpress và Tuổi Trẻ, tháng 10.2005]

Việt Nam chưa thể gia nhập WTO tháng 12 tới

Đại sứ VN tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) Ngô Quang Xuân nhận định việc VN chưa thể gia nhập tổ chức này tại hội nghị bộ trưởng ở Hong Kong tháng mười hai tới không do các nguyên nhân chủ quan.

Theo đại sứ, diễn biến mới nhất cho thấy khó khăn trên bàn đàm phán với Mỹ và Úc hiện là lực cản lớn nhất. Đó là nội dung chính trong bài ông Xuân trả lời phỏng vấn của báo Tuổi Trẻ ngày 21.10.2005. Bài phỏng vấn cũng được thông tấn xã AP truyền lại ngày hôm sau.

Theo ông Xuân, VN đã ký chính thức kết thúc đàm phán với 21 đối tác, trong đó có những đối tác thường được coi là khó khăn như EU, Nhật, Canada... Các đối tác này nhìn nhận rằng VN đang cải cách, mở cửa mạnh mẽ và tích cực tham gia thúc đẩy tự do thương mại, đóng góp vào tiến bộ chung của các vòng đàm phán thương mại. Sự tham gia của VN vào WTO không chỉ có lợi cho VN mà còn mang lại lợi ích cho các nước.

Tuy nhiên, ông cho biết, “ Trước và sau phiên đàm phán chính thức lần 10 vừa qua, dư luận tại Geneva cho rằng Mỹ chưa sẵn sàng kết thúc đàm phán với VN. Một mặt, tại bàn đàm phán đa phương, Mỹ tiếp tục đưa ra các đòi hỏi quá cao đối với VN, mặt khác ngày càng đặt ra nhiều vấn đề mới trong đàm phán song phương với VN ”.

Theo ông, phía Mỹ hiểu rõ khả năng của VN và cũng hiểu rằng VN không thể đáp ứng các yêu cầu mà Mỹ mới đưa ra. Ông nêu ra “ ý kiến của nhiều người cho rằng đàm phán thương mại nói chung và WTO nói riêng không chỉ thuần túy các vấn đề thương mại mà còn bao gồm sự tổng hợp các mối quan hệ chính trị - xã hội ”, để kết luận rằng “ việc Mỹ không tích cực đi đến kết thúc đàm phán với VN là hành động trái chiều ”.

Về « kịch bản khả thi nhất », ông nói :

« Với tình hình hiện nay, chúng ta sẽ nỗ lực kết thúc đàm phán song phương ngay trước hội nghị Hong Kong hoặc bên lề hội nghị. Chúng ta cũng sẽ sớm kết thúc đàm phán đa phương để chuẩn bị thủ tục kết nạp. Theo tôi, phương án thực tế là VN sẽ gia nhập WTO trước khi vòng Doha kết thúc. Mà theo quan sát chung thì vòng Doha sẽ đi đến ngã ngũ trong năm 2006 ».

Nguy cơ sập cầu Văn Thánh rất cao

Chiều 10-10, có mặt tại hiện trường, một chuyên viên về cầu ở Khu quản lý giao thông đô thị số 1 TP.HCM cho biết :

Hiện trạng cầu Văn Thánh 2 đang rất nguy hiểm, bởi vì các ô tô đều giảm tốc và né khi thấy chỗ thủng trên mặt cầu càng tạo ra một lực xô ngang tiếp tục phá vỡ mặt cầu. Bên cạnh đó, việc cho xe chạy dồn về một bên cầu sẽ tiếp tục tạo dư chấn phá vỡ tiếp mặt cầu còn lại. Nguyên nhân chính như đã được cảnh báo cách đây vài tháng là các dầm chuyển dịch ở đầu dầm đã làm mặt cầu yếu đi gây vỡ. Nếu không kiểm định và có biện pháp sửa chữa ngay, mặt cầu sẽ tiếp tục bị vỡ làm yếu các dầm vì không còn liên kết. Như vậy, nếu để thêm thời gian không những mặt cầu bị vỡ mà còn có nguy cơ dầm cầu rớt xuống và không tránh khỏi khả năng sập cầu. Dự kiến khoảng từ 15 ngày đến một tháng diễn biến cầu Văn Thánh 2 sẽ tiếp tục xấu hơn.

Theo kết quả kiểm tra trước đây của Đoàn kiểm tra thuộc Bộ GTVT: ở mố M1 có 20/24 phiến dầm bị nứt, vỡ đầu dầm. Trong đó hư hỏng nặng đến 8/20 phiến dầm... Ở mố M2 hầu hết mép cạnh đầu dầm phía phải bị chạm khít tường đầu mố. Nứt vỡ lớp bê tông bảo vệ 1/24 phiến dầm, sứt mẻ đầu dầm 15/24 phiến. Tình trạng gồ thót trên, dưới của gồ dầm ở cả 24 phiến dầm đều bị lệch tương đối...

Báo Tuổi Trẻ ngày 11.10, cùng với tin này đã nhắc lại là sự cố « cầu Văn Thánh 2 » đã liên tiếp xảy ra nhiều lần từ khi khởi công xây dựng công trình cầu đường Nguyễn Hữu Cảnh năm 1997 tới bây giờ. Công trình này bao gồm cầu vượt Nguyễn Hữu Cảnh, cầu Văn Thánh 2, cầu Thị Nghè 2, nút giao thông ở đầu cầu Sài Gòn và đường dưới dạp cầu Sài Gòn, hầm chui Văn Thánh 2. Công trình có vốn đầu tư ban đầu là 278 tỉ đồng, sau đó được điều chỉnh lên 419,2 tỉ đồng. Đầu năm 2002 hoàn thành xây dựng công trình, nhưng chỉ hai tháng sau đã có hai hầm bị lún, sửa chữa đến tháng 1-2003 mới xong thì đồng thời cũng phát hiện đường bị lún (từ 5cm đến gần 1,1m) ! Riêng cầu Văn Thánh 2 được khởi công vào tháng 1.2000, hoàn thành vào tháng 12.2001, tới tháng 7.2004 phát hiện có hư hỏng cục bộ ở đầu dầm và mố cầu. Tháng 8.2004, công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải phía Nam đã lập hồ sơ “công tác sửa chữa khuyết tật cầu”. Một năm sau, bộ Giao thông vận tải có báo cáo gửi Thủ tướng những nội dung cần xử lý, giải quyết về mặt kỹ thuật, như việc khắc phục ngay sự cố đầu dầm và mố cầu, bù lún một số đoạn bị ngập khi triều cường, sửa chữa tường che đường dẫn cầu vượt... Tuy nhiên, đến nay việc khắc phục sự cố Văn Thánh 2 vẫn chưa thực hiện, và nguy cơ sập cầu đang đến sát.

Báo chí cũng nhiều lần lên tiếng, song, như báo Nhân Dân 12.10.2005, chua chát nhận xét : Các đơn vị liên quan vẫn cứ chờ đợi, tiếp tục đùn đẩy trách nhiệm, coi như không phải lỗi của mình...

Thừa nam, thiếu nữ : Xã hội mất cân bằng

Tiến sĩ Nguyễn Thiện Trường, phó chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, thừa nhận tình trạng sinh con trai đông hơn con gái đang gia tăng đáng báo động trên phạm vi cả nước, so với tỉ lệ tự nhiên là 105 nam/100 nữ.

Điều này đã được cảnh báo ngay từ kết quả tổng điều tra dân số năm 1999, vì lúc đó dấu hiệu mất cân đối giới

tính đã có (106 nam/100 nữ). Gần đây nhất, kết quả điều tra tại 24 xã của 6 tỉnh, thành : Bình Định, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Ninh Bình, Đồng Nai và Cần Thơ cho thấy số trẻ em trai sinh ra nhiều hơn trẻ em gái với tỉ lệ 115 nam/100 nữ.

Tư tưởng trọng nam khinh nữ là lý do chính của sự mất cân bằng này, theo các nhà quan sát.

Pháp lệnh Dân số đã quy định rất rõ nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi, thế nhưng xem ra chỉ những người trong ngành mới biết đến quy định này. Với kỹ thuật hiện đại như hiện nay, chỉ cần mang thai vài tháng là các ông bố, bà mẹ đã biết đứa trẻ trong bụng là trai hay gái. Ông Nguyễn Viết Tiến, giám đốc Bệnh viện Phụ sản Trung ương, cho rằng những năm gần đây, các dịch vụ khám chữa bệnh sản phụ khoa gia tăng mạnh, đặc biệt là dịch vụ siêu âm sản khoa với những loại máy siêu âm 3 chiều. Để sống được bằng dịch vụ này, các cơ sở đã “lách luật” bằng cách thông báo kết quả giới tính bằng miệng, trong khi đó thanh tra y tế chỉ có thể xử lý khi kết quả siêu âm có ghi rõ kết quả giới tính.

Ông Nguyễn Thiện Trường cho biết sắp tới Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em sẽ cùng với Tổng cục Thống kê tiến hành một cuộc khảo sát trên quy mô rộng để làm rõ vấn đề này đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giúp người dân hiểu rõ vai trò bình đẳng giới cũng như sẽ có những biện pháp quyết liệt nhằm thực hiện mục tiêu cân bằng giới tính.

(theo báo Người Lao động 11.10.2005)

Đa dạng văn hoá

Ngày 20.10, tại Paris, đại hội đồng lần thứ 33 của Tổ chức Giáo dục – Khoa học – Văn hoá Liên hiệp quốc (UNESCO), nhân dịp kỉ niệm năm thứ 60 ngày thành lập tổ chức, đã thông qua một nghị quyết lịch sử với số phiếu áp đảo : 148 thuận, 2 chống (Hoa Kỳ và Israel), 4 phiếu trắng (Úc, Nicaragua, Honduras và Liberia). Đó là nghị quyết về « *Hiến chương bảo vệ và phát triển sự đa dạng văn hoá* », do Pháp và Canada đồng chủ trì.

Theo Hiến chương, « *những hoạt động, sản phẩm và dịch vụ văn hoá không thể được coi như chỉ có giá trị thương mại* ». Do đó, các nước hoàn toàn có quyền lấy những biện pháp thích hợp – như những quyết định về quota phim quốc nội trên đài truyền hình Hàn quốc, mà Mỹ đã nhiều lần cự nự, hoặc quyết định hỗ trợ bằng vốn nhà nước những phim truyện của Pháp... - để bảo vệ gia sản văn hoá của mình. Hiến chương sẽ có giá trị khi có ít nhất 30 nước phê chuẩn.

Trong suốt hai năm thương lượng, Mỹ đã tích cực hoạt động chống lại Hiến chương nhằm bảo vệ quyền thống trị của kỹ nghệ phim ảnh và âm nhạc của mình. Ngoại trưởng Condeleeza Rice đã viết thư cho tất cả các đoàn đại diện các nước tại UNESCO để yêu cầu đòi cuộc bỏ phiếu, và nêu ra hiểm hoạ tổ chức này bị tan rã nếu Hiến chương được thông qua ! Nhưng ngay tới đồng minh gần gũi nhất của Mỹ là Anh cũng không chấp nhận luận điểm này.

Cho tới nay (24.10), các báo VN chưa đưa tin gì về quyết định lịch sử này.

Cúm gà, những phát triển mới

Mới đây, trước hết là những tin tức dồn dập trong tháng qua về sự xuất hiện của vi-rút H5N1 ở biên giới Cộng đồng Châu Âu (đầu tháng 10 tại Novosibirsk, Nga, mấy ngày sau đến lượt Thổ Nhĩ Kỳ, Romania), và sự bùng nổ thông tin kèm theo đó – trên mọi phương tiện truyền thông, tất nhiên là có đài truyền hình vào những giờ đầu buổi tối – *prime time*. Người xem, đọc tin nhiều lần có thể nhầm mắt về lại đường bay của những cánh chim di thể trên trái đất, từ Siberia qua Đông Âu, vượt Địa Trung Hải xuống châu Phi, hay xuống thẳng Trung Hoa, Đông Nam Á, hoặc vòng qua bắc Đại Tây Dương, sang thăm Hoa Kỳ trước khi vòng xuống các nước Nam Mỹ v.v. Nguyên tắc « cẩn tắc vô áy náy » (tiếng Pháp : *principe de précaution*) buộc các chính phủ châu Âu phải thông báo với dân dân mỗi sự kiện xảy ra (một đàn gà chết vì H5N1 ở Thổ Nhĩ Kỳ, một con vẹt ở Anh...), những biện pháp phòng ngừa (cấm nhập gà từ Romania, Thổ, tích trữ mặt nạ ga, thuốc ngừa cúm... - tuy chưa ai biết các thuốc ngừa cúm người có hiệu lực không đối với vi-rút H5N1 hoặc biến tướng của nó), đồng thời liên tiếp kêu gọi nhân dân bình tĩnh, không hoảng sợ...

Dĩ nhiên, không ai mong con vi-rút H5N1 có thể biến tướng, đổi gen, trở thành truyền nhiễm từ người sang người (hiện giờ, nó chỉ truyền nhiễm giữa các loài chim, hoặc trực tiếp từ chim sang người), song sự cẩn tắc rất có thể không là thừa ! Lịch sử con đại dịch cúm Tây Ban Nha năm 1918, với 50 triệu người chết, cũng xuất phát từ một con vi-rút cúm gà (H1N1) đổi gen, khiến người ta không thể không cảnh giác (tuy tình hình lúc đó có khác, châu Âu kiệt quệ vì 4 năm đại chiến, y học chưa đạt trình độ cao như hiện nay). Và chẳng, nếu sự hoảng loạn tập thể chỉ là phản tác dụng, ít nhất sự vào cuộc rầm rộ của giới truyền thông Âu-Mỹ cũng đã mang lại một vài hậu quả tích cực không nhỏ :

Dưới áp lực của dư luận, công ty dược phẩm Roche đã phải chấp nhận bỏ độc quyền sản xuất thuốc ngừa cúm Tamiflu. Tuy đồng thời, người ta cũng khám phá ra một trường hợp một bé gái VN bị cúm gà, được chữa bằng Tamiflu, khoẻ mạnh trở lại, nhưng trên người vẫn có vi-rút H5N1, chứng tỏ con vi-rút này kháng cự được thuốc. Các nước vội vàng trữ thêm Relenza, một loại thuốc ngừa cúm khác !

Các nước giàu bị đặt trước thế phải tích cực hơn giúp các nước nghèo sản xuất vắc-xin ngừa cúm gia cầm – tuy mới ở mức thấp (khoảng 30 triệu đô la hôm 8.10, trong khi Tổ chức Lương nông thế giới (FAO) trừ tính cần khoảng 100 triệu đô la). Con số 100 triệu đô la này thực ra là quá thấp so với 1 tỉ đô la mà Mỹ vừa bỏ ra để tích trữ thuốc ngừa cúm cho người, theo tin của Financial Times.

Tuy từ tháng 9 đến nay chưa phát hiện thêm điểm dịch nào, Việt Nam cũng đã có kế hoạch hành động khẩn cấp phòng khi xảy ra đại dịch, với gần 7 000 tỉ đồng...

Đổi mới đại học ? (tiếp theo trang 1)

– Các học giả phải được tự do theo đuổi những nghiên cứu khoa học mà không bị cản trở hay can thiệp thô bạo nào từ bên ngoài. Ngay cả những phân tích có tính phê phán cũng phải được chấp nhận một khi nó giúp soi sáng vấn đề. Những sai sót trong học thuật không cần tới « kỷ luật » có tính hành chính vì một khi được xuất bản, nó sẽ được các học giả kiểm định lại.

– Thăng tiến phải phụ thuộc vào tài năng chứ không phải vào thâm niên hay các tiêu thức phi học thuật khác.

Những nguyên tắc này dĩ nhiên không phải là những điều mới. Nhiều người VN trong hay ngoài nước cũng đã phát biểu ở nơi này, nơi khác (Ví dụ : xem bài của Nguyễn Ngọc trên trang www.ncst.ac.vn/HVGD, Diễn Đàn trích đăng một phần trong số 141). Thực ra, nếu “bụt chùa người” có thiêng hơn chùa nhà, cũng chỉ là điều tốt. Tuy nhiên, cho tới nay, người ta chưa thấy biểu hiện nào về việc những nguyên tắc này sẽ được bảo đảm ! Trong các bài nói, viết về đề án đổi mới đại học của các quan chức bộ GD-ĐT (bà Trần Thị Hà, vụ trưởng vụ Đại học và Sau đại học, ông Ngô Kim Khôi, phó vụ trưởng, ông Bành Tiến Long, thứ trưởng bộ GD-ĐT...), khi đề cập tới “tính tự chủ” sẽ được tăng cường cho đại học, vấn đề chương trình vẫn “nổi bật trong sự vắng mặt” – theo cách nói của người Pháp. Không những thế, bà Hà, trong cuộc trao đổi với VietNamNet ngày 29.9, đã nhấn mạnh lại việc “Bộ đã ban hành được hơn 100 chương trình khung. Đây là nền tảng cơ bản để các trường xây dựng chương trình đào tạo”. Điều bà Hà không nhắc lại song ai cũng biết, là sự ngự trị của các môn “Mác-Lênin” (triết học và kinh tế chính trị học), “chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử Đảng CSVN, tư tưởng Hồ Chí Minh” trong mấy chương trình khung này, ngay cả trong chương trình các khoa khoa học tự nhiên (như Toán, Lý) – môn Lịch sử VN thì không có !

Chính ông Trần Đức Nguyên, thành viên Ban nghiên cứu của Thủ tướng, cũng tỏ ra rất thận trọng khi được hỏi về sự “chủ động về nội dung chương trình” ở “đại học đẳng cấp quốc tế” (VietNamNet 19.10.2005) : “Phân khoa học tự nhiên và nhân văn thì không đáng ngại. Nhưng những phân về xã hội – kinh tế – chính trị thì ta đang quy định khá chặt chẽ, nên sẽ có nhiều việc phải quyết định”.

Ông Nguyễn không phải không biết rằng việc dạy và học các môn Mác-Lênin hiện nay chỉ là “theo cách đổi mới”, không phải như đối với các học thuyết khác. Song rõ ràng, ban Văn hoá – tư tưởng của đảng chưa từ bỏ việc áp đặt những giáo điều lỗi thời của mình, ngay cả trong khuôn viên đại học. Và một nhân vật cao cấp như ông cũng phải thận trọng. Nói chi tới quyền tự do tư tưởng, quyền suy nghĩ độc lập của sinh viên !

Trong điều kiện đó, bàn về một “đại học đẳng cấp quốc tế” có nghĩa lý gì ?

H.V.

Đề án

“ ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC ”

Theo báo điện tử của đảng CSVN (cpv.org.vn) ngày 12.10.2005, « Đề án khung về đổi mới giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam giai đoạn 2006-2010 đã hoàn thành và được thông qua ».

Đề án chưa được công bố, chúng tôi xin đăng lại dưới đây bài trả lời phỏng vấn của báo **Tiền Phong** (29.9.2005) của bà Trần Thị Hà, vụ trưởng vụ Đại học-Sau đại học, cho thấy một số nét chung của đề án. Phỏng vấn do phóng viên Hồ Thu thực hiện.

H/ Đề án Đổi mới Giáo dục Đại học Việt Nam vừa trình Chính phủ tập trung vào những vấn đề nào, thưa bà ?

Đ/ Theo quan điểm chỉ đạo trong việc xây dựng và thực hiện đề án thì trước hết phải đổi mới tư duy Giáo dục Đại học, phải đổi mới cơ chế chính sách nhằm thực sự tạo ra một môi trường sinh thái Giáo dục Đại học mới, có không gian khoáng đạt cho các hoạt động sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh của từng trường và của toàn bộ hệ thống.

Những nội dung cơ bản của Đề án tập trung vào các nhóm nhiệm vụ : Điều chỉnh cơ cấu trình độ và hệ thống nhà trường nhằm làm cho Giáo dục Đại học phù hợp với thực tiễn phát triển KT-XH của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới ; Xây dựng quy trình đào tạo mềm dẻo và liên thông ; đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập ở ĐH;

Đổi mới cơ chế tài chính Giáo dục Đại học nhằm đa dạng hoá nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư ; Đổi mới quản lý Giáo dục Đại học theo hướng tăng cường quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm xã hội và thúc đẩy năng lực cạnh tranh của các trường ĐH...

H/ Những đổi mới nào cần được coi là bước đột phá, có thể thực hiện trong thời gian tới ?

Đ/ Những công việc cần tập trung làm ngay trong 3 năm tới là:

- Mở rộng đầu vào tuyển sinh ĐH, CĐ, trước mắt triển khai với hai trường đại học Mở.

- Đổi mới chương trình đào tạo theo 2 hướng: nghiên cứu - phát triển, nghề nghiệp - ứng dụng, gắn đào tạo với nghiên cứu, nâng cao kỹ năng thực hành ; đổi mới phương pháp dạy và học, chuyển cơ bản từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ ; tăng cường liên thông trong đào tạo. Sử dụng công nghệ đo lường đánh giá hiện đại trong kiểm tra, đánh giá và tuyển sinh ; thiết lập và vận hành hệ thống kiểm định và đảm bảo chất lượng giáo dục đại học.

- Phân cấp mạnh mẽ cho các trường ĐH, CĐ. Tăng

tính tự chủ và trách nhiệm xã hội của các trường trên các lĩnh vực: nhân sự, tài chính, đào tạo, nghiên cứu và hợp tác quốc tế.

- Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục ĐH có phẩm chất đạo đức và chuyên môn cao, có phong cách quản lý và giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Hoàn thành việc bỏ chế độ biên chế trong các trường đại học; xoá bỏ sự phân biệt giữa công lập và dân lập.

- Thực hiện chế độ các trường tự phong và tước danh hiệu Giáo sư, Phó giáo sư.

- Tổ chức lại các viện nghiên cứu trong các trường đại học, bao gồm cả việc chuyển các viện nghiên cứu thích hợp về các trường đại học. Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, gắn công tác nghiên cứu với đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhập một số chương trình, giáo trình tiên tiến về khoa học tự nhiên, công nghệ và quản lý kinh tế. Tổ chức đào tạo các chương trình đó bằng tiếng Anh, mời giáo sư là người nước ngoài hoặc Việt kiều tham gia giảng dạy, quản lý.

- Hình thành một vài trường có đẳng cấp quốc tế, tiên tiến, năng động, với sự giúp đỡ về chuyên môn và quản lý của một số trường ĐH lớn trên thế giới.

Được tự chủ toàn diện cả về nhân sự và tài chính.

H/ Tăng quyền tự chủ cho các trường ĐH, CĐ có được coi như một sự cởi trói mạnh dạn nhất ?

Đ/ Với quan điểm nhằm đạt được hiệu suất cao trong quản lý, Đề án đã đề cập tới nhiệm vụ quan trọng là đổi mới quản lý ở cấp trường theo hướng : các trường được quyền tự chủ toàn diện kể cả về nhân sự, về tài chính, về tổ chức đào tạo, nâng cao trách nhiệm xã hội của trường.

Nhà trường cần có khả năng thực hiện một cách hiệu quả những nhiệm vụ được giao phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia, yêu cầu phát triển của cộng đồng. Khẩn trương thành lập và triển khai hoạt động của Hội đồng trường, triển khai quá trình xây dựng kế hoạch, chiến lược ở các trường, xem như là một biện pháp tạo nên sự đồng thuận, sự dân chủ ở nhà trường.

H/ Vậy có thể hình dung hệ thống trường ĐH trong tương lai như thế nào ?

Sẽ xây dựng 14 trường ĐH trọng điểm ; củng cố và nâng cấp các trường hiện tại cũng như xây dựng các trường mới; tăng cường thu hút các trường ĐH uy tín trên thế giới mở chi nhánh tại VN thì mạng lưới các cơ sở Giáo dục Đại học hình thành với trình độ phát triển, vai trò và trách nhiệm khác nhau, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Các cơ sở Giáo dục Đại học sẽ được phân tầng để phát triển chất lượng phù hợp với vai trò của mình, có một số cơ sở Giáo dục Đại học có tiềm năng sẽ được phát triển để có thể trở thành ĐH tầm cỡ thế giới, tầm cỡ khu vực, nhưng có cơ sở Giáo dục Đại học phát triển để đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các địa phương.

Theo dòng thời sự :

Giáo dục, các giải pháp tình thế và những vấn đề cơ bản

Theo các báo, ngày 17.10 bộ GD-ĐT đã tổ chức *hội nghị giao ban* các giám đốc sở - một trong những hội nghị quan trọng nhất trong năm của ngành giáo dục -, và 4 vấn đề "nóng" được đưa ra bàn thảo tại hội nghị là : giảm tải bậc tiểu học, hướng dẫn bỏ thi trung học cơ sở, thi trắc nghiệm môn ngoại ngữ và tình hình mua sắm thiết bị dạy học.

Người ta có thể thấy gì qua bản liệt kê những vấn đề « nóng » này ?

Vấn đề thứ hai trong danh sách là một nhiệm vụ kỹ thuật khá nặng nề mà ngành giáo dục phải thực hiện, từ khi quốc hội thông qua Luật giáo dục mới trong đó kỳ thi trung học cơ sở được bãi bỏ. Còn ba vấn đề kia ?

Có thể nói gì khác hơn rằng đó là những vấn đề mà các quan chức của bộ buộc phải tìm cách giải quyết, để đối phó với những tệ nạn, những khó khăn nảy sinh *không phải do một tình hình khách quan nào*, mà chính là từ những chính sách, giải pháp mà bản thân họ đã đề ra, và từ vị trí quyền lực của mình, đã tạo điều kiện để mọi người – nhà giáo, cha mẹ học sinh, cán bộ các cấp – phải thực hiện ?

Vấn đề thứ nhất đã quá hiển nhiên : năm này qua năm khác, việc nhồi nhét bắt các em nhỏ chưa tới 10 tuổi học ngày học đêm – để học hết chương trình theo sách giáo khoa mà bộ độc quyền biên soạn - đã vượt qua sức chịu đựng của phụ huynh học sinh. Và những tiếng kêu than của họ, được báo chí phản ánh (đây là điều mới từ một vài năm nay !), đã buộc ông bộ trưởng phải ra chỉ thị (trong Hội nghị tổng kết năm học 2004-05) giảm 15 % chương trình tiểu học kể từ năm tới. Vấn đề thứ tư cũng không cần nói nhiều : chương trình thay xoành xoạch, thiết bị dạy học theo không kịp, tới mức cả tháng sau khi khai giảng rất nhiều trường vẫn phải dạy « chay ».

Có chăng, cần nói thêm một chút về vấn đề thứ ba. Nếu trong tình trạng bình thường, việc thay đổi phương thức thi cử được diễn ra trong khoảng thời gian vài ba năm, với những chuẩn bị kỹ trước đó, những thí điểm được tổ chức nghiêm chỉnh, kết quả được giao cho các chuyên gia phân tích, đưa ra thảo luận công khai trong cả nước..., rồi quyết định được ban hành, với một lộ trình thực hiện hợp lý. Vậy, dù có đồng ý hay không với việc chuyển đổi sang thi trắc nghiệm, câu hỏi đặt ra là : Làm sao việc chuyển đổi đó có thể trở thành một vấn đề « nóng » ? Phải chăng, « cái u thi cử » - theo cách nói của giáo sư Hoàng Tuy -, với những lãng phí, tiêu cực khó bút nào tả hết (xin xem một ví dụ về nạn « phao » trong Diễn Đàn số 153) cũng đã tới ngày cần gấp rút giải phẫu ? Việc đưa công nghệ thi trắc nghiệm vào tất cả các kỳ thi, mà các nhà quản lý của bộ coi như một giải pháp nhiệm màu để giải quyết cục u này, do đó trở thành cấp bách ? Hay còn gì ẩn đằng sau sự cần thiết phải gấp rút chuyển đổi đó ?

Một sự hồi thúc rất trần thế của nhà sản xuất máy chấm thi ? Người ta không khỏi đặt câu hỏi rất không nên đặt ra này, khi đọc trên VietnamNet, ngày 11.10.2005, bài phỏng vấn tiến sĩ Nguyễn An Ninh, cục trưởng cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng (bộ GD-ĐT) về quá trình chuẩn bị cho kỳ thi trắc nghiệm toàn quốc được tổ chức trong năm học này. Với câu phán bảo sau đây của tiến sĩ cục trưởng, khi nhà báo hỏi về sự trục trặc có thể xảy ra của máy chấm : « *Không thể có chuyện máy chấm trục trặc bởi máy rất đắt tiền, khoảng vài trăm triệu đồng* ». Một khám phá thiên tài, chắc sẽ cho phép nhà nước tiết kiệm được hàng trăm triệu đồng vì khỏi phải ký hợp đồng bảo quản với công ty bán máy. Món tiền thường cũng không nhỏ, chắc bộ cũng nên dành vài phần trăm thưởng cho người đi mua máy ?!

Tuy nhiên, rác đã bày ra, việc dọn là cần thiết, chắc vì thế mà những nhà báo trong nước không thối chí gì lắm về 4 việc phải làm mà hội nghị giao ban đã nêu trên đây. Song, một bản liệt kê còn có thể đọc ở những điều nó không nêu ra ! Rất tiếc, bộ và các giám đốc sở đã chọn bỏ qua nhiều vấn đề vừa rất cơ bản vừa nóng hổi tính thời sự qua những sự kiện nghiêm trọng được báo chí nhắc tới trong suốt quãng thời gian từ những ngày đầu năm học tới ngày hội nghị.

« Bức xúc » nhất đối với những ai đặt vấn đề giáo dục nhân cách lên hàng đầu những nhiệm vụ của ngành giáo dục, là tình trạng gian dối phổ biến ở mọi nơi, mọi cấp trong việc học, việc thi. Rất nhiều nhà giáo thường xuyên lên tiếng báo động về khả năng làm băng hoại xã hội của tình trạng này. Song, ngoài những tuyên bố cửa miệng, chưa bao giờ người ta thấy bộ lấy những biện pháp kiên quyết và hữu hiệu để trừng phạt những người vi phạm, nhất là đối với những quan chức phạm các tội báo cáo gian, bằng cấp giả mạo v.v.

Về vấn đề này, chỉ xin kể ra đây hai sự kiện nghiêm trọng được các báo đưa ra trong tháng qua, mà lẽ ra bộ trưởng bộ GD và ĐT phải lên tiếng ngay, công bố rõ ràng hình thức kỷ luật được áp dụng hoặc chí ít là công bố đã cho xử lý ngay những điều tra thêm (nếu cần), song song với việc cho tạm ngưng chức những quan chức mà các biểu hiện vi phạm do báo chí đưa ra đã quá rõ ràng.

Sự kiện thứ nhất là chuyện gian dối để có bằng tiến sĩ, chức vụ (phó) giáo sư ở Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Việt nam, do báo Lao Động phanh phui ngày 14.9.2005 – báo Hà Nội mới trong 3 ngày 20-22.10 có bài trở lại sự kiện này với nhiều chi tiết hơn, song cũng cùng chung những kết luận. Bộ GD-ĐT có thể nói rằng viện này trực thuộc bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, song hoàn toàn có quyền truất các văn bằng và chức giáo sư của những người liên hệ. Một quyết định đơn giản, có tính cảnh tỉnh mẫu mực mà các giám đốc sở trong hội nghị giao ban, dù không trực tiếp dính líu (vì chuyện xảy ra ở đại học), vẫn có thể góp phần truyền bá, nhấn mạnh với xã hội quyết tâm thực sự của bộ trong cuộc đấu tranh chống gian lận trong thi cử.

Sự kiện thứ hai, phải nói là nghiêm trọng hơn, và sự im lặng của những người trách nhiệm đáng sợ không kém.

Đó là bản báo cáo gian dối về thành tích « đạt chuẩn quốc gia » về phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS) ở 76/89 xã, phường, thị trấn và 4/9 huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau. Chính những người thầy, cô giáo trong tỉnh đã tổ chức đưa một số học sinh đang học lớp 9 đi thi hộ những học sinh có tên học lớp 10 nhưng đã bỏ học từ lâu (kể cả đưa đón đến phòng thi, đưa bài giải cho chép trong phòng thi và đưa tiền bồi dưỡng), để lấy thành tích cho trường, lớp ! Báo Tuổi Trẻ chủ nhật, ra ngày 8.10.2005, đăng phóng sự về sự kiện này, với nhiều bằng chứng thuyết phục. Nhưng cho tới ngày 21.10, khi chúng tôi viết bài này, lần theo mục « giáo dục-du học » của Tuổi Trẻ trên mạng, ngược thời gian về ngày 8.10, chẳng có một phản ứng nào của bộ GD-ĐT. Chẳng ai « hỏi thăm » các cán bộ lãnh đạo sở GD-ĐT Cà Mau, xem họ có biết (bao che) hay không (bất tài, bất lực) chuyện tày trời xảy ra trong vòng quản lý của mình. Chẳng ai đặt vấn đề điều tra và xử lý những « thầy, cô giáo » đã tổ chức và/hoặc tham gia các cuộc thi gian ấy. Người ta cũng không được biết ông/bà giám đốc Sở GD-ĐT Cà Mau có mặt trong hội nghị giao ban hay không, và có phải « giải trình » về những sự việc được bài báo nêu ra hay không.

Bản « thành tích » của Cà Mau có thể không là điển hình của những báo cáo mà Bộ GD-ĐT nhận được từ các Sở, theo nghĩa là chắc ít hoặc không có những trường hợp mà sự gian dối được đẩy xa tới mức đó. Song, từ những báo cáo được « chỉnh sửa » tới những cuộc « chạy điểm » cho học trò để đạt « chỉ tiêu » thi đua, bệnh thành tích đã như một con ung thư ác tính ăn sâu vào ngành giáo dục. Có người đã mạnh dạn lên tiếng đòi bỏ hẳn những « thi đua » và đề ra phương thức khác để đánh giá thầy, cô giáo, trung thực hơn và không nặng sức ép lên bổng lặn của họ (tất nhiên là phải trên cơ sở lương bình thường đủ để nuôi sống bản thân và gia đình).

Lần này, « hội nghị giao ban » cũng không bàn đến vấn đề dạy thêm, học thêm. Hẳn cũng vì bản mãi mà không giải quyết được, khi cuộc sống của người thầy vẫn phụ thuộc rất nhiều vào những giờ dạy thêm đó – không chỉ của người thầy, như bài trả lời phỏng vấn chúng tôi trích kèm theo đây của giáo sư Nguyễn Xuân Hân (Đại học Quốc Gia Hà Nội) cho thấy !

Vấn đề học phí cũng không được đề cập tới. Cuộc nổi loạn của phụ huynh học sinh trường Lê Quý Đôn (thành phố HCM) tháng trước, trước ý đồ biến trường công thành trường tư, đã làm nguội lạnh các vị lãnh đạo của bộ và các ông giám đốc sở GD-ĐT ? Để nguội cho dễ qua hơn cái đề án học phí mới, với tham vọng « thu đủ bù chi » độc nhất trong các nền giáo dục của các nước trên thế giới ? Bản kiến nghị của Liên hiệp các hội Khoa học kỹ thuật Hà Nội (xem dưới đây) cho thấy sự việc sẽ không dễ như thế.

Và cũng cho thấy một điều càng ngày càng lộ rõ : một cuộc cải tổ nền giáo dục không thể không bao gồm cải tổ rất cơ bản về hành chính, quản lý theo hướng công khai và minh bạch hoá những chính sách, nhất là các khoản ngân sách, chi tiêu.

(H.V. soạn tin theo các báo trong nước và bình luận)

Học thêm tràn lan: Có thực giáo viên là nguyên nhân ?

GS - TSKH Nguyễn Xuân Hân

Dạy thêm và học thêm tràn lan đã được đề cập từ lâu, tại nhiều hội nghị, kể cả diễn đàn Quốc hội, song vẫn đề không thuyên giảm. Gần đây lại có ý kiến là do GV "lách luật", chất lượng giáo dục thấp cũng có ý kiến là do GV không đạt trình độ. Có thật sự các đồng nghiệp của tôi là nguyên nhân chính gây nên mọi bất cập trong giáo dục hiện nay không?

Thấy gì qua thực tiễn ?

Chương trình giáo dục của ta quá nặng, nhiều nội dung SGK đang dạy lệch pha với các bộ SGK của các nước Anh, Đức, Nga, Mỹ, Pháp và Trung Quốc từ một đến ba năm, đặc biệt là các môn tự nhiên. Dù có trình độ ĐH, không hẳn ai cũng kèm cặp được con, do đó phải nhờ thầy cô hay người khác dạy thêm.

Tiền dạy thêm về đâu ? Tại một trường tiểu học ở Hà Nội, HS học hai buổi/ngày, trường thu thêm 50.000đồng/tháng/ HS. Cô giáo dạy trực tiếp được 50 %, lãnh đạo (có hai người) -16 %, số 34 % (17.000đ) còn lại đi đâu, ít người biết vì nó là ẩn số.

Trường có 997 HS, cô giáo nhận thêm trung bình một khoản là 800.000 đồng/tháng, còn lãnh đạo là 4.000.000 đồng/tháng. Tại một trường THCS ở TPHCM, dạy thêm do nhà trường tổ chức. Mỗi tiết dạy, GV chỉ nhận 20.000đ, mỗi tháng được xếp 10 tiết, GV nhận 200.000đồng/tháng. Lãnh đạo hưởng 20 % quản lý phí. Số tiền này lên đến chục triệu đồng/tháng.

Nếu không ép học sinh ôn luyện lại những kiến thức cũ và học thêm một phần kiến thức mới thì đến khi vào chương trình chính khoá, học sinh không thể theo kịp - nhất là những học sinh yếu kém và như thế thì không thể đậu tốt nghiệp với tỉ lệ cao, giáo viên mất danh hiệu thi đua, ảnh hưởng đến lương, thưởng... (cô Đặng Thị Kim - giáo viên một trường THCS ở quận 8, TPHCM).

Trường có khoảng 1.000 HS, trong đó có khoảng 500 HS học thêm, vậy số tiền trung bình = 500 HS học thêm x 150.000đ (3 môn) x 20 % quản lý phí =15.000.000 đồng/tháng. Rõ ràng, tiền vào lãnh đạo nhiều hơn vào thu nhập của GV.

Thực tế, một giáo sinh muốn trở thành GV không ít người phải "nộp" khoảng 5.000.000đ để được dạy ở miền núi. Tại Hà Nội, con số đó phải vài chục triệu đồng. Khi chuyển công tác, GV phải "nộp" cho nơi "đi", nơi "đến", và "nộp" tiếp nếu muốn dạy ở lớp "chọn". Con số này cũng hàng chục triệu đồng, mặc dù GV có lý do chính đáng. Cái "lệ" này trở thành "luật bất thành văn", mặc dù không ai nói công khai và số tiền này đi đâu, ai cũng hình dung được.

Giải pháp cho việc học thêm, trước mắt cần thực hiện đồng bộ các quyết sách: Thay đổi tư duy thiết kế chương trình và biên soạn sách giáo khoa; tăng lương và nâng cao vai trò quản lý và điều tiết của Nhà nước.

Theo phản ánh của không ít giáo viên, việc dạy thêm theo hình thức tổ chức học thêm buổi tại trường chỉ có lợi cho phía lãnh đạo nên họ cũng rất... "nản". Theo cách tính của một giáo viên trường THPT tại quận 3 thì khi tham gia dạy trực tiếp mỗi tiết học, giáo viên đứng lớp được hưởng 20.000 đồng (!). Trung bình mỗi tháng, một giáo viên "được" xếp đứng 10 tiết thì sẽ tăng thu nhập 200.000 đồng từ khoản dạy thêm.

Nhưng, chỉ cần nằm trong danh sách ban lãnh đạo của trường thì sẽ hưởng quản lý phí với mức 20 %. Với cách tính này, ở trường nhỏ, có khoảng 400 học sinh tham gia vào các lớp học thêm, mức thu quản lý đã lên đến hơn chục triệu đồng mỗi tháng. Số tiền này chia ra cho các "vị lãnh đạo" thì mỗi người cũng phải có thêm vài triệu mỗi tháng là chuyện thường.

Đó là chưa kể đến những trường có quy mô lớn hơn, số học sinh lên đến 1-2 ngàn thì thu nhập quản lý sẽ là những con số lớn hơn gấp 5-7 lần nữa. Như vậy thì quả là quá "bất công", không chỉ đối với học sinh mà cả với đội ngũ giáo viên.

Linh Lan ghi (Lao Động 21.10.2005)

Kiến nghị Quốc hội kiểm tra sử dụng kinh phí giáo dục

Đây là kiến nghị của Liên hiệp Các Hội khoa học kỹ thuật Hà Nội tại hội thảo về giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ **tổ chức cuối tuần qua**.

Tại hội thảo, các nhà khoa học đã thống nhất kiến nghị Quốc hội cân nhắc kỹ 2 đề án là đề án học phí và đề án đổi mới giáo dục ĐH, công bố rộng rãi cho nhân dân thảo luận.

GS Vật lý Nguyễn Xuân Hãn cho rằng, nếu hạn chế những khoản chi tiêu kém hiệu quả và lãng phí như thay sách giáo khoa ở bậc phổ thông, học thêm, sao chép, cài cách, hội họp, bộ máy quản lý công kênh thì không thiếu tiền để miễn giảm học phí và cấp học bổng cho học sinh, sinh viên. Bởi chủ trương "tính đúng thu đủ" học phí trong lịch sử giáo dục chưa nước nào áp dụng.

Ông Hãn cũng phân tích những sự lãng phí khác như lãng phí trong cách làm chương trình và biên soạn SGK là vẫn theo tư duy cốt lõi và cuốn chiếu từ 20 năm nay ; đồng thời, đề nghị xem xét lại việc đầu tư 1.200 tỷ đồng cho thiết bị giáo dục trong năm học này có bao nhiêu thứ "có ích".

Còn theo ý kiến của nguyên Bộ trưởng Bộ GD-ĐT Phạm Minh Hạc, việc chi tiêu trong môi trường chuyên gia và làm sách có vấn đề. Bộ GD-ĐT chỉ quản lý những dự án quốc tế được Chính phủ đồng ý chứ không biết gì về tài chính. Bộ trưởng Bộ GD-ĐT không có quyền hạn gì lắm về tài chính, trừ những dự án quốc tế. Chỉ một số liệu ở một lĩnh vực mà 3 bộ Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư và GD-ĐT cung cấp 3 nơi cho 3 con số khác nhau.

Song Nguyên (VietNamNet, 17.10.2005)

Sổ tay

Phút nói thật

Trong không khí thân tình tại nhà riêng vào một buổi tối, bà hiệu trưởng một trường trung học được xem là "trọng điểm" của TP.HCM bộc bạch hết nỗi niềm - những điều mà bà chưa bao giờ dám nói với đồng nghiệp của mình:

"Đã trót mang cái "mác" trường điểm, không cần biết giáo viên (GV) giảng dạy như thế nào, HS học tập ra sao nhưng cuối năm ít nhất trường phải đạt được các "khoản" sau : lên lớp 100 %, tốt nghiệp 100 %, có HS giỏi cấp quận, cấp TP "

Ở đây tôi chưa kể một số giải văn, thể, mỹ dành cho GV, HS nữa. Nếu không đạt được tỉ lệ ấy, hiệu trưởng phải chịu trách nhiệm trước UBND quận, trước phòng GD-ĐT, tập thể cán bộ - giáo viên - công nhân viên của trường sẽ mất thi đua, uy tín nhà trường giảm sút...

HS trường điểm không được quyền rớt tốt nghiệp hoặc ở lại lớp. Vì thế, ngay từ khi kết thúc năm học, chúng tôi đã tổ chức các lớp học hè. Nói "*ép buộc HS học hè*" đâu có sai. Nhưng thử hỏi nếu không ép, HS sẽ không được ôn lại kiến thức cũ, học một phần kiến thức mới trong hè.

Đến khi vào chương trình chính khóa, những HS yếu, kém làm sao có thể lên lớp, làm sao có thể đậu tốt nghiệp ? Chưa hết, ở lớp cuối cấp trường còn phải gom tất cả HS yếu, kém thành một lớp riêng, đồng thời phân công GV giỏi, nhiều kinh nghiệm phụ trách.

Thế mới có chuyện GV dạy chính khóa vào buổi sáng, chiều luyện tập lại, tối thì ngồi dò bài cho HS. Ai đời lại phải "*cổ xúy*" cho việc học thuộc lòng như vẹt ? Biết là không phù hợp nhưng vẫn phải thực hiện. Không dò làm sao cuối năm các em đậu tốt nghiệp?

Ngày thi tốt nghiệp, nói thật HS hồi hộp một thì GV hồi hộp 10, còn tôi hồi hộp gấp trăm lần. Đỗ được 100 % thì thở phào nhẹ nhõm, còn rớt một, hai em GV đau khổ, khóc lóc, mình cũng buồn. Đâu phải lỗi tại các thầy cô ! Cái câu "*dạy ngày, dạy đêm*" đúng 100 % đấy chứ.

Nếu ai hỏi rằng "*có thật ngành GD-ĐT mang căn bệnh thành tích không ?*", tôi xin trả lời "*« có đấy !*». "*Bệnh thành tích đã hình thành một "guồng máy" bắt buộc cán bộ quản lý và GV, HS phải tuân theo, làm theo. Ai đứng ngoài " guồng máy " ấy coi như tự đào thải mình "*.

(Ghi theo lời kể của hiệu trưởng một trường THCS ở TP.HCM)

HOÀNG HƯƠNG (Tuổi Trẻ, 19.10.2005)

Về dự án ITER

Nguyễn Khắc Nhân

LTS: *ITER (International Thermonuclear Experimental Reactor), là phản ứng thử nghiệm nhiệt hạch quốc tế, là một dự án quốc tế khổng lồ có tham vọng tạo ra nguồn năng lượng giống như quy trình cung cấp năng lượng cho mặt trời. Sau nhiều năm trời hợp tác nghiên cứu, và thương lượng, các nước tham gia dự án đã thoả thuận xây lò ITER tại Cadarache, miền Nam nước Pháp. ITER không phải là được sự ủng hộ nhất trí của những nhà khoa học, kể cả nhiều nhà vật lý chuyên về năng lượng hạt nhân.*

Đài RFI (Radio France Internationale) ngày 18-05-2005 đã có bài phỏng vấn giáo sư Nguyễn Khắc Nhân, nguyên cố vấn kinh tế, dự báo chiến lược của công ty điện lực Pháp (EDF) và giáo sư Trường Đại học Bách khoa Grenoble (IPG), về dự án này. Bài được tác giả viết lại, bổ sung và gửi cho Diễn Đàn.

Trả lời câu hỏi về nguồn gốc, quy mô của dự án, tác giả cho biết :

– Dự án nghiên cứu quốc tế quan trọng nhất nhì ITER(International Thermonuclear Experimental Reactor) có mục đích hiến cho nhân loại trong tương lai điện nhiệt hạch hạt nhân, một nguồn năng lượng trên lý thuyết, phong phú, để thay thế dầu, khí, than dần dần sẽ cạn kiệt.

Thành viên của dự án gồm có : Hàn Quốc, Hoa Kỳ, liên minh Châu Âu, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc. Chi phí dự trù đầu tư lên đến 6 tỷ USD, sẽ cần thêm 6 tỷ nữa cho việc nghiên cứu và khai thác trong 30 năm tới, với sự cộng tác của hơn 1000 chuyên gia. (...)

Dự án ITER xuất hiện từ 1992, nhưng năng lượng nhiệt hạch hạt nhân được các nhà khoa học nghiên cứu từ hơn nửa thế kỷ nay [1].

Hỏi : *Về phương diện kỹ thuật, lò phản ứng nhiệt hạch này khác gì so với những lò phản ứng hạt nhân đang vận hành trên thế giới ?*

– Những nhà máy điện hạt nhân đang vận hành dùng phản ứng phân hạch hạt nhân (fission nucléaire). Ở đây các hạt nhân nặng uranium bị neutron bắn phá, đập vỡ ra những hạt nhân nhẹ hơn và giải phóng năng lượng. Ngược lại, trong phản ứng nhiệt hạch hạt nhân (fusion nucléaire) của lò ITER, năng lượng [2] được phát sinh khi các hạt nhân nhẹ như deutérium và tritium [3] – hai đồng vị của hydro – hợp nhất với nhau nhờ một nhiệt lượng cực kỳ lớn để hình thành hạt nhân nặng hơn.

Hỏi : *Xin gs giải thích về quy trình tạo năng lượng sẽ được tiến hành thí nghiệm trong khuôn khổ dự án ITER.*

– Anh có vẻ muốn khùng bố tôi ! Câu hỏi này khó vì tôi không có kinh nghiệm như trong lĩnh vực hạt nhân phân hạch cổ điển. Trước khi trả lời, xin anh cho phép tôi phát biểu ngay một ý kiến cá nhân còn đang nóng hổi trong đầu óc. Với điện hạt nhân phân hạch, các nhà khoa học đã bắt chước hiện tượng vật lý trong lòng quả đất. Nay với ITER, thay vì trọng nề mặt trời, sử dụng nguồn năng lượng tái tạo thiên nhiên, tương đối rẻ tiền, không cần nhiệt độ khổng lồ, các nhà khoa học một lần nữa lại khiêu khích tạo hóa. Trong 50 năm qua, họ đã phung phí tiền bạc, quyết tâm tái tạo trên trái đất này, hiện tượng năng lượng nhiệt hạch của mặt trời và những vì sao khác, mà đến nay, nhân loại vẫn chưa có 1 kWh nhiệt hạch hạt nhân nào !

Trở lại câu hỏi của anh, tôi xin vấn tắt nhắc lại hai phương pháp, tương đương, tạo năng lượng nhiệt hạch.

1. Hợp nhất từ trường (magnétique).
2. Hợp nhất quán tính (inertielle).

ITER dùng phương pháp từ trường theo kiểu lò hình bánh cam vòng Tokamak, để tạo và duy trì các điều kiện cần thiết cho phản ứng nhiệt hạch. Các nam châm siêu dẫn (supra conducteur) nhốt, kiểm soát và giữ ở giữa không trung trong lò hỗn hợp ion hóa deutérium - tritium (gọi là plasma). Công suất các nhà khoa học mong đợi là 500 MW trong vòng 400 giây.

Muốn các phản ứng nhiệt hạch duy trì mức sản xuất năng lượng cao hơn mức tiêu thụ, cần phải thoả mãn 3 điều kiện gọi là tiêu chuẩn Lawson :

– Nhiệt độ plasma phải trên 100 triệu °C (6 lần lớn hơn nhiệt độ mặt trời) [4].

– Plasma phải dày đặc.

– Thời gian giam hãm (temps de confinement) phải khá dài : vài trăm giây.

Đến nay những thí nghiệm chỉ giải quyết riêng biệt từng điều kiện. ITER có mục tiêu thoả mãn cả 3 điều kiện cùng một lúc.

Phương pháp thứ hai – quán tính - do sự chiếu xạ (irradiation) nhiên liệu deutérium-tritium bằng một nguồn ở phía ngoài gọi là driver như chùm laser hay tia X [5].

Cần nhấn mạnh một điểm quan trọng : ITER không phải là một dự án có tính cách công nghiệp, nó chỉ là một lò nghiên cứu khoa học.

Một lò nhiệt hạch hạt nhân đặt ra 3 vấn đề căn bản hết sức phức tạp :

1. Việc khuất phục được những phản ứng nhiệt hạch.
2. Việc sản xuất các thành phần để hợp nhất hạt nhân nhẹ.

3. Sức chịu đựng của những vật liệu dùng cho nhà bảo lò phản ứng (enceinte de confinement). Thiết bị ITER chỉ cho phép nghiên cứu vấn đề số 1 mà thôi.

Nguồn năng lượng nhiệt hạch hạt nhân không vô tận như người ta tưởng vì tritium (được tạo ra nhờ lithium, không có dồi dào ở biển như deutérium (34 g/m^3)). Mỗi phản ứng hợp nhất deutérium + tritium sản xuất một hạt nhân hélium và 1 neutron với năng lượng khổng lồ 14 MeV (Million électron-volt). Hiện nay chưa có một vật liệu nào có thể chịu đựng mức phóng xạ quá lớn trên.

Hỏi : *Việc tạo năng lượng qua phản ứng nhiệt hạch có « sạch » hơn quy trình tạo năng lượng qua phản ứng hạt nhân hay không ?*

— Cảm ơn anh. Câu hỏi này của anh rất quan trọng vì luận điệu tuyên truyền cho những thông tin không chính xác.

Không có nguồn năng lượng nào sạch cả, không nhiều thì ít cũng có sự ô nhiễm môi trường ! Lò nhiệt hạch hạt nhân có mức phóng xạ 10 lần lớn hơn mức phóng xạ thường gặp, kể cả trong những nhà máy điện hạt nhân neutron nhanh (réacteurs rapides).

Hỏi : *Xin giáo sư cho biết triển vọng khả thi của dự án ITER và theo ý kiến cá nhân, giáo sư nghĩ gì về dự án này.*

— Theo cá nhân tôi (và cũng là ý kiến của một số chuyên gia và giáo sư Pháp hoặc ngoại quốc), dự án ITER không có triển vọng [6].

Trong hơn nửa thế kỷ qua, số tiền dành cho lĩnh vực nhiệt hạch đã lên đến bậc tỷ USD, nay lại bỏ thêm hàng chục tỷ nữa, mà không có nhà khoa học nào dám bảo đảm sự thành công. Xong chương trình nghiên cứu ITER vào chân trời 2040–2050, (**năng lượng tái tạo lúc ấy đã kinh tế**), còn phải nhiều kinh phí để đầu tư vào các giai đoạn công nghệ và công nghiệp. Cho nên điện nhiệt hạch hạt nhân không thể nào xuất hiện trước cuối thế kỷ 21 này.

Để dành những chục tỷ USD trên để phát triển mạnh các chương trình năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng thì quý cho nhân loại hơn ! Nhiều nước công nghiệp mạnh ích kỷ, vẫn giữ áp lực, muốn duy trì ảnh hưởng và uy tín khoa học đối với các nước đang phát triển. Họ muốn điện hạt nhân tồn tại vĩnh viễn, không có sự gián đoạn từ những phản ứng phân hạch hôm nay đến những phản ứng nhiệt hạch ngày mai.

Sử dụng nhiên liệu mặt trời, nước, gió, địa nhiệt, thủy triều, sinh khối có tổn xu nào không, có dồi dào hơn không ?

Thế giới đang tiếp tục đi vào con đường bế tắc hết sức nguy hiểm. Đối với tôi, điện hạt nhân phân hạch hay nhiệt hạch không phải là lời giải cho bài toán năng lượng và hòa bình của nhân loại.

Ghi chú :

Để trả lời những câu hỏi của một số thánh giá, tác giả xin mạn phép thêm vài chi tiết sau đây :

[1]. Sơ lược những ngày tháng quan trọng :

1920 : Francis William Aston nghiên cứu về năng

lượng hélium.

1934 : Rutherford, Oliphant, và Harteck thành công thí nghiệm hợp nhất giữa hai hạt nhân deutérium.

1946 : Thomson và Blackman (đại học Londres) đăng ký bằng sáng chế lò nhiệt hạch.

1951 : Andréi Sakharov (Nga) và Igor Tamm sáng chế lò Tokamak.

1968 : Lò Tokamak T-3 (Nga).

Tiếp đó nhiều lò nghiên cứu được xuất hiện :

– Tokamak Fusion Test Reactor (TFTR) ở Princeton (Mỹ).

– JT-60 ở Nhật.

– TFR ở Fontenay aux Roses (Pháp).

– Tore Supra ở Cadarache (Pháp)

1986 : Châu Âu, Canada, Mỹ, Nga, Nhật quyết định hợp tác để chế tạo một thế hệ Tokamak mới : dự án ITER bắt nguồn từ đây.

1991 : Tokamak của Châu Âu JET (Joint European Torus) có hiệu lực cao nhất, đặt ở Culham (Anh). JET đã sản xuất được 16 MW trong vòng gần nửa giây.

2001 : Mỹ rút lui khỏi dự án ITER.

2003 : Mỹ đổi ý kiến, trở lại dự án. Trung quốc và Hàn quốc gia nhập dự án ITER. Các thành viên chọn địa điểm xây cất ở Pháp hoặc ở Nhật (Tây ban nha rút lui).

[2]. Năm 1905, Albert Einstein, lúc khám phá ra công thức lừng danh $E=mc^2$, chứng minh sự tương đương giữa E (năng lượng) và m (khối lượng), vô tình đã dọn đường cho các bom nguyên tử (Hiroshima và Nagasaki).

[3]. Các nhà khoa học chọn phản ứng tương đối đơn giản deutérium–tritium vì nhiệt độ khổng lồ (trên một hai trăm triệu °C) cần thiết thấp hơn nhiệt độ cần cho các phản ứng deutérium– deutérium hay deutérium–hélium 3.

[4]. Vấn đề lực hấp dẫn (force gravitationnelle).

[5]. Sau 2010, laser NIF (Nuclear Ignition Facility) ở Californie (Mỹ) và laser LMJ (mégajoule) ở gần Bordeaux (Pháp) sẽ được khai thác.

[6]. Các giáo sư vật lý Pháp Sébastien Balibar, Yves Pomeau và Jacques Treiner đã tỏ ý không ủng hộ ITER trên báo chí.

Hai giáo sư vật lý Nhật Masatoshi Koshihara (giải thưởng Nobel vật lý 2002) và Akira Hasegawa (chuyên gia plasma) hoàn toàn chống dự án ITER. Hai nhân vật này cho rằng dự án ITER không kinh tế mà còn nguy hiểm. Họ đã có thư cho chính phủ Nhật, yêu cầu đừng đón nhận ITER trên lãnh thổ với những lý do sau đây :

– Vấn đề an toàn và môi trường khó được bảo vệ (mức phóng xạ có thể tai hại cho sức khỏe dân chúng).

– Tritium (chu kỳ :12,3 năm) là một chất vô cùng nguy hiểm (một số lượng nhỏ bé có thể giết chết rất nhiều người).

SỔ Tay

Phong Quang

✓ Cuốn tiểu thuyết *Da Vinci Code* của Dan Brown, như mọi người đều biết, là một trong những cuốn truyện *giật gân* (thriller) bán chạy nhất thế giới trong mấy năm nay. Cũng nhờ nó mà Viện bảo tàng Louvre hay nhà thờ St-Sulpice ở Paris có thêm nhiều du khách Mỹ tới thăm, những người bình thường ra, khi tới thủ đô Pháp, chỉ chọn đi xem Le Moulin Rouge hay đồi Montmartre.

Đọc *Mật mã Da Vinci*, tôi rất thích, như tôi mê thích mọi cuốn tiểu thuyết giải trí độc đáo, và khi nào nó thành phim, thế nào tôi cũng chạy đi xem ngay từ xuất đầu. Tuy nhiên, tôi không thể đồng ý với cách đánh giá khá phổ biến trên báo chí Việt Nam, theo đó, *Mật mã Da Vinci* là « kiệt tác của văn học thế giới », đánh đồng việc bán chạy với giá trị văn học.

Sở dĩ nói tới cuốn tiểu thuyết của Dan Brown vì nó, hay đúng hơn bản dịch tiếng Việt của nó, đã trở thành xi căng đan : nhà xuất bản Thông tin Văn hoá đã tung ra thị trường với những lời quảng cáo rầm rộ về « kiệt tác », và trong vòng mấy tuần, đã bán hơn 3 000 cuốn (với giá 90 000 đồng, đắt hơn cả cuốn *Từ Đông sang Tây*). Ít ngày sau, một loạt bài báo cho thấy bản dịch là một « thảm hoạ » mặc dầu nhà xuất bản đã tuyên bố rất « yên tâm vì chất lượng » với dịch giả là một tiến sĩ văn học. Các bài báo cho thấy rõ dịch giả chưa đủ trình độ thông hiểu tiếng Anh (nhằm « Templar » là nhà thờ, « cellar » là điện thoại di động...), và không đủ những kiến thức thông thường về văn hoá, lịch sử, tôn giáo Âu Tây... Cuối cùng, nhà xuất bản đã phải thu hồi những cuốn sách còn đang bày bán và hứa sẽ hoàn tiền cho hơn 3 000 độc giả là nạn nhân của « thảm hoạ biên dịch ».

Vụ « mắc dịch » này, xét cho cùng, cũng có mặt tích cực. Nó chứng tỏ trong thời buổi « kinh tế thị trường » này ở Việt Nam, không phải chuyện làm ầu nào cũng được bỏ qua vô tội vạ, có những vụ việc mà sức ép của dư luận buộc người làm ầu phải sửa chữa. Điều đáng lo là phía nhà xuất bản, dịch giả, cũng như phía những người vạch ra những sai lầm nghiêm trọng của bản dịch, đều nhất trí trong việc đánh giá *Mật mã Da Vinci* là « kiệt tác văn học ». Thành ra vấn đề không chỉ đơn giản là dịch thuật cho đảng hoàng, mà còn phải có khả năng « giải mã » cả bậc thang giá trị.

✓ Vụ *Da Vinci Code* làm tôi liên tưởng tới chuyện đi Mỹ của ông Hoàng Minh Chính. Như *Diễn Đàn* đã đưa tin, ông Hoàng Minh Chính (85 tuổi, bị ung thư tiền liệt tuyến) sang Mỹ trị bệnh, theo lời mời của một bác sĩ Việt Nam, ông

Nguyễn Xuân Ngãi. Giữa hai cuộc giải phẫu (tiền liệt tuyến và đại tràng, cũng mới phát hiện có u), ông Hoàng Minh Chính đã phát biểu về chủ nghĩa Marx ở Việt Nam tại trường Harvard (cách phổ biến bài này trên mạng *internet* làm cho người ta hiểu là có cả ông viện trưởng Harvard tới dự, điều này, chúng tôi không dám xác nhận), gặp ông Ed Royce, phó chủ tịch uỷ ban đối ngoại Hạ viện Hoa Kỳ, để tố cáo sự đàn áp tôn giáo của chính quyền Việt Nam. Các ý kiến này, ông Hoàng cũng đã phát biểu khá cặn kẽ khi trả lời phỏng vấn của đài BBC (bạn đọc có thể vào đọc và nghe tại địa chỉ *internet* : http://www.bbc.co.uk/vietnamese/programmes/story/2005/10/milestone_hoangminhchinh.shtml).

Diễn Đàn, ngay từ những số đầu, đã giới thiệu quan điểm của ông Hoàng Minh Chính, tố cáo vụ « xét lại chống đảng » (1967-1976) mà ông là một trong những nạn nhân chính, cũng như việc chính quyền Việt Nam tiếp tục đàn áp ông trong hai thập niên 80-90, và từ đó đến nay thì cản trở quyền tự do phát biểu của ông ở trong nước. Chúng tôi thấy cũng không cần thiết nói tới loạt bài đã kích ông trên báo *Quân đội Nhân dân* trong tháng 10.2005 vì trình độ hạ cấp của chúng.

Ở đây, tôi chỉ muốn chia sẻ với bạn đọc một suy nghĩ nhỏ nhân những ý kiến của ông Hoàng về thế giới bên ngoài (phương Tây, chính quyền Bush, cũng như cái mà ông gọi là « phong trào dân chủ » trong giới đồng bào Việt Nam ở hải ngoại...). Tôi biết có nhiều người ngạc nhiên và thất vọng vì những điều mà họ cho rằng ông ngộ nhận. Nhất là những ai không có dịp đọc những bài viết của ông trong mười năm qua. Thực ra, không thể trách ông đã bị bao vây, cô lập, thiếu thông tin. Thiếu thông tin và ngộ nhận có lẽ cũng là một tình trạng chung : những lời kêu gọi tổng thống Bush giúp Việt Nam dân chủ hoá của ông Hoàng Minh Chính, có khác nào lời thủ tướng Phan Văn Khải kêu gọi ông Bill Gates đầu tư nhiều hơn nữa và từ thiện hơn chút nữa ở Việt Nam (xem *Tuổi Trẻ*, 21-6-2005) ?

Có lẽ vấn đề ở đó : dịch *Mật mã Da Vinci* không phải chuyện dễ, giải mã được thế giới bên ngoài, lại càng khó hơn.

✓ Ba Kim (*Ba Jin* 巴金), văn hào Trung Quốc, đã từ trần ngày 17.10.2005, thọ 100 tuổi. Ông là một trong ba « cây cổ thụ » của văn học Trung Quốc thế kỉ 20, bên cạnh Lỗ Tấn (*Lu Xun*, mất năm 1936) và Lão Xá (*Lao She*, bị giết ngay từ đầu Cách mạng văn hoá, 1966).

Tên thật là Lí Nghiêu Đường (*Li Yaotang*), tự Phát Cam (*Feigan*), ông sinh tại Thành Đô ngày 25.11.1904. Sự nghiệp văn học to lớn của ông tập trung vào 20 năm trước 1949, với 14 cuốn tiểu thuyết (phần lớn đã được dịch ra tiếng nước ngoài).

Tiểu thuyết đầu tiên của ông là cuốn *Diệt vong* (1929) viết tại Pháp (ông sang Pháp học từ 1927 đến 1929, tại Paris và Château-Thierry), lần đầu tiên kí bút hiệu Ba Kim. Bút hiệu và cuốn tiểu thuyết này sẽ là những « chứng cứ » về tội « vô chính phủ chủ nghĩa », khiến ông bị Diêu Văn Nguyên đánh ngay từ năm 1958, tới Cách mạng văn hoá thì bị hành hạ tàn nhẫn. Theo một truyền thuyết thì bút hiệu Ba Kim ghép họ Ba từ Bakunin và tên Kim từ Kropotkin, hai lí thuyết gia Nga của

chủ nghĩa vô chính phủ. Truyền thuyết này đúng một nửa (Kropotkin, mà Ba Kim đã dịch nhiều trước tác), còn họ Ba, thì theo những nguồn tin đáng tin cậy hơn, là họ của một người bạn học ở Pháp, Ba Ân Ba (Ba Enbo), đã trầm mình xuống sông Loire tự vẫn vì tuyệt vọng.

Hai bộ tiểu thuyết lớn của Ba Kim là những trường thiên tiểu thuyết 3 tập : bộ *Tình yêu* gồm ba tập *Sương, Mưa, Chớp*, bộ *Làn gió mới* gồm *Gia đình, Mùa Xuân, Mùa Thu*. Dưới chế độ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, ông một mặt được ưu đãi như một quan chức lớn (cho đến ngày tạ thế, mặc dầu những năm cuối, nằm liệt giường, ông vẫn là Chủ tịch Hội nhà văn Trung Quốc) một mặt từng bị phê phán nặng nề, thậm chí hành hạ tàn bạo (trong Cách mạng văn hoá). Bản thân ông cũng đã tham gia « đánh » bà Đinh Linh năm 1957, điều mà sau này ông đã công khai sám hối.

Trong một bài viết nổi tiếng, Ba Kim đề nghị thành lập một viện bảo tàng về « cách mạng văn hoá » để tránh tái diễn những sai lầm và tội ác của chủ nghĩa Mao. Ước mong của ông không được thực hiện : các chính quyền liên tiếp, từ Đặng Tiểu Bình đến Hồ Cẩm Đào, đã chọn một giải pháp đỡ tốn kém hơn là chôn sống ông dưới những mĩ từ và danh dự.

✓ Cuốn hồi kí (bán chạy bên Mĩ) của Jane Fonda vừa được xuất bản tại Pháp (*Ma vie*, nhà xuất bản Plon, 596 trang). Bản dịch tiếng Pháp, tất nhiên, không có những vấn đề của bản dịch *Da Vinci Code* tiếng Việt. Tôi tập trung đọc ngay phần hai, những chương kể hoạt động chống chiến tranh Việt Nam của JF. Không phải vì tôi bị quá ám ảnh, chỉ chú tâm tới những gì liên quan tới Việt Nam, mà vì trong những năm gần đây, chỉ đọc loáng thoáng những bản tin, những bài báo tiếng Mĩ nói về « Hanoi Jane » (biệt danh mà phái hữu Mĩ gán cho nữ diễn viên, để quy kết cho chị tội « phản quốc », « Mỹ gian »), có lúc họ đưa tin JF đã tỏ ý hối hận đã sang Hà Nội mùa hè 1972... Qua đôi điều tôi biết về con người này, tôi không tin có sự « sám hối » kiểu đó, song tôi cũng muốn biết rõ thực hư.

Phải nói hồi kí của Jane Fonda là một mẫu mực về sự chân thành và trung thực. Trong cả phần nói về gia đình (quan hệ với người cha, Henry Fonda), sự nghiệp điện ảnh (hai lần được giải Oscar), yêu đương và (ba lần) lấy chồng, cũng như về hoạt động chính trị (mà khởi đầu là chống chiến tranh Việt Nam).

Ở tuổi 68, chị khẳng định không hề hối tiếc đã ra sức chống lại cuộc chiến tranh Mĩ ở Việt Nam. Điều duy nhất chị hối tiếc là trong chuyến đi Việt Nam năm 1972, chị đã nhận tới thăm một đơn vị phòng không và để phóng viên (có cả nhà báo Nhật) chụp chị ngồi



trên mâm pháo cao xạ. Đó là một « sai lầm », gây ra ngộ nhận trong binh sĩ Mĩ, khiến họ tưởng chị chống lại cuộc chiến tranh phi nghĩa là chị « phản bội » họ.

Dưới đây, sẽ trở lại tấm ảnh. Nhưng ngay đây, tôi muốn nói rõ một chi tiết : ngay khi JF còn ở Hà Nội (lúc đó tấm ảnh chưa được công bố), một số nghị sĩ phái hữu Mĩ đã đòi truy tố chị vì đã vận động binh sĩ Mĩ chống chiến tranh qua làn sóng của đài Tiếng nói Việt Nam. Nhưng sau này, văn phòng hạ viện Mĩ cũng như FBI đã phải dẹp ý này lại. JF cho biết, khi nhìn thấy máy bay Mĩ bắn phá đê điều và các mục tiêu dân sự, chị đã chủ động yêu cầu phát biểu trên đài phát thanh, cũng như trước đó, chị đã đi tới các trại lính ở Mĩ để nói chuyện với lính Mĩ. Và điều này, JF không hề hối tiếc.

Như vậy ý đồ « trả thù » JF của phái hữu có từ trước, vì chuyến đi của JF đã có tiếng vang lớn, đặc biệt là chị đã « bắt quả tang » Nixon nói dối khi tổng thống Hoa Kỳ trối tội ném đê điều vào gần mùa lũ. Nhưng tấm ảnh « Barbarella » thần tượng của thế hệ thanh thiếu niên Mĩ ngồi « ngắm bắn » máy bay Mĩ, quả là cơ hội bằng vàng để phe hữu xuyên tạc nữ nghệ sĩ. Nhiều cựu chiến binh Mĩ đã bị đầu độc trong vụ này và hai chục năm sau, mỗi lần JF đi quay phim ở đâu, còn có người biểu tình phản đối.

Đứng về mặt đạo lí tuyệt đối, việc JF ngồi trên mâm pháo là một hành động không có gì đáng trách. Thậm chí, tôi xin nói thẳng, nếu chị bám cò và bắn roi máy bay Mĩ – cho dù ngồi trong máy bay là ông Pete Peterson, đại sứ tương lai – thì đó cũng là nghĩa cử đáng quý. JF là một trong những người Mĩ chân chính không chỉ nghĩ đơn thuần rằng « *đúng hay sai, vẫn là tổ quốc của tôi* », mà biết đi xa hơn để nói thêm : « *nếu tổ quốc đúng thì tôi ủng hộ, nếu tổ quốc sai lầm thì tôi sửa đổi* ». Ở trên là nói về mặt đạo lí, mà lằn ranh giữa đạo lí và phi đạo lí ít khi ăn khớp với biên giới quốc gia. Còn về mặt chính trị, việc làm nói trên là một sai lầm ấu trĩ. Dẫn dụ JF vào sai lầm ấy là một sai lầm lớn hơn nữa của phía Việt Nam. Tôi nói dẫn dụ vì việc tổ chức chuyến đi thăm của JF chắc chắn phải được « duyệt » từ cấp cao, chứ không chỉ do cán bộ trung cấp « hứng chí làm bậy ». Nói ấu trĩ, vì do hoàn cảnh lịch sử, ý thức chính trị của đa số người Mĩ (lúc đó) rất thấp, rất ấu trĩ. Hình ảnh JF « nhắm thẳng đầu thù mà bắn » để biến chị thành « kẻ thù » trong con mắt của những người Mĩ còn bị chính quyền Hoa Kỳ lừa dối, tóm lại, đã giúp Nixon lừa dối thêm một số người trong một thời gian nữa.

Sai lầm này cũng giống như sai lầm năm 1951 khi chính phủ Kháng chiến quyết định đưa Georges Boudarel vào làm cán bộ ở trại tù binh M113. Là những người biết rõ sức mạnh của lòng yêu nước, của ý thức dân tộc, lẽ ra họ phải hiểu hơn ai hết rằng lòng yêu nước cũng có thể biến thành chướng ngại vật ngăn cản người ta chọn lựa giữa chính nghĩa và phi nghĩa.

Điều đáng quý ở Jane Fonda là hơn ba mươi năm sau, tuy đã phải trả giá rất đắt cho « sai lầm » ấy, chị vẫn chỉ tự trách mình đã « một phút thiếu suy nghĩ ». Và không bao giờ chị hối tiếc đã dẫn thân chống chiến tranh. Ngược lại.

PHONG QUANG

Hình bên : trên mâm pháo cao xạ, JF hát bài « Dậy mà đi ».



Đặng Tiến

Thái Tuấn

Tự họa, 1994

Nhà thơ Nguyễn Khuyến (1835-1909) để lại bài thơ *Di Chúc* nổi tiếng, bắt đầu bằng câu :

Thiếu hai tuổi xuân đây chín chục, nguyên tác chữ Hán : *Ngã niên trị bát bát*, không ai hiểu con số 88 này ở đâu ra.

Nhưng áp dụng được vào trường hợp họa sĩ Thái Tuấn, một khuôn mặt tiêu biểu cho nền văn học nghệ thuật Miền Nam trước 1975. Vào ngày sinh nhật 88 tuổi (ta) anh phải vào viện cứu cấp tại Orléans, nơi anh sinh sống với con cái từ 1984, ngày sang Pháp theo diện đoàn tụ gia đình. Ngoài lớp bạn bè cùng lứa tuổi với anh, hiện nay còn lác đác với lá mùa thu, giới văn học nghệ thuật Việt Nam đã quan tâm đến cảnh ngộ của anh. Hiện nay anh đã xuất viện, tuy nhiên sức khỏe còn suy yếu.

Thái Tuấn tên thật là Nguyễn Xuân Công, sinh ngày 11-9-1918 tại phố Hàng Bông Thọ Nhuộm, Hà Nội – trong một gia đình công chức khá giả – đồng tuế và đồng môn với họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm. Anh có vào học trường Mỹ Nghệ Gia Định, và theo lớp dự bị tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, cùng khóa với Phan Tại, Đặng Thế Phong, khoảng 1938-1940, rồi bỏ dở.

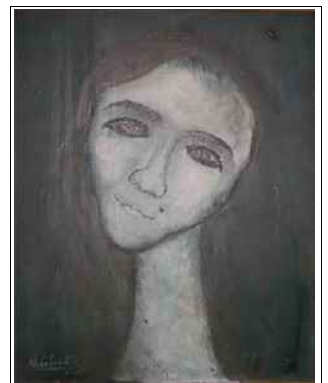


Cỡi trâu, 2005

Thời chiến tranh chống Pháp, Thái Tuấn về sống ở quê ngoại Thanh Hóa, vẽ tranh cổ động, quảng cáo và quan hệ với nhiều nhà văn kháng chiến như Thanh Châu, Quang Dũng, Hồ Dzếnh, Nguyễn Tuân. Sau hiệp định Genève 1954, anh di cư thẳng từ Thanh Hóa vào Sài Gòn, sống vào nghề vẽ quảng cáo và trang trí. Mãi đến khoảng 1956-1957 anh mới thật sự vẽ tranh sơn dầu nghệ thuật và dùng bút danh Thái Tuấn. Cùng với các họa sĩ di cư khác : Ngọc Dũng, Duy Thanh, Tạ Ty, Thái Tuấn đã góp phần xây dựng nền hội họa hiện đại tại Sài Gòn, được xem như có tham vọng làm thủ đô một nền văn hóa

mới. Bốn họa sĩ nói trên đều là nhà văn, nhà thơ ; riêng Thái Tuấn thường viết lý luận về hội họa và mỹ thuật trên các báo *Sáng Tạo*, *Bách Khoa*, và *Văn*, thịnh hành lúc đó ; bài viết của anh ít tính cách kỹ thuật và chuyên môn, nên nhẹ nhàng, cời mở và phổ quát, giúp nhiều độc giả làm quen với hội họa, là một ngành nghệ thuật mới đối với đại chúng. Những bài viết kết hợp với tác phẩm hội họa đẹp và dễ hiểu , tạo cho Thái Tuấn một uy tín : anh tham gia hội đồng giám khảo ở nhiều giải thưởng và phòng tranh. Những cuộc triển lãm cá nhân 1958, 1970, 1973 được dư luận đánh giá cao – về nghệ thuật và thương mại.

Thái Tuấn đến với sơn dầu ở tuổi bốn mươi, nên tranh anh ít sắc cạnh, khai phá, mà giàu chất hoài niệm và tính văn học, tạo không gian thoáng rộng, u hoài , thi vị. Đề tài, ưu tiên là phụ nữ trong nhan sắc, dáng dấp, cử chỉ, y phục thuần túy Việt Nam trên nền màu sắc dịu nhẹ, dung dị mà tế nhị. Nhan sắc ở đây chủ yếu không phải chỉ là nữ sắc mà là một thoáng đẹp giữa trần gian. Thái Tuấn vẽ nét đẹp của phụ nữ hơn là phụ nữ đẹp, người đàn bà hóa thân làm vẻ đẹp trong tranh, diễm ảo mà hư ảo, *một thoáng hồng nhan*, như một lời thơ. Họa sĩ Đinh Cường, tâm giao và thâm giao với anh từ non nửa thế kỷ, đã có lần nhận xét *Thái Tuấn biến*



Mắt em, 1964

bức tranh thành một cấu trúc tiềm ẩn. Anh chỉ vẽ tiếng hát chứ không vẽ người mẫu, mà vẫn nhìn ra (ca sĩ) ; anh thường tâm sự : vẽ người mà không vẽ người. Vẽ như không vẽ mới đã¹.

Vẽ phụ nữ, Thái Tuấn quan tâm đến mái tóc, đôi khi mái tóc vận hành cấu trúc bức tranh, như bức *Cội Nguồn*, 1970 ; nhưng mái tóc trong tranh còn là *một trời thu tạnh mơ say hương nồng*. Anh có bức chân dung thiếu nữ, 1964, đặt tên bằng tiếng Pháp « *Tes Yeux* » (Mắt Em) , nhắc câu thơ *mắt em là một dòng sông* ; 1974 bức *Bông Hồng Bạch*, là *hồn của bông hương trong hơi phiêu bạt*, như một *lãng hoa vắng cả bông hoa / un bouquet absent de fleurs*, theo một ý của Mallarmé.

Đến với hội họa ở tuổi bốn mươi, trải qua nhiều kinh nghiệm văn chương, Thái Tuấn để lại nhiều họa phẩm phảng phất chất văn học – có khi là một bài hát, một *dòng sông cũ vẫn xuôi niềm thương*.

Tiếng Pháp gọi họa sĩ là *artiste-peintre* ; ở Thái Tuấn, chất *artiste* nhiều hơn chất *peintre*, anh là nghệ sĩ hơn là họa nhân, anh là thi sĩ vẽ tranh, gọi anh là họa sĩ-thi nhân, như một Vương Duy thời Đường, có lẽ đúng. Trong mỗi họa sĩ, có một nghệ sĩ và một nghệ nhân : nghệ nhân lấy bức tranh làm đối tượng, nghệ sĩ lấy Cái Đẹp làm cứu cánh. Mà chữ Đẹp viết hoa là cội Vô Cùng. Từ đó mỗi bức tranh Thái Tuấn dù đã hoàn tất và toàn

bích, vẫn còn, vẫn là nỗi chờ mong – thiếu vắng. Đó là cách đọc những khoảng mông mênh trong tranh Thái Tuấn, những *trời thu xanh ngắt, quạnh vắng chiều sông, nắng chia nửa bãi, để mộng tàn lây, nhớ nhà chầm điếu thuốc...* một không gian tư lự, u hoài và mơ ước trong mùa xuân chưa đi, mùa thu chưa đến. Đòi Thái Tuấn là một bức tranh duy nhất và dở dang. Vẽ hoài mãi vẫn chưa xong một vạt trắng to, một tà nắng lưa.



Phố xưa, 2004

Giới phê bình thường nhận xét : tranh hiện đại, tây phương của Thái Tuấn vẫn giàu chất Á Đông và dân tộc. Thật ra anh không mấy chú tâm vào truyền thống, trường phái hay dân tộc tính, thậm

chí trong thời kỳ sáng tác dồi dào nhất, những năm 1960-1970, anh còn hò hững với dân tộc, định hình trong biên giới và lịch sử. Sau này, 1984, ra nước ngoài, ở tuổi xế chiều, anh mới hoài vọng về cảnh nông thôn và nông dân Bắc Bộ hồi đầu thế kỷ trước. Và để tài quê hương mới rõ nét như một ám ảnh.

Ngày nay nhiều người đòi hỏi bản sắc dân tộc trong nghệ thuật, với những luận điệu có khi thô sơ. Để lý luận được khách quan, ta thử đối chiếu với một đề tài tương tự : nghệ thuật và tôn giáo. Nhà văn công giáo thuần thành Jacques Maritain trong sách *Nghệ Thuật và Kinh Viện* đã nhắc nhở các nghệ sĩ, đại khái : nếu anh dùng nghệ thuật để phụng vụ đức tin, hay dùng tín ngưỡng để phục vụ nghệ thuật, thì hoặc là anh làm hỏng tranh, hoặc là anh làm rối đạo. Chuyển lý luận ấy sang chuyện dân tộc, cũng vậy thôi. Maritain càng nói rõ : trên lý thuyết nghệ thuật là siêu thời gian và siêu không gian, *supra tempus, supra locum*. Nhưng trong thực tế, *nghệ thuật do đề tài và cội rễ, thuộc một thời đại và một xứ sở. Những tác phẩm toàn cầu nhất, nhân đạo nhất đều mang rõ rệt dấu ấn của tổ quốc*².

Về Thái Tuấn, Đinh Cường còn lưu ý : *anh là người ngoan đạo nhưng không thấy anh đi nhà thờ. Màu sắc dân tộc e cũng cùng một cội nguồn, là những tình cảm đã nhập vào anh, ẩn sâu trong tiềm thức. Khi vẽ tự động ra*³.

Do đó mà Thái Tuấn vẽ cái gì rồi nó cũng ra dân tộc ; vì suốt đời anh chỉ vẽ thuần một giấc mơ. Con người làm chủ, kiểm soát, điều khiển được tư tưởng, thậm chí tình cảm, nhưng không ai làm chủ được giấc mơ. Giấc mơ là cái gì không thể chia chác, và cũng không thể tái lập. Nhưng dường như các nghệ sĩ có khả năng sống lại, và làm sống lại trong một bức tranh.

Nếu ai cho tôi một từ, chỉ một từ thôi trong tiếng Việt

để mô tả tranh Thái Tuấn, tôi sẽ xin chữ « thơ mộng », thơ của tuổi thơ và mộng làm bướm bướm. Nếu là tiếng hán việt, tôi sẽ dùng chữ « hoài vọng » ; hoài những bến xuân xưa và vọng về Miền Đẹp bỗng đảo xa khơi.

Tranh Thái Tuấn là miên, là niềm an tịnh vô biên. Mỗi bức tranh là một tâm cảnh đạt dào tâm cảm, một thời khắc im lặng đặt diu âm hưởng.

Nói về niềm im lặng, mà nhiều lời đâm ra ngớ ngẩn.

Một bức tranh là buổi chiều trong thơ Xuân Diệu : *nó xé hồn ta bằng nắng nhạt, bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu...*

Đăng Tiến

Orléans, 20/10/2005

Thu tịch :

- Thái Tuấn, *Câu Chuyện Hội Họa*, nxb Cáo Thom, 1967, Sài Gòn.
- Thái Tuấn, *Tuyển Tập Tranh và tiểu luận*, nxb Vaala, 1996, California. (Có phụ lục phần phê bình, giới thiệu của nhiều tác giả khác).
- Thái Tuấn, *Nguồn Mỹ Cảm*, tạp chí Văn, số 93, 1967, Sài Gòn.
- Thái Tuấn, trả lời phỏng vấn Huỳnh Hữu Ủy, tạp chí Văn, số 199, 1976, Sài Gòn.
- Huỳnh Hữu Ủy, *Bóng dáng Thái Tuấn giữa nền nghệ thuật hiện đại*, tạp chí Thế Kỷ 21, số Xuân Bính Tý, 1996, California.
- Phan thị Đỗ Quyên : *Xem tuyển tập tranh và tiểu luận Thái Tuấn*, tạp chí Thế Kỷ 21, số 91, tháng 11/1996, California.



Khoá thân, 2005

- 1 Đinh Cường, *Thái Tuấn Cội Nguồn*, báo Ngày Nay (Mỹ) số 354, ngày 01/11/1996.
- 2 Jacques Maritain, *Art et Scholastique*, ba'o Les Lettres, tha'ng 9-10, 1919, in lại 1935, trang 115 va 130, nxb Louis Rougart, Paris.
- 3 Đinh Cường, bđd.

Văn hoá truyền thống và Khoa Học (3)

Hàn Thuý

4. Triết học Bà la môn và đạo Phật tại Ấn Độ

Thật là một chủ đề mênh mông ! dù chỉ để tìm hiểu về nhận thức luận và bản thể luận, trong sự liên quan đến tư tưởng khoa học. Nếu dừng lại ở thời điểm mà đạo Phật đã rời khỏi Ấn Độ để truyền bá sang Trung Quốc và Đông Nam Á (thế kỷ thứ 8) thì có thể chia làm ba giai đoạn :

a) Trước khi Phật xuất hiện vào khoảng năm - 566, tư tưởng chủ yếu của Ấn Độ nằm trong hai bộ kinh Vệ Đà (phiên âm chữ *Veda*) và Upanishad của tôn giáo Bà la Môn. Nhưng qua kinh điển Phật giáo có thể thấy là trước khi Phật xuất hiện ít lâu thì giáo lý Bà la môn đã phần nào bị phủ nhận, bắt đầu gây nên nghi ngờ và tranh luận.

b) Từ lúc Phật đắc đạo tới trước khi Phật giáo đại thừa xuất hiện, tư tưởng của Phật giáo là nguyên thủy, trong thời này triết học và đạo học phát triển mạnh do sự tranh luận giữa giáo lý nhà Phật và đạo Bà la môn, có thể nói nhờ có đạo Phật (cùng với hai trường phái không chính thống khác là jainisme và lokayata) mà triết học Bà la môn đã phát huy lên một mức cao hơn trước. Và ngược lại đạo Phật vẫn giữ một trong hai cặp khái niệm nền tảng của Bà la môn là nghiệp / luân hồi (phủ nhận cặp tiểu ngã / đại ngã), cũng như một vài phương pháp luận khác *có thể* đã có trước, thí dụ như khái niệm duyên khởi, quá phổ quát.

c) Rồi đến thời phát triển của triết lý Phật giáo đại thừa, từ khoảng thế kỷ đầu của tây lịch, có lẽ vẫn do nhu cầu tranh luận ấy. Nổi bật trong giai đoạn này là các triết thuyết của Long Thọ và Thế Thân. Sau thế kỷ thứ tám triết học Bà la môn vẫn phát triển mạnh, nhưng không còn ảnh hưởng trên Phật giáo trung quốc (và tư tưởng truyền thống Việt Nam sau này) nữa, cho nên sẽ xin lược qua ở đây.

Tuy nhiên, nghiên cứu ảnh hưởng qua lại giữa các nhà tư tưởng và các tu sĩ tại Ấn Độ thời ấy là chuyện hoàn toàn không đơn giản. Do việc ảnh hưởng của văn hoá truyền khẩu tại Ấn Độ mạnh hơn tại Hy Lạp và Trung Quốc nhiều, mặc dù đã có chữ viết sớm nhưng các kinh sách lại được ghi lại rất trễ ; do đó để biết ai nói ra điều gì trước và ai ảnh hưởng ai là điều cần những công trình nghiên cứu ngôn ngữ, văn bản, và khảo cổ sâu rộng, hiện nay các sách vở đều cho những con số ước lượng (khác nhau) đi kèm với những ghi chú rất thận trọng. Tại sao thế ? Nếu coi ba đối tượng của tư tưởng là thiên nhiên, con người, và xã hội, thì tư tưởng Trung quốc nặng về quan hệ con người - xã hội, mà tư tưởng Ấn Độ lại nặng về quan hệ thiên nhiên - con người ¹. Con người Trung quốc là con người xã hội, Trung

quốc là nước của sử sách mà gần như không có huyền thoại. Trong khi con người Ấn Độ là con người tôn giáo, Ấn Độ là nơi chỉ có huyền thoại mà không có lịch sử, và với họ việc học thuộc lòng kinh sách có ý nghĩa đặc biệt, có lẽ do truyền thống kể huyền thoại từ rất xa xưa.

4.1. Thời Bà la môn nguyên thủy

Ngoài sức nặng hơn của tôn giáo ra, Ấn Độ cổ đại xem ra lại khá giống Hy Lạp cổ đại, đến độ có nhà nghiên cứu ngờ rằng có giao thoa tư tưởng giữa hai bên. Pythagore và Platon đều là những người tin theo thuyết luân hồi ², mà nghiệp (karma) và luân hồi (samsara) là hai khái niệm phổ quát và có thể nói là thường trực trong tư tưởng Ấn Độ từ thời kinh Vệ Đà ³. Tuy nhiên kinh này gồm chủ yếu các thánh ca và các quy định nghi lễ của người Bà la môn, trong đó có các huyền thoại về sáng tạo vũ trụ với một thế giới đa thân, các ý tưởng về bản thể chỉ là gián tiếp. Người ta thường tìm hiểu khía cạnh triết lý của người Bà la môn qua kinh Upanishad (niên kỷ khoảng từ -800 đến -300).

Theo từ nguyên, Upanishad có nghĩa *ngồi gần (thầy)*, hàm ý để thảo luận hay nghe giảng dạy. Đây là một bộ nhiều quyển kinh hình thành dần theo thời gian, hoặc ghi lại những giải thích kinh Vệ Đà ⁴, hoặc phát triển những hiểu biết khác của người Bà la môn. Theo Will Durant ⁵, nếu "*không kể mấy đoạn văn của Potah-hotep (Ai Cập) thì Upanishad là tác phẩm triết lý và tâm lý cổ nhất của nhân loại*" ... "*cổ như tác phẩm của Homère, mà lại mới như học thuyết của Kant*". Upanishad không phải là một thể thống nhất, nó ghi lại nhiều triết thuyết khác nhau.

Bên cạnh cặp khái niệm nghiệp / luân hồi, một cặp khái niệm nữa rất quan trọng và phổ quát trong triết lý Upanishad là "Đại ngã / tiểu ngã" (Brahman/Atman), có thể hiểu là rất giống như "linh hồn vũ trụ / linh hồn cá nhân" của Plotin khi ông phát triển thế giới ý niệm của Platon. Tiểu ngã phát sinh từ Đại ngã, nhưng đã quên đi để mang ảo tưởng mình tự hiện hữu, do đó lý tưởng là sự tu tập để trở về với Đại ngã. Trở về với Đại ngã là không còn bị nghiệp chi phối, thoát khỏi luân hồi.

Vậy tu tập như thế nào ? Trả lời câu hỏi đó đòi hỏi con người có hiểu biết về bản thân mình và về thế giới. Con người sinh ra từ đâu ? Cõi đời này sinh ra từ đâu ? Trước những câu hỏi này Upanishad ghi nhận mà không có câu trả lời. Hay nói đúng hơn, trong Upanishad có một thái độ mờ, nhiều ngụ ngôn trong đó cho thấy ý thức rõ rệt về sự bất túc của trí tuệ (vẫn theo Will Durant, sách đã dẫn). Từ đó có thể thấy đạo Bà la Môn cổ đại không giáo điều gay gắt. Upanishad một mặt khuyến khích thảo luận trong bao dung, ghi nhận những quan điểm khác nhau về nhận thức luận và bản thể luận ⁶ ; mặt khác khuyến khích hành giả tự mình đi tìm con đường tu tập. Và đó là điều mà thái tử Tất Đạt Đa đã làm, cũng như nhiều hành giả khác cùng thời.

4.2. Thời đại của Phật

Dù cho Bà la môn giáo nguyên thủy có thoảng đến đâu thì cũng phải giữ hai giáo điều cơ bản về nghiệp báo / luân hồi và Đại ngã / tiểu ngã. Thiếu một trong hai thì không

thể gọi là Bà la môn chính thống, mà thành « tà giáo » mất rồi. Còn thì tự do, tin có thần linh hay không tin có thần linh cũng được. Có sáu trường phái lớn được coi là chính thống sẽ xin nói trong đoạn sau ; còn lại ba tôn giáo / trường phái triết học phi chính thống lớn là đạo Phật, đạo Jain (Jaina), và triết học Lokayata.

Xin vắn tắt về đạo Jain và Lokayata ⁷. Đạo Jain cùng thời và giống đạo Phật ở chỗ không chấp nhận Đại ngã và chấp nhận luân hồi ; ngoài ra về tu tập thì khác, để đạt giải thoát họ tu khổ hạnh và bất bạo động tuyệt đối. Bất bạo động là quan điểm sau đó đã truyền sang Ấn Độ giáo (hình thức cải biên của Bà la môn trong thời hiện đại) và Phật giáo. Đạo Jain vẫn còn một số tín đồ nhỏ tại Ấn Độ, nhưng ảnh hưởng tư tưởng không còn gì nhiều. Lokayata không phải là tôn giáo mà là một triết thuyết hoàn toàn duy vật, bác bỏ cả hai tín điều cơ bản của Vệ Đà, và chỉ coi là hiện hữu những gì thấy được qua giác quan. Họ cũng đã chủ trương ý thức là do vật chất sinh ra. Đáng tiếc không còn văn bản nào của trường phái này, họ chỉ được biết đến qua những văn bản của các trường phái khác, nêu ra để chỉ trích, trong đó có một văn bản được định niên đại là thế kỷ - 4. Vậy cũng có thể coi là phái này cùng thời với Phật hay trước nữa.

Lý tưởng giải thoát khỏi nghiệp báo và luân hồi vẫn là lý tưởng của Phật giáo, nhưng quan niệm về luân hồi và giải thoát đã khác. Không còn Đại ngã mà là Niết Bàn, cái tiểu ngã là ảo tưởng thực sự, được hình thành từ các giác quan, chứ không phải là cái Đại ngã có sẵn trong con người mà bị che lấp bởi nghiệp báo. Cuộc cách mạng tư tưởng khởi đầu bằng lời dạy về Tứ Diệu Đế, dẫn đến chân lý thứ tư, Đạo đế, là con đường tu tập theo Bát Chánh Đạo. Những điều này là cơ bản của Phật giáo, chắc không xa lạ với độc giả, xin không nhắc lại thêm. Về mặt nhận thức luận thì cần nhấn mạnh chân lý thứ hai, Tập đế : đó là thuyết duyên khởi, với chuỗi Thập nhị nhân duyên ; và về mặt bản thể luận là hai chữ vô ngã và vô thường. Phật còn cho rằng tìm trả lời cho những câu hỏi xa lạ số phận con người như « vũ trụ là hữu hạn hay vô hạn »... là vô bổ.

Chuỗi thập nhị nhân duyên trong Tập đế là sự vận dụng rất rõ rệt của niềm tin duyên khởi, hiểu theo nghĩa *quy luật* của khoa học ngày nay ⁸. *Duyên khởi* tức là « có cái này thì có cái kia ». Không biết có phải chữ *nhân quả* là do người Trung Quốc dịch, một cách thứ hai, khái niệm duyên khởi của Ấn Độ (trong đó có đạo Phật) bằng cách dùng một khái niệm Trung quốc đã có sẵn. Vì *Nhân quả* tức là « A sinh ra B », A là nhân mà B là quả. Hai ngôn ngữ tưởng như tương đồng mà không hẳn thế, *duyên khởi* trung tính hơn : nói *có A thì có B* khác với nói *A sinh ra B*, nếu hiểu theo từ nguyên ! '*Nhân*', '*quả*', '*sinh ra*', đều mang một màu sắc sinh học. Hẳn là người Trung quốc cổ đại nhìn cuộc đời một cách rất ... nhục cảm ; nên đã vận vào ngôn ngữ. Vài lời đại ngôn, xin các bậc cao minh chỉ giáo.

4.3. Các triết thuyết Vệ Đà chính thống

Sáu triết hệ chính thống Vệ Đà có tên như sau : Nyâna, Vaiçeshika, Sâmkhya, Yoga, Pûrva-Mimâmsâ (gọi tắt là

Mimâmsâ), Uttara-Mimâmsâ (gọi tắt là Vedanta) ⁹.

a) Nyâna là một trường phái nhận thức luận, một số những thành quả rất đẹp của nó đã được các trường phái khác thu nạp. Theo Nyâna có bốn nguồn của hiểu biết : 1 - do cảm nhận hay quan sát trực tiếp ; 2 - do suy luận diễn dịch ; 3 - do so sánh tương tự và ngoại suy ; và 4 - do chứng nhận gián tiếp hay do dạy bảo. Diễn dịch của Nyâna gồm có 5 giai đoạn, nhưng thực chất có thể rút gọn lại thành ra tương đương với tam đoạn luận của Aristote.

b) Vaisheshika là một bản thể luận vừa duy vật vừa hữu thần ! Theo triết thuyết khá phức tạp này thế giới gồm ý thức, linh hồn, không gian, thời gian và vật chất. Vật chất được cấu tạo từ nguyên tử, cũng như quan niệm của Démocrite ; nhưng khởi đầu vũ trụ tràn ngập bốn loại nguyên tử hỗn độn : đất, nước, lửa, khí ; rồi một thần linh đã lấy những nguyên tử đó kết hợp và nhào nặn với nhau thành các thể vật chất. Về lý luận thì Vaisheshika chỉ chấp nhận hai nguồn hiểu biết đầu theo Nyâna.

c) Triết lý Sâmkhya (hay Sankhya) của Kapila (sống vào thế kỷ - 4 hay - 5, tức sau Phật) là một biện chứng giữa tâm và vật, nhưng không coi cái này được dẫn xuất từ cái kia như hai triết gia Hy Lạp Platon và Aristote. Cũng không như các triết gia theo biện chứng duy tâm hay duy vật của châu Âu sau này, theo đó Tâm "có trước", hay Vật "có trước" ¹⁰. Với ông cả tâm lẫn vật đều thực sự hiện hữu (lưỡng nguyên) và sinh hoá lẫn nhau trong một quan hệ chuyển dịch liên tục (như Âm Dương của giới tính). Như thế cũng không giống như lưỡng nguyên của Descartes (trong đó thế giới tự nhiên là vô tri vô giác). Có lẽ đây là mặt độc đáo của triết học Ấn Độ, có ảnh hưởng lâu dài đến Yoga và Phật giáo Mật tông. Trong truyền thống Ấn Độ không có sự đối chọi và gián đoạn giữa tâm và vật, mà là một sự chuyển biến hữu cơ, được phát biểu như trong thập nhị nhân duyên ; hay như trong triết hệ Sâmkhya, trong đó các quan hệ duyên khởi giữa thế giới vật chất và thế giới khái niệm - tâm linh, được trình bày hơi khác.

d) Yoga, chú trọng về các phương pháp luyện tập thân thể và trí tuệ. Có lẽ đã quá quen thuộc với độc giả.

e) Hai trường phái Mimâmsâ : Mimâmsâ có nghĩa là khảo sát, purga là có trước và uttara là có sau. Uttara-Mimâmsâ được gọi là Vedanta, sự kết thúc nghiên cứu Vệ Đà, bởi vì triết thuyết này hiện được tôn trọng như là sự phát triển và tổng hợp giàu có nhất và cao nhất của các trường phái chính thống Vệ Đà. Tuy nhiên Vedanta chỉ được hình thành từ thế kỷ thứ tám sau tây lịch, không ảnh hưởng đến chủ đề bài này. Purga-Mimâmsâ thì có từ thế kỷ -4, chính là triết thuyết duy nhất công khai gạt bỏ mọi sự hiện hữu của thượng đế thần linh, mà vẫn được coi là chính thống. Ngoài ra thì Mimâmsâ tiếp thu những thành quả của Nyâna và Vaisheshika (và cải biến để thành một thuyết nguyên tử vô thần)

4.4. Phật giáo đại thừa Ấn Độ

Hai nhà tư tưởng của Đại thừa Ấn Độ, tuyệt đối quan trọng trong triết học Phật giáo đại thừa, là Long Thọ (Nagarjuna, nửa sau thế kỷ +2), với *Trung Quán luận* và Thế

Thân (Vasubandhu, khoảng giữa thế kỷ +5), với *Thành duy thức luận*. Nhưng trước hết cũng nên xác định rõ, khi còn tại thế Phật luôn luôn từ chối những tranh luận siêu hình. Triết học Phật giáo đại thừa chỉ phát sinh nhiều thế kỷ sau khi Phật tịch để bảo vệ và phát triển giáo lý trong môi trường tranh luận triết học rất sống động, giàu có, và phức tạp, tại Ấn Độ như đã thấy ở trên (và về sau cần thiết để thâm nhập vào tầng trên của xã hội Trung Quốc, nơi cũng có một truyền thống trí thức rất cao). Không những các nhà sư tranh luận với các giáo phái khác mà còn tranh luận với nhau, tạo nên nhiều tông phái khác sắc, nhưng vẫn "sống chung hoà bình", người tu Phật có thể tùy duyên mà chọn lựa "chùa" mình thấy hợp ¹¹. Từ Ấn Độ đã như vậy, và sau này truyền bá sang các nơi khác lại càng như vậy.

4.5. Bản thể luận của Long Thọ

Cặp phạm trù chủ yếu và độc đáo của triết học Phật giáo, không thấy có trong triết học Hy Lạp cũng như trong các triết thuyết Vệ Đà, chính là "sắc/không". Không thể hiểu "sắc/không" như "tâm/vật" ; vì "sắc" bao gồm cả tâm lẫn vật. Bàn về sắc/không có lẽ cả đời không hết cho nên ở đây chỉ xin tóm lược phương pháp luận của Long Thọ, người đã phát triển chữ « không » đến tột cùng.

Phương pháp luận đó là một biện chứng rất ráo và nghiêm ngặt nhằm phủ định mọi kiến thức, mọi khái niệm của tri thức về thế giới vật chất cũng như tinh thần. Bất cứ hiện tượng hay khái niệm nào vừa nêu ra là được chứng minh nó không hiện hữu tự tại, mà chỉ là sự tập hợp không thường còn của những thành tố, những ý niệm khác. Những thành tố hay ý niệm này lại được đưa vào cõi xay phủ định của biện chứng để bị đập vỡ lần nữa, cứ như thế để cuối cùng đi đến một chữ « không ». « Không » không phải là hư vô tuyệt đối, mà được đồng nhất với Niết Bàn. Và biện chứng phủ định của Long Thọ chính là một biện chứng giải thoát, phá vỡ mọi khái niệm, mọi chấp nhất.

Vậy tại sao lại « trung quán » (cái nhìn triết chung) ? Cái nhìn ở giữa đây là không chấp nhận hư vô tuyệt đối, và cũng không chấp nhận Niết Bàn là cái gì có thể quan niệm được, như là Đại ngã của Bà la môn giáo chẳng hạn.

4.6. Duy thức luận của Thế Thân

Duy thức luận là một bản phân tích rất ráo và chi tiết quá trình tâm sinh lý về nhận thức. Trong đó sự nhận biết (nếu không muốn nói « nhận thức » !) được chia ra làm 8 quá trình, 8 « thức ». 5 thức đầu có thể coi như 5 hệ thần kinh liên hệ với các giác quan, đó là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể). Năm giác quan đó liên hệ với một quá trình trung tâm là « ý thức ». Bên trên ý thức còn có hai tầng quá trình tâm sinh lý nữa là « mạt na thức », rồi đến « a lại da thức ». Hai thức cuối này được định nghĩa khá trừu tượng, và có lẽ cần nhiều thời gian để nắm bắt. A lại da thức gồm chứa mọi « chủng tử », tức nguồn gốc tế vi của mọi « pháp », tức mọi hiện tượng và khái niệm. Chính vì thế mà người ta nhận ra nó. Như thế thức thứ 8 không còn của riêng ai, mà nó trở thành một cái gì chung, bất biến. Đại ngã ?

Hàn Thủy

Chú thích :

¹ Về phương diện này thì triết học Hy Lạp là cân bằng hơn cả trên ba cực thiên nhiên – con người – xã hội .

² Luân hồi đóng vai trò rất quan trọng trong triết thuyết của Platon để giải thích tại sao con người hiểu được những ý tưởng tuyệt đối trong thế giới ý niệm : đó là vì trước khi đầu thai linh hồn con người sống trong thế giới đó, nên khi về cõi trần thì nhớ lại.

³ Có bốn bộ kinh Vệ đà, với những chủ đề khác nhau, Theo François Chenet, trong « La philosophie indienne », nxb Armand Colin, Paris 1998, ba bộ đầu của kinh Vệ Đà được hình thành dần trong khoảng thời gian từ – 1500 đến -1200, bộ cuối được hình thành khoảng – 900 (-500 theo W. Durant). Vệ Đà được truyền khẩu nhiều thế kỷ trước khi có bản viết, vì vậy các niên đại hình thành chỉ là ước lượng và ý kiến các học giả rất khác nhau.

⁴ Học giả Nguyễn Đăng Thục có khi gọi Upanishad là « Áo nghĩa thư », cuốn sách nói về những ý nghĩa sâu kín. Nhưng chính ông và những học giả khác lại thường để nguyên chữ Upanishad mà không dịch, các sách vở tây phương cũng vậy.

⁵ *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.

⁶ Do sự so sánh thời gian hình thành của đạo Phật và Upanishad, khó biết là những quan điểm này được phát triển trước hay sau đạo Phật, với ảnh hưởng qua lại như thế nào. Thêm nữa có những tác giả sống hàng nghìn năm sau nhưng lại phát triển những ý tưởng đã có sẵn trong Upanishad. Trong bài này sẽ nói đến các trường phái chính thống Vệ Đà sau các trường phái phi chính thống, nhưng trước Phật giáo đại thừa. Như thế chỉ tôn trọng tương đối cái dần bài theo thời gian.

⁷ Theo : *Lịch sử triết học*, Nguyễn Hữu Vui chủ biên, nxb chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002

⁸ Thông thường trong đạo Phật « nhân quả » có khi được hiểu như khái niệm « nghiệp báo » : nhân nào quả nấy, đời cha ăn mặn đời con khát nước v.v. , không chính xác lắm. Nhưng trong chiều sâu hai cách hiểu này có liên hệ một cách tế vi. Vì chính sự phân tích khoa học / triết học của chuỗi thập nhị nhân duyên là nhằm giải thích và chỉ ra con đường tu tập để thoát khỏi nghiệp báo và luân hồi.

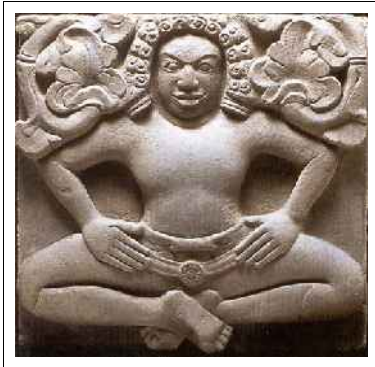
⁹ Về những triết thuyết này, xem các tác phẩm dẫn trong chú thích 3, 5 và 7.

¹⁰ Đây không phải có trước theo thời gian, dĩ nhiên. "Có trước" theo nghĩa mặc dù cái này điều kiện hoá cái kia theo hai chiều, nhưng có một mặt là cơ bản, suy đến cùng (en dernière instance) thì chính nó điều kiện hoá mặt kia. Người viết bài này mừng tượng : đã gắn với quan niệm thời gian là luân hồi thì trong biện chứng giữa tâm và vật không thể có một khía cạnh quyết định. Chỉ có thể nói "đến cùng" khi người ta có một quan niệm về thời gian tuyến tính, cơ sở cho khái niệm "tiến bộ", từ đó có thể tin ở phán quyết của lịch sử ; một khác biệt giữa "Đông phương" và "Tây phương" ?

¹¹ Có một tôn giáo tên là "Phật giáo" (PG) ai cũng nhận ra khỏi cần bàn, ít ra thì chùa nào cũng có tượng Phật ; nhưng các phương pháp tu tập giữa hai chùa có thể khác nhau rồi. Còn về những triết luận thì thật không đủ chính xác khi nói PG là thế này hay PG là thế kia, chứ còn nói gì đến "phương Đông thế này, phương Đông thế kia ». Như thế thật mù mờ sương khói, muốn minh họa cái gì cũng được. Đó là phương pháp mị độc giả của một người như Fritjof Capra, hy vọng là ông ta cũng tự mê muội chính mình...

Nghệ thuật điều khắc Chăm ở bảo tàng Guimet

(Trésors d'Art du Vietnam /La sculpture du
Champa - du 12-10-2005 au 9-1-2006)



Trà Kiệu, Quảng Nam, *Người đàn ông
đồng khố* (chạm khắc đá, thế kỷ VI).

Văn Ngọc

Sau 3 năm chuẩn bị ráo riết, với sự cộng tác tích cực về phía Việt Nam, của các bảo tàng Đà Nẵng, Mỹ Sơn, TP HCM, và sự tham gia của nhiều nhà khảo cổ học Việt Nam, ngày 11-10-2005 vừa qua, bảo tàng Guimet đã khai mạc long trọng cuộc triển lãm về nghệ thuật điêu khắc Chăm.

Đây là lần đầu tiên, một khối lượng quan trọng các tác phẩm điêu khắc Chăm đã được tập hợp tại Paris và được trưng bày một cách có hệ thống, với đầy đủ nào bản đồ, thuyết minh, nào tài liệu in ấn đẹp và công phu, cung cấp cho người xem những hiểu biết bổ ích về nghệ thuật Chăm.

Cuộc triển lãm chiếm trọn một khu vực khá rộng của bảo tàng Guimet, và được chia thành nhiều không gian, mỗi không gian dành cho một khu di tích khác nhau, và các tác phẩm được sắp đặt theo trình tự các thời kỳ nghệ thuật, trải dài từ thế kỷ V đến thế kỷ XV.

Ở ngay sảnh vào, một cuốn phim tài liệu, quay ngay tại hiện trường khảo cổ, dưới chân các tháp Chăm vào những năm 30, và những bức ảnh cùng thời, đã cho thấy công lao của các nhà khảo cổ học, những người đã có công đầu trong việc khai quật và nghiên cứu nghệ thuật Chăm ở Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX: Henri Parmentier (1871-1949), Charles Carpeaux (1870-1904), Jean -Yves Claeys (1896-1979), Philippe Stern (1895-1979). Nhà nhiếp ảnh Charles Carpeaux, người đã ghi lại được cho hậu thế nhiều hình ảnh quý báu về các ngôi tháp Chăm nay đã mai một, hoặc đã bị thời gian và các cuộc chiến tranh phá hủy, đã chết vì bệnh ở Việt Nam, lúc đó ông mới 34 tuổi. Cuốn phim tài liệu cũng đã không quên nhắc đến công lao của Louis Finot

và Trường Viễn Đông Bác Cổ.

Theo các tài liệu được trình bày ở cuộc triển lãm, thì các khu di tích nghệ thuật của dân tộc Chăm trên lãnh thổ Việt Nam, trải dài trên gần 800 km bờ biển, từ Đèo Ngang tới Bình Thuận, có thể được chia làm 5 khu, 3 khu chính, gồm những quần thể kiến trúc nổi tiếng, và 2 khu phụ, gồm những di tích ít được nói đến hơn, mặc dầu cũng có những mặt quan trọng của chúng.

Ba khu chính đó là:

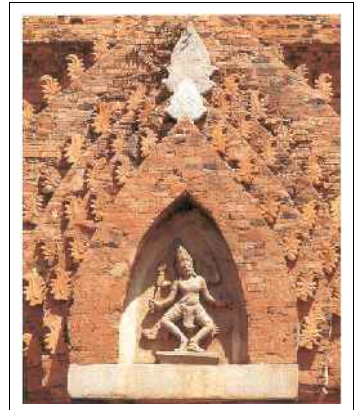
1/ khu **Mỹ Sơn - Trà Kiệu - Đồng Dương** (thuộc tỉnh Quảng Nam). Mỹ Sơn cách Đà Nẵng 60 km, về phía nam; cách Trà Kiệu (Simhapura), kinh đô cũ của vương quốc Chăm-pa, 30 km. Trà Kiệu nằm bên sông Thu Bồn, gần Hội An.

2/ Khu **Tháp Mẫm - Tháp Bánh Ít - Yang Mum - Yang Prong**, cách Quy Nhơn độ 20 km, về phía bắc (thuộc tỉnh Bình Định).

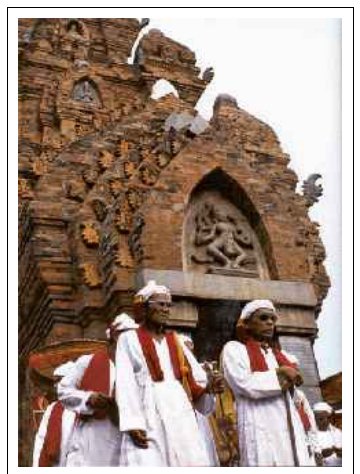
3/ Khu **Hoà Lai - Po Klaung Garai**, nằm giữa Nha Trang và Phan Rang (thuộc các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, nơi có khoảng 150 000 cư dân người Chăm sinh sống hiện nay).

Hai khu còn lại, ít được nói đến hơn, một khu nằm ở giữa Huế và Đèo Ngang, gồm các di chỉ **Đại Hữu, Mỹ Đức, Bích La, Trường Xá, Mỹ Khánh, v.v.** (thuộc tỉnh Thừa Thiên), và một khu nằm ở phía dưới Núi Thành-Tam Kỳ, gồm các di chỉ **Chánh Lộ, Phú Thọ, Đồng Phúc** (thuộc tỉnh Quảng Ngãi).

Điều đáng chú ý trước tiên, là các tác phẩm điêu khắc Chăm, tương như chỉ giới hạn ở các pho tượng và phù điêu bằng đá sa thạch, ngoại trừ những bức tượng Phật, hoặc tượng thần Ấn Độ giáo hiếm hoi được đúc bằng đồng mun (đôi khi được đúc ở tận Sri Lanka, như bức tượng Phật tìm thấy ở Đồng Dương (thế kỷ 8-9), thực ra, nghệ thuật điêu khắc Chăm còn được thể hiện ngay trên vật liệu gạch nung, ở mặt tiền của các ngôi tháp. Các phù điêu được chạm khắc thẳng trên gạch nung. Đó cũng là một trong những nét đặc thù của nghệ thuật Chăm, cho phép ta phân biệt dễ dàng các tác phẩm kiến trúc và điêu khắc Chăm với các tác phẩm Khome và Ấn Độ. So sánh với nghệ thuật của người



Tháp Po Klaung Garai, mặt tiền
Tượng thần Siva - thế kỷ XIII.



Tháp Po Klaung Garai, Ninh Thuận
- Mặt tiền ngôi tháp chính - *Lễ hội
Katê của người Chăm ngày nay.*

Khome ở Angkor, chẳng hạn, chúng ta thấy rằng, trên một công trình kiến trúc tôn giáo như ngôi đền tháp Chăm (*kalan*) - biểu tượng của ngọn núi Meru thần thoại, trung tâm của vũ trụ, theo tín ngưỡng của người Ấn Độ cổ - người Chăm và người Khome đều có cùng những quy tắc thẩm mỹ - được quy định một cách rất tỉ mỉ, chính xác, trong nghệ thuật tôn giáo Ấn Độ - cùng một sự quan tâm đến những bộ phận kiến trúc cần phải chạm khắc. Quan niệm tổng hợp kiến trúc với điêu khắc, và đôi khi với cả hội họa nữa, có nguồn gốc từ trong quan niệm kiến trúc tôn giáo của người Ấn Độ, có ít nhất từ thế kỷ thứ 3 trước công nguyên (quần thể kiến trúc Phật giáo đầu tiên ở Sanchi).



Ngũ Hành Sơn, Quảng Nam - *Visnu cưỡi chim thần Garuda* - tượng đá sơn - đầu thế kỷ IX.

trang trí phủ lên các phù điêu và các hàng cột, cũng như bên trong các ngôi nhà thờ Kitô giáo thời trung cổ : trên mặt đá của tường, cột và trần, trong các ngôi nhà thờ roman, gô tích, nổi tiếng, đã từng có những lớp vữa và những lớp sơn trang trí, đôi khi còn có cả những mô-típ vàng son lộng lẫy.

Cũng với giả thuyết về sự tồn tại của lớp vữa này, người ta còn giải thích rằng sở dĩ mặt gạch của các tháp Chăm đôi khi không đều, không bằng phẳng, là vì người nghệ nhân Chăm trông vào lớp vữa trát cuối cùng để che lấp đi những chỗ lồi lõm. Giả thuyết này không mâu thuẫn với kiểm nghiệm khoa học của các chuyên gia Ba Lan, là gạch Chăm nung non lửa (1000°-1150° C), nên dễ bị long lở. Tuy nhiên, khó mà có thể hình dung được các ngọn tháp Chăm có lớp vữa phủ ở bên ngoài và lại còn được sơn lên bằng những màu sắc rực rỡ ! Hơn nữa, các tài liệu của Trung Quốc thời nhà Đường còn để lại, đều khen ngợi người Chăm giỏi về kỹ thuật xây tháp bằng gạch nung để trần. Song, rất có thể một vài bộ phận nào đó của công trình đã được trát bằng một lớp vữa, với mục đích che chở cho gạch khỏi bị hư hại với thời gian, mặc dầu giả thuyết này cũng không thể nào đứng vững được, khi chúng ta đã chấp nhận rằng, người Chăm xây xen kẽ đá với gạch nung, chính là để thể hiện một sự tương phản nghệ thuật giữa hai vật liệu này, không lẽ sau đó họ lại đem trát lên toàn bộ công trình một lớp vữa, để lấp đi tất cả ?

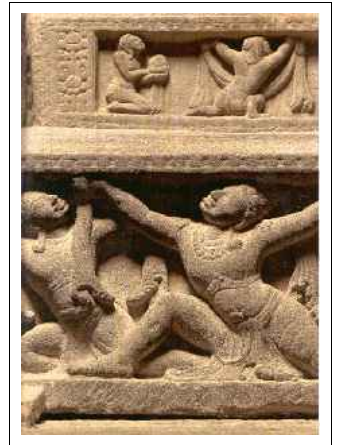
Điểm thứ hai, đáng chú ý, là các tác phẩm điêu khắc Chăm tạc trên đá sa thạch (grès), tỏ ra không được mịn màng, sắc nét, bằng những tác phẩm điêu khắc ở Angkor, hay ở các đền tháp của người Ấn Độ, mặc dầu chất liệu của loại đá có hạt to này, qua thời gian, dãi dầu nắng, mưa, sương, gió, vẫn

có một vẻ đẹp riêng, đường nét và nhịp điệu của các pho tượng lại rất sinh động, uyển chuyển.

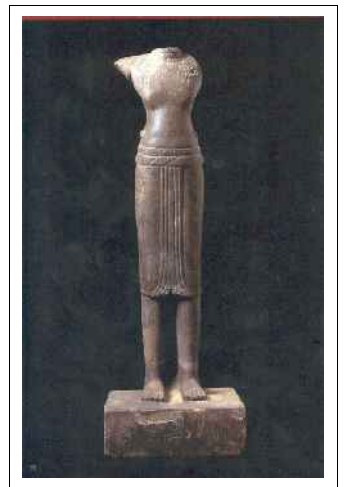
Trong các di chỉ còn tồn tại cho đến ngày nay, **Mỹ Sơn** là quần thể kiến trúc có niên đại xưa nhất và quan trọng nhất, vì còn giữ được khá nguyên vẹn các di tích, ngược lại với Đồng Dương đã bị san bằng bởi một trận bom B52 của Mỹ vào năm 1969.

Mỹ Sơn là một " thánh địa " thờ thần Siva (Ấn Độ giáo), do vua Bhadravarman I sáng lập vào cuối thế kỷ 4. Chính ở đây, mà người ta đã tìm thấy nhiều tượng thần Siva rất đẹp. Một trong những pho tượng Siva đẹp nhất (thế kỷ VIII), do bảo tàng Đà Nẵng cho mượn, đã được trưng bày ở triển lãm,.

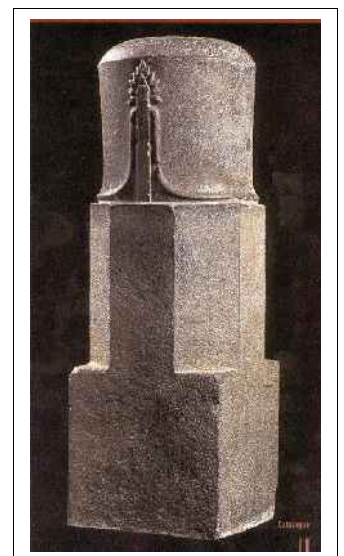
Trong tín ngưỡng của người Chăm, thần Siva đóng một vai trò quan trọng hàng đầu. Biểu tượng của thần Siva, là cái *linga*, bộ phận sinh dục của đàn ông, mà nguồn gốc là từ trong tục thờ cúng các hòn đá hình trụ, phổ biến trong dân gian từ thời thượng cổ ở khắp vùng Đông Nam Á. Ở Champa, chiếc *linga* bao giờ cũng là một hòn đá liền khối, gồm 3 phần : phần dưới vuông, phần giữa có mặt cắt hình bát giác, phần trên cùng có mặt cắt hình tròn. Phần dưới của *linga* gắn liền với một cái đế, giống như một cái chậu vuông, có rãnh thoát nước, biểu tượng của bộ phận sinh dục của nữ giới, và của Uma, hôn thê của thần Siva. Bộ phận hình chậu vuông này còn là biểu tượng của nữ thần phù hộ cho đất đai, luôn phải nhờ ơn mưa móc của *linga*. Biểu tượng của sự sinh dục, *linga* còn là biểu tượng của chiếc cột trụ chống đỡ vũ trụ, của ngọn núi Meru thần thoại. Cuối cùng, *linga* còn là biểu tượng của sự vĩnh cửu và tính chất chính thống của mỗi triều đại vua.



Mỹ Sơn, Quảng Nam - *Phù điêu chân tháp* - thế kỷ VIII



Mỹ Sơn, Quảng Nam, *Tượng thần Siva* (đá sa thạch mài nhẵn - thế kỷ VIII)



Trà Kiệu, Quảng Nam - *Linga, biểu tượng của thần Siva* - sa thạch - thế kỷ X

Cũng bởi những ý nghĩa tượng trưng đó, mà chiếc linga luôn luôn có mặt trong các biểu hiện nghệ thuật có ảnh hưởng của Ấn Độ giáo.

Khác với Mỹ Sơn, quần thể kiến trúc ở **Đồng Dương**, do vua Indravarman II sáng lập (875), mặc dầu trên danh nghĩa là nơi thờ Siva, nhưng trên thực tế nhà vua đã lấy nơi đây làm chỗ riêng của mình để thờ Phật Laksmintra-Lokesvara. Đạo Phật sẽ được các triều vua Chăm ở Indrapura sùng bái và đỡ



Đồng Dương, Quảng Nam - tượng Tara, thế kỷ IX-X

đầu cho mãi đến năm 982, khi Trà Kiệu, kinh đô của Indrapura, bị vua Lê Đại Hành đem quân sang chinh phạt. Phải chờ đến khi kinh đô của Chăm pa được rời xuống Vijaya (Bình Định), đạo Phật mới được khôi phục trở lại. Dưới các triều vua Jaya Indravarman II và Jaya Indravarman IV (thế kỷ XI và XII), Phật giáo và Ấn Độ giáo vẫn được giới quý tộc sùng bái song song. Kịp đến khi nước Chăm pa bị người Khome chiếm đóng (thế kỷ XII - XIII), thì dần dần Phật giáo bị Ấn Độ giáo lấn át đến mức không còn điều kiện để tồn tại nữa.

Ở Đồng Dương, ngoài pho tượng Phật (thế kỷ VIII-IX) và pho tượng Tara (thế kỷ IX-X) bằng đồng mun ra, còn nhiều pho tượng khác bằng đá sa thạch, có phong cách độc đáo, với những khuôn



Trà Kiệu, Quảng Nam - tượng vũ nữ - thế kỷ X

mặt có miệng, mũi, rộng, môi dày, từ tượng nhà sư cầm bông sen (thế kỷ IX-X), nhà sư dâng đồ cúng (cuối thế kỷ IX- đầu thế kỷ X), đến các tượng Quan Âm, Thần giữ cửa, v.v.

Trà Kiệu, kinh đô cũ của vương quốc Chăm pa, cũng có không ít tác phẩm điêu khắc có giá trị. Đáng chú ý nhất, về mặt tượng, có lẽ là bức tượng vũ nữ Chăm, trên một nền tháp bằng đá (thế kỷ X). Ngoài ra, còn có rất nhiều tượng vũ nữ khác, với phong cách nghệ thuật dân gian, giống như những tượng chạm khắc gỗ trong các ngôi đình chùa Việt Nam. Tượng các thú vật, đặc biệt, những con voi trên các bức phù điêu cũng là những tác phẩm sinh động, đáng chú

ý. Có một bức chạm nổi bằng sa thạch, rất cổ (thế kỷ VI ?), thể hiện một nhân vật đóng khố, ngồi xếp bằng, hai tay để trên háng, mà người ta cho rằng mang đậm ảnh hưởng của phong cách nghệ thuật Gupta, Ấn Độ (thế kỷ V). Nhân vật trên bức chạm nổi này khiến cho người xem phải kinh ngạc về tính chất thật và sống động của nó.

Ở **Chánh Lộ**, cũng có những tác phẩm đáng chú ý, đặc biệt là những pho tượng nữ thần, tượng Makara ngâm trong

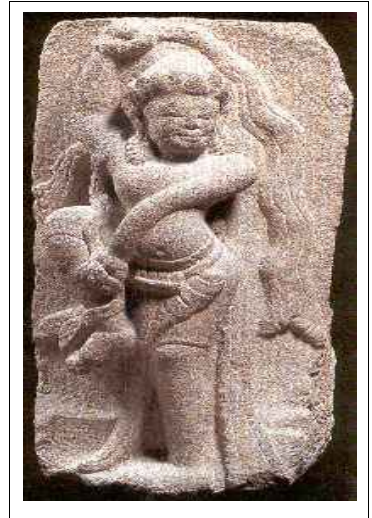
miệng hai nhân vật nam nữ đang quấn lấy nhau.

Ở **Hương Quế**, Quảng Nam, có tượng nữ thần Devi nổi tiếng, đã được đưa vào trưng bày ở Viện cổ chàm Đà Nẵng ngay từ 1928.

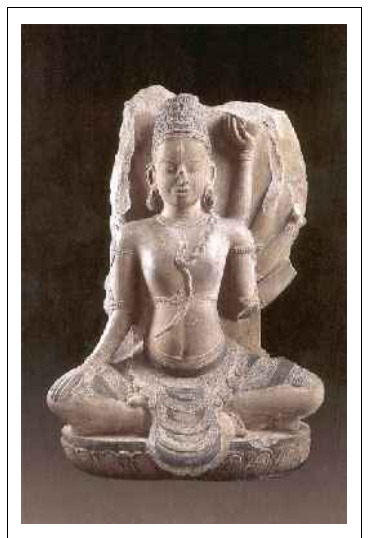
Rải rác đây đó, cũng còn nhiều pho tượng có giá trị nghệ thuật khác, như ở **Ngũ Hành Sơn**, Quảng Nam, có pho tượng thần Visnu cưỡi trên lưng chim thần Garuda.

Ở **Tháp Bánh Ít**, có tượng Siva mười tay, bằng đá sa thạch, được mài nhẵn, bức tượng có khuôn mặt đẹp, cơ thể cân đối, từ nụ cười toát ra một sự an nhiên, thanh thản. Đây là một trong số hiếm hững pho tượng được chính quyền bảo hộ đưa sang bảo quản tại bảo tàng Louvre ngay từ cuối thế kỷ XIX.

Những tác phẩm điêu khắc tìm thấy ở **Tháp Mẫm**, có niên đại muộn hơn (thế kỷ XII-XIII). Hình dạng, tỷ lệ, và phong cách của các mô-típ trang trí ở đây trông thô hơn hẳn, so với nghệ thuật ở các thời kỳ trước. Có một cái gì đó như một sự suy đồi về phong cách. Những mô-típ thú vật thần thoại này làm cho người ta không khỏi nghĩ đến những mô-típ điêu khắc bằng gốm nung khai quật được gần đây ở di chỉ hoàng thành Thăng Long. Sự trùng hợp này chỉ có thể giải thích được bằng bàn tay của chính các nghệ nhân người Chăm bị các vua Việt, từ thời Tiên Lê, đến các thời Lý, Trần, Lê, bắt đem về Thăng Long xây dựng các cung điện, đền đài cho họ, và rồi những người Chăm này đã định cư tại đây, hoặc tại các làng mạc lân cận.



Trà Kiệu, Quảng Nam - Vũ nữ múa với dải lụa - chạm nổi, thế kỷ X



Tháp Bánh Ít, Bình Định - tượng Siva mười tay ngồi nhập định - thế kỷ XI



Tháp Mẫm, Bình Định - Rồng-Macara - thế kỷ XII-XIII

Văn Ngọc

Trò chuyện với
nhà thơ THANH THẢO
về Nhật kí
ĐẶNG THUY TRÂM

Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm là một sự kiện quan trọng trong đời sống tinh thần và văn học Việt Nam trong mấy tháng qua : trong vòng ba tháng, người ta đã mua 300 000 cuốn sách. Người ta theo dõi lộ trình của hai cuốn sổ tay từ Quảng Ngãi đến Texas Tech University, đi tìm vết tích của trung sĩ Nguyễn Trung Hiếu, người đã thấy « lửa » trong những dòng chữ cháy bỏng ấy và đã thuyết phục Fred Whitehurst, sĩ quan quân báo Mỹ, nay đã trở thành con nuôi của bà Doãn Ngọc Trâm (mẹ của Thuỳ Trâm), giữ kĩ hai cuốn sổ tay, để 35 năm sau, ... « chuyển lửa về quê hương ». Chuyến đi Mỹ của bà mẹ, của ba người em gái chị Thuỳ, cuộc gặp bà « mẹ Mĩ » của Fred, cuộc gặp anh Nguyễn Trung Hiếu... không chỉ là mối quan tâm của báo chí và độc giả Việt Nam, mà trở thành đề tài cho báo chí, truyền hình Mĩ và báo chí quốc tế. Tính đến cuối tháng 10, đã có những dự án dịch và xuất bản nhật kí Đặng Thuỳ Trâm ra tiếng Anh, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha...

Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm không phải là cuốn « nhật kí chiến tranh » đầu tiên được xuất bản ở Việt Nam (hay ở nước ngoài). Tại sao con người ấy, những trang sổ tay thâm kín ấy, ở lúc này, lại tạo ra xung động lớn ? Đó là một trong những câu hỏi chúng tôi đặt ra cho nhà thơ Thanh Thảo nhân dịp anh đến thăm nước Pháp. Dưới đây, xin ghi lại một số ý kiến của anh trong một số cuộc gặp, đặc biệt là buổi nói chuyện thân mật của anh chiều chủ nhật 09-10 tại quán Monge (Paris). Chúng tôi cố gắng ghi lại một cách trung thành, nhưng vì không kịp gửi tác giả đọc lại, nên xin chịu trách nhiệm hoàn toàn trước tác giả và độc giả về những sai sót có thể.

« Trước hết xin nói về bối cảnh xuất bản cuốn nhật kí này. Như các anh chị biết, trong vòng hơn hai tháng, theo tôi biết, cuốn này đã được in ra hơn 250 000 bản. Đó là điều chưa từng có trong mấy chục năm qua. Trước đây cuốn **Trăm năm cô đơn** của Gabriel Garcia Marquez, do bạn tôi, anh Nguyễn Trung Đức dịch, cũng đã lập kỉ lục là in 100 000 bản, nhưng đó là tổng cộng ba lần xuất bản, do ba nhà xuất bản khác nhau, và trải dài trong thời gian hơn một năm. »

Ai xuất bản Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm ? Sách đề « Nhà xuất bản Hội nhà văn », nhưng nghe nói ở Việt Nam, sách vở thực sự là do « đầu nậu » bỏ vốn xuất bản, phát hành ?

« Tờ báo đầu tiên nói tới nhật kí ĐTT là báo Thanh Niên trong số ra ngày 28.04.2005. Bài báo đưa tin khá tường tận việc phóng viên Mĩ Ted Engelmann trao tay gia đình chị Trâm bản nhật kí dưới dạng CD. Nhưng lúc đó, chính báo Thanh Niên cũng không thấy giá trị của cuốn nhật kí này, bài báo đăng rồi, họ cũng quên đi. Tuổi Trẻ là tờ báo đầu

tiên đăng tải một số trang nhật kí. Mà việc này cũng có nguyên do tình cờ của nó : trước đó, Tuổi Trẻ đăng nhiều kì nhật kí của Nguyễn Văn Thạc (**Mãi mãi tuổi hai mươi**), nhưng nửa chừng thì ông Đặng Vương Hưng (1) không cho đăng tiếp, nói là để in sách. Tuổi Trẻ phải cáo lỗi bạn đọc và đi tìm một tác phẩm khác. Họ gặp nhóm mấy cậu trẻ của công ti Nhã Nam vừa được gia đình chị Trâm cho phép xuất bản tập nhật kí. Những trang nhật kí in trên Tuổi Trẻ đã gây tiếng vang lớn, và người đọc đổ xô tìm mua nhật kí khi cuốn sách được xuất bản. Việc này cũng chứng tỏ ông Hưng tính sai : báo trích đăng trước có thể là cách quảng cáo tốt cho cuốn sách, chứ không hạn chế số người mua sách ».

Công ti văn hoá và truyền thông Nhã Nam là thế nào ?

« Đây là mấy cậu trẻ (tuổi 30) trước đây làm phóng viên cho báo Lao Động. Sau chắc vì không thoải mái với cung cách quan liêu, họ cùng nhau ra mở một công ti trách nhiệm hữu hạn để xuất bản sách, nghĩa là « liên doanh » với những nhà xuất bản chính thức để ra sách, ta vẫn gọi là « đầu nậu ». Họ trẻ và nhạy bén, nên thấy ngay loại sách nào sẽ có người đọc, dù đề tài là chiến tranh, nghĩa là đề tài nhiều người nghĩ sẽ ít người đọc, nhất là giới trẻ. Cuốn sách đầu tiên của họ (đứng tên Nhà xuất bản Trẻ) là **Bí mật chôn vùi, sự thật tàn bạo**, do Trịnh Lữ dịch từ phóng sự của ba nhà báo Mĩ (M. D. Saliah, M. Weiss và J. Mahr, của tạp chí The Blade) nói về những cuộc tàn sát năm 1967 gần Thung lũng sông Vệ cũng ở Quảng Ngãi (phóng sự điều tra này đã được giải Pulitzer tháng 4.2005). Cuộc tàn sát này là do những đơn vị biệt động Mĩ Tiger Force, bà con ta ở khu Năm quen gọi là bọn « Mĩ lét » gây ra. Cuốn sách in ra, bán chạy.

« Với sự nhạy bén ấy, họ tìm gặp gia đình Đặng Thuỳ Trâm. Thoạt đầu gia đình cũng ngần ngại vì nghĩ mấy ai muốn đọc. Cũng phải nói, cho đến lúc đó, chỉ có người trong cuộc mới biết Đặng Thuỳ Trâm, tuy rằng trong cuốn **Có một con đường mòn trên Biển Đông**, anh Nguyễn Ngọc cũng đã ghi lại lời đại tá Thắng kể về chị Trâm. Theo tôi biết, tỉnh Quảng Ngãi đã hai lần lập hồ sơ xin chính phủ truy tặng danh hiệu anh hùng cho Đặng Thuỳ Trâm nhưng không kết quả ».

Trên Talawas, có người phát hiện những đoạn nhật kí (có hình chụp ở bìa sách) không có trong bản in. Như vậy có sự kiểm duyệt sao ?

« Tôi nghĩ đây là do mấy cậu này vội vàng nên sơ sót thôi. Họ cốt sao in cho nhanh, ra cho nhanh. Họ là người kinh doanh, không phải là những nhà chính trị, tuyên huấn gì đâu. Nhà xuất bản chỉ đứng tên và thời buổi này, họ cũng « tích cực vừa phải » thôi. Sách in ra, dư luận chú ý. Tỉnh Quảng Ngãi mới dấy lên phong trào đi tìm nhân chứng, chính tôi cũng tham gia việc này và phỏng vấn nhân chứng, sau này mới biết là không đúng. Sách in rồi, nhà nước mới biết và cũng được « thơm lây », « ăn theo » chút đỉnh vậy thôi. Bán chạy quá nên có vụ in lậu. Cho nên con số tôi nói lúc này là số in chính thức thôi, chẳng ai kiểm soát được con số in lậu. Mấy cuốn sách tôi mang theo sang đây, tôi mua khoảng 30 000 một cuốn, trong khi giá chính thức là 43 000, như vậy cũng là sách in lậu thôi. Đây cũng là tình trạng chung của thị trường sách vở. » (về việc cuốn sách bị « biên

tập », xin xem trang 2 số này).

« Giá trị cuốn sách, trước hết ở chính nội dung của nó. Sau đó, một điều rất quan trọng là cái số phận long đong của nó trong suốt ba mươi mấy năm qua. Nhưng tôi nghĩ, trước hết là ở nội dung. Tôi xin thú thật là bản thân tôi chưa bao giờ đọc hết cuốn sách mặc dầu, vì làm báo, phải viết bài, tôi là một trong những người đầu tiên được đọc nó. Mỗi lần giờ sách ra, đọc được mấy trang, là nước mắt nhòa hết. Cũng có thể vì đặc biệt xúc động : tôi thuộc thế hệ thua chị vài tuổi, vào chiến trường sau chị mấy năm, nhưng những gì chị đã trải qua thì hầu hết bọn chúng tôi, tốt nghiệp đại học ở miền Bắc rồi vào chiến trường ở Khu Năm hay Nam Bộ, đều đã trải nghiệm. Đọc chị, chúng tôi nhận ra mình. Nhưng tôi nghĩ, sự xúc động của người đọc xuất phát từ sự trung thực của những trang nhật kí. Người ta viết nhật kí không phải để in, mà viết cho mình, thậm chí không cho người thứ hai. Đối với chúng tôi hồi đó, lúc viết nhật kí là lúc mình được trải cái lòng mình ra. Cuốn nhật kí thực ra là người bạn để mình tâm sự. Chị Trâm người có rất nhiều bạn, nhưng nhật kí là người bạn thân thiết nhất của chị ».

« Cũng phải nói thêm, việc viết nhật kí như vậy, đối với nhiều người chung quanh, rất khó được thông cảm. Cho nên có thể nói rằng : may lắm, chị mới giữ được nhật kí, và cũng may là sau đó nó rơi vào tay lính Mĩ, vào tay một người như Fred. Nếu nó rơi vào... « lính ta » thì chắc cũng không còn. Người mình ít có ý thức lưu giữ, hoạ may khi một người hi sinh, đồng đội thấy được thì gửi về cho gia đình, nếu không thì mất luôn. Trong cái rủi là rơi vào tay lính Mĩ, lại có cái may đây là người lính Mĩ có học. Đó phải chăng là số phận ? Chị Trâm là người sống trong sáng, khi chết, thành linh thiêng ».

Tới đây, Thanh Thảo trích đọc mấy đoạn tạp chí Sông Trà. Bàn về số phận cuốn nhật kí, một giáo viên Quảng Ngãi nói tới chữ **Thời** : « Tất cả những người tham gia vào số phận ba mươi lăm năm của cuốn nhật kí này đều gặp một chữ : **Thời**. Phải chăng người duy nhất không gặp chữ **Thời** này là thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu ? ». « Nếu không có anh Hiếu, Thanh Thảo nhấn mạnh, thì cuốn nhật kí này đã ra tro rồi. Và ngày nay, khi mọi người xôn xao bàn cãi về nó, thì người duy nhất im lặng là anh Hiếu. Có lẽ một lần nữa, con người trong sáng, nhân hậu ấy lại không gặp chữ **Thời**. » (buổi nói chuyện này diễn ra trước khi báo Tuổi Trẻ đăng loạt bài phóng sự về Nguyễn Trung Hiếu, trong đó anh cũng không chịu nói gì thêm về câu chuyện quá khứ).

« Cái số phận của cuốn nhật kí hình như cũng đã 'lây lan' sang số phận của những người liên can tới nó. Thí dụ như Fred Whitehurst, người đã giữ nó trong 35 năm qua. Hình như nó đã gây ra một sự thức tỉnh ở Fred. Sau này anh ta đổi nghề, và đã từng kiện FBI trong một vụ kiện lấy lòng. Tất nhiên, bản thân Fred có nội lực. Nhưng tôi nghĩ, cuốn nhật kí cũng đã truyền thêm « lửa » cho Fred » (Tất nhiên, không phải ai cũng thế. Có người rất long đong, có người rất « thân thiết » với chị Trâm, sau này « hoá ra cũng... không ra gì »).

Hấp lực của nhật kí Đặng Thuỳ Trâm đa phần cũng dẫn xuất từ « tình phức hợp » của những tình cảm gọi là « tiểu tư sản » (xem bài của Thanh Thảo, *Diễn Đàn* số trước). Nhân

dịp này, nhà thơ kể chuyện người bạn của anh, Phan An (cháu cụ Phan Khôi) : « Phan An, tiến sĩ, cán bộ Viện sử học, cũng vào chiến trường Nam Bộ với tôi. Suốt đường Trường Sơn, anh ghi nhật kí. Vào đến Nam Bộ, có người lấy trộm nhật kí của anh, đem nộp chi bộ. Từ đó, suốt năm năm trời ở chiến trường, cho đến ngày giải phóng, Phan An bị 'hành' rất cực. Sau ngày giải phóng, chúng tôi về Sài Gòn, không thấy anh đâu, mới đi tìm. Anh bị bỏ quên ở một góc rừng nào đó, không biết là đã giải phóng ! Bây giờ người ta đang in nhiều nhật kí lắm. Sao không in nhật kí Phan An thì hay biết bao ».

« Chúng tôi lên đường, rất ngây thơ, cái ngây thơ của người chưa trưởng thành. Vào đến chiến trường, ngạc nhiên khi thấy trong chiến đấu, con người cũng vẫn là con người, với những nhò nhen, tiêu cực của đời thường, không phải lúc nào cũng cao cả. Nói lên được những đau đớn ấy, những điều không nói ra được ấy, chính là giá trị cuốn nhật kí Đặng Thuỳ Trâm. Và chính cái chất người trong sáng ấy, ngày hôm nay, đã đi tới được lớp trẻ Việt Nam. Người đọc Đặng Thuỳ Trâm, đông nhất là lớp trẻ. Cho đến nay, họ ít đọc, và không quan tâm gì tới 'chính trị'. Nếu nhà nước mở 'chiến dịch' học tập thì chắc họ cũng không đọc đâu. »

« Nếu chị Trâm còn sống ngày hôm nay, tôi chắc chắn chị không cho in cuốn nhật kí. Chị sẽ sống thâm lặng, biết đâu cũng như thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu, sống ngoài chữ **Thời**. Ở cái thời như bây giờ, những người như thế, sống chắc cũng buồn. Con đường thẳng tiến, từ bệnh xá lên bệnh viện, phó giám đốc, giám đốc sở y tế, hay cao hơn nữa, đối với một người như chị Trâm chắc cũng khó. Cho dù có bề dày thành tích « vừa hồng vừa chuyên » như thế, một con người tuyệt đối trong sáng, tuyệt đối trung thực như chị, cũng khó thành đạt. Tôi nghĩ nếu còn sống, chắc chị cũng khổ ».

Trong giờ thứ nhì của cuộc nói chuyện, Thanh Thảo đề cập tới « phẩm chất nhà văn » của Đặng Thuỳ Trâm và « giá trị văn học » của nhật kí. Anh nhấn mạnh tới khả năng phân tích nội tâm và khả năng biểu cảm của tác giả. Nhật kí Chu Cẩm Phong là một tác phẩm văn học, nhưng khi viết nhật kí, Chu Cẩm Phong ý thức mình là nhà văn, nhiều trang nhật kí của anh là những trang ghi chép làm tư liệu cho tác phẩm tương lai. Đặng Thuỳ Trâm, cũng như Anne Franck, viết cho riêng mình. Nhưng phẩm chất nhà văn đã giúp chị biểu lộ được những cung bậc tình cảm phức hợp : tình yêu cháy bỏng bị thất vọng, phức cảm « tiểu tư sản », tình bạn, tình chị em rất trong sáng nhưng vô cùng nồng nàn, nó dừng lại ở bên này « lằn ranh » trong bầu không khí « thanh giáo » (*puritain*) của chiến khu, nhưng ranh giới giữa tình cảm và tình yêu không bao giờ rõ nét, tình cảm là con đường đứng ở những ngã ba, ngã tư... Chính những cung bậc tình cảm ấy của con người đa cảm và dững khí ấy, vừa « thiên thần » vừa rất « người » ấy đã biến cuốn nhật kí thành « cầu nối ». Anh em Fred và Bob Whitehurst tin rằng nó sẽ thành « cầu nối » giữa hai dân tộc. Điều chắc chắn, là ngay bây giờ, Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm cây cầu nối tuổi trẻ của quá khứ với tuổi trẻ của hiện tại.

Kiến Văn ghi

(1) Đặng Vương Hưng là phó tổng biên tập báo *An ninh Thế giới* (của Bộ Công An), mới đây bị cách chức vì đã dùng quyền thế để truy bức hai chị em đã bị ông lợi dụng tình dục (chú thích của ĐĐ).

Triết lý trong cuộc sống

Nguyễn Nghị

Trong những ngày từ tháng 3 đến tháng 7.2005, nhà xuất bản Trẻ đã giới thiệu với bạn đọc bốn tập sách của cùng một tác giả, Lưu Hồng Khanh, giáo sư tiến sĩ phân khoa Triết học trường đại học Frankfurt, Cộng hòa Liên bang Đức :

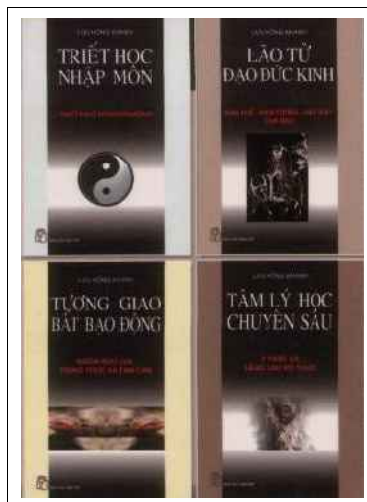
1. **Triết học nhập môn Triết học đông phương**, tập 1 (263 trg.)
2. **Lão Tử Đạo Đức Kinh Bản thể – Hiện tượng – Siêu việt của đạo** (110trg.)
3. **Tương giao bất bạo động** Ngôn ngữ của trung thực và tâm cảm (214 trg.)
4. **Tâm lý học chuyên sâu Ý thức và những tầng sâu vô thức** (239 trg.)

Cả bốn tập sách này, như đề sách cho thấy, xa gần, có liên quan đến Triết học, lãnh vực vẫn bị xem là trừu tượng, xa rời cuộc sống và do đó, chẳng giúp được gì cho việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống cấp bách hiện đại, một môn học từng làm nản lòng không ít sinh viên, nhất là vào thời đại lên ngôi của những gì là cụ thể, có thể đo lường được bằng thước, bằng những con số. Nhà xuất bản, trong lời giới thiệu tập **Tâm lý học chuyên sâu**, cũng đã phải thú nhận : “ *Nói đến khoa học, chúng ta nghĩ ngay đến những ngành khoa học kỹ thuật, điện toán, xây dựng, kinh doanh, quân trị, sản xuất công nghệ và cả đến tổ chức du lịch* ”. Trong bản liệt kê những khoa học được xem là có ích cho thời hiện đại này, không thấy có chỗ cho Triết học.

Nhưng xem ra nhà xuất bản đã không thừa giầy để làm một việc vô bổ. Quả thật, nếu bốn đề sách đã có thể ít nhiều đánh lừa người tham quan nhà sách, thì nội dung của chúng lại có sức lôi cuốn người đọc vì rất gần với con người, con người bình thường mà không cần phải là nhà triết học hay sinh viên khoa Triết. **Triết học nhập môn** và **Lão Tử** không có mục đích dẫn người đọc đi vào giảng đường của một đại học để làm quen với các học thuyết hay để nghe lại những lời dạy của các bậc thánh hiền, mà là trở về với chính mình, với cái khả năng có sẵn nơi mỗi con người : khả năng suy tư, một khả năng cần được khám phá và cần phải tìm cách vận hành. Và cứ như tác giả cho thấy, nền tảng của sự phát triển và thành đạt, trước hết, của bản thân, tuy thuộc ở cách thức vận hành này. Đọc hai tập sách này, người đọc sẽ hiểu rõ hơn thế

nào là suy tư và suy tư một cách có hiệu quả, một thứ suy tư phong phú cho cuộc sống vốn không có những giải đáp có sẵn. Dù thế nào, cũng không thể phủ nhận con người có cái đầu và đi tới thành công bằng cái đầu chứ không phải bằng đôi chân hay bàn tay khéo léo mà thôi. Không chỉ là sự thành đạt của từng con người mà còn là sự ổn định, sự ‘cứu độ’ của cả thế giới. Tập sách nhỏ, **Triết học nhập môn**, đã đặt người đọc trước những viễn ảnh khác nhau cho tương lai của thế giới và nhân loại, như tác giả nêu lên ở phần kết, để gợi ý cho câu trả lời tác giả đã nêu ở phần dẫn nhập : “ *suy tư Đông phương có khác suy tư Tây phương không, và nếu có thì khác nhau ở đâu, như thế nào, và viễn ảnh tương lai vẫn sẽ cứ còn khác nhau hay có thể có một triển vọng đồng quy, đồng thuận nào chăng ?* ”. Tác giả giới thiệu ba viễn ảnh : xung đột, Tây phương hoá, hội tụ, trong đó, viễn ảnh ‘xung đột’, do Samuel P. Huntington đề xướng, xem ra có tính thời sự quốc tế hơn cả. Theo viễn ảnh này thì sự khác biệt tiếp tục “ *và thế giới hiện đang đứng trên bờ một cuộc ‘xung đột văn hóa’, bao gồm những chủng tộc lớn là châu Á, Hồi giáo và Tây phương bị trói buộc trong đối chọi bởi những khác biệt bất khả hoà giải của các thế giới quan và các cấp thang giá trị* ” (trg. 257). Nhưng theo tác giả, “ *người ta có thể đồng ý với Huntington về yếu tố văn hoá ngày nay quan trọng hơn các yếu tố chính trị và kinh tế ; và vì thế cuộc xung đột trong tương lai của nhân loại – nếu có xảy ra – thì sẽ là một cuộc xung đột cơ bản dựa trên cơ sở văn hóa (hay văn minh, theo tác giả chú thích)* ”. Tuy nhiên, vẫn theo tác giả, thế giới vẫn còn cơ may, bởi lẽ “ *Huntington đã diễn tả cái khả năng xung đột trên như một sự tất yếu xung đột, bởi quan điểm của ông (Huntington) về con người và về văn hoá mang tính cố định* ” (tr. 259). Những gợi ý phong phú cho suy tư của chúng ta ngày nay.

Tâm lý học chuyên sâu tạo cơ hội cho người đọc được tiếp cận một trong “ *‘ba cuộc khám phá lớn’ trong lịch sử nhân loại : cuộc khám phá lớn thứ nhất thay đổi trung tâm của vũ trụ đi từ trái đất đến mặt trời, cuộc khám phá lớn thứ hai thay đổi trung tâm của chúng loại sinh vật đặt con người vào trong toàn thể tiến trình phát triển và tiến hoá của thế giới sinh vật, và cuộc khám phá lớn thứ ba là sự thay đổi trung tâm tâm thức của con người đi từ chóp mô ý thức nhỏ bé và giản đoạn đến một hệ tâm thức cao sâu và dày rộng gồm ý thức, vô thức và siêu thức* ”. Cái tâm thức cao sâu và dày rộng ấy không ở đâu xa mà là ở nơi chính mình, là một phần không nhỏ của cuộc sống của riêng mình, của gia đình và xã hội mà mình là một thành phần. Nó có thể giúp “ *chúng ta nhìn ra được những chiều kích tâm thức kín ẩn sâu xa từ trong vô thức – không những vô thức cá nhân mà nhất là vô thức tập thể – đồng thời cũng giúp con người nhìn thấy được khả năng và những tiềm lực, sinh năng lượng và sức sáng tạo của chính mình để tìm cách thể hiện bản*



thân” (*Tâm lý học chuyên sâu*, trg. 10).

Tương giao bất bạo động (TGBBD) là một phương pháp ‘*giải quyết xung đột*’, dĩ nhiên không phải bằng chiến tranh, chính trị, ngoại giao, giữa các quốc gia hay giai cấp và chỉ liên quan đến một số người, mà giữa người với người và bằng ý thức và giáo dục, trong chiều hướng phát huy toàn diện bản vị con người, do đó, liên quan đến mỗi người. Trong tập sách này, tác giả biên soạn lại phương pháp TGBBD, được trình bày trong hai tác phẩm của bác sĩ Rosenberg và của Ingrid Holler, đồng nghiệp của Rosenberg, “*cho có phần thích ứng với bối cảnh xã hội Việt Nam*”. Tác giả giới thiệu: “*Trên 30 năm qua, Dr Rosenberg đã huấn luyện và chuyển giao phương pháp này cho hàng ngàn người thuộc hàng chục nước trên thế giới: từ các nước Bắc Mỹ, Tây Âu, cho đến các nước Đông Âu, Cận Đông và Phi Châu. Học trò của ông thuộc rất nhiều thành phần trong xã hội: sinh viên, phụ huynh, nhà giáo, giám đốc xí nghiệp, cán sự y tế, nhân viên các viện tâm lý, quân đội, luật sư, hoạt động viên hoà bình, tù nhân, cảnh sát và cả đến các linh mục cũng như mục sư*” (TGBBD, trg 11). Nói đến phương pháp là nói đến cụ thể, bước một, bước hai, yếu tố một, yếu tố hai, ... “*giúp người ta sửa đổi lại cách diễn tả lời nói và cách chú ý lắng nghe. Thay vì những phản ứng nóng nảy, máy móc và theo thói quen, thì nay là những lời nói đầy ý thức diễn tả điều ta nhận định, cảm xúc và mong ước. Chúng ta học được cách diễn tả một cách rõ ràng và trung thực, đồng thời biết chú ý lắng nghe người khác với sự tôn kính và đồng cảm*” (TGBBD, trg. 17).

Điều may mắn là các tập sách này đã được tác giả trình bày một cách dễ hiểu với một thứ ngôn ngữ không mấy cầu kỳ. Nhưng dễ hiểu, không có nghĩa là dễ dãi. Số thư mục phong phú được liệt kê ở phần cuối mỗi tập sách cho thấy tính cách nghiêm túc của công việc. Để ở đây là vì tác giả đã là người lâu năm hoạt động với giới sinh viên, tổ chức các lớp học và *seminar*, về các chủ đề được đề cập đến. Nội dung trình bày do đó cũng mang sắc thái của đối thoại, không chỉ chứa chất những hiểu biết của tác giả mà cả những tâm tư phản hồi của người nghe và đọc. Và theo chỗ chúng tôi được biết, nhà xuất bản Trẻ cũng đã có những nỗ lực lớn và cụ thể trong khâu biên tập, thêm bớt, soi sáng một số từ ngữ còn xa lạ với độc giả bình dân người Việt, cung cấp những thông tin bổ ích chẳng hạn về C.G. Jung ít được biết đến ở Việt Nam để những tập sách này có thể đến được với độc giả một cách dễ dàng và bổ ích.

Nhà xuất bản Trẻ và tác giả Lưu Hồng Khanh quả đã và đang làm một công việc bổ ích khi xuất bản các tập sách này, và các tập sách khác thuộc loại này trong tương lai (?), để góp phần vào công việc *khai sáng*, được định nghĩa theo lời trích của I. Kant nơi trang 17 của ***Triết học nhập môn***, là “*giải phóng con người khỏi tình trạng vị thành niên do chính con người gây ra. Vị thành niên là sự bất lực không thể vận dụng trí tuệ của mình một cách độc lập mà không cần đến sự chỉ đạo của người khác.*”

Nguyễn Nghị



Nguyễn Duy chủ biên

THƠ THIỀN LÝ TRẦN

Văn Hoá Sài Gòn, 2005, 144 tr, khổ 25,5cm x 25,5 cm, giá 300 000 Đ.

Một cuốn sách quý, có thể làm quà tặng cuối năm (hay bất cứ lúc nào).

Quý về nội dung cũng như về hình thức, kĩ thuật.

Nội dung: gồm 30 bài thơ thiền thời Lý-Trần, với lời tựa của nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát. Mỗi bài thơ gồm 6 bản: nguyên tác chữ Hán (đẹp), phiên âm quốc ngữ, dịch nghĩa tiếng Việt, dịch thơ (Nguyễn Duy), dịch nghĩa và dịch thơ tiếng Anh (Nguyễn Bá Chung và Kevin Bowen). Cuối sách có phần tiêu sử (song ngữ) các tác giả.

Hình thức: mỗi trang (hay hai trang sách mở ra) là một bức hoạ thiền làm bằng một tấm ảnh kĩ thuật của Nguyễn Duy và phần chữ in được bố cục trang nhã, dễ đọc.

Cuốn sách quý này được xuất bản cùng lúc với cuộc triển lãm thơ thiền tại Thành phố Hồ Chí Minh (tháng 8) và Hà Nội (tại Văn Miếu, tháng 10). Cũng những bài thơ và hình ảnh ấy, nhưng lần này không in trên giấy láng, mà in trên giấy dó Đông Hồ (khổ lớn nhất có thể: 80 cm x 110 cm). Mỗi hành lá, rễ cây, bậc đá, đám rêu... trên giấy dó đều thăm thẳm chiều sâu, mời gọi người xem đi vào cõi nội tâm, bay bổng vào mông lung vũ trụ.

Được biết Nguyễn Duy sẽ tiếp tục cuộc chơi mới bằng một ấn bản có thêm bản dịch Pháp văn, và những tuyển tập thơ cổ điển Việt Nam khác.



Nguyễn Huy Thiệp

GIĂNG LƯỚI BẮT CHIM

Tủ sách Văn Mới, nxb Hội nhà văn & Cti Đông A, 2005, 304 tr, 36 000 Đ.

Nguyễn Huy Thiệp xuất hiện trên văn đàn Việt Nam thâm thoát đã gần hai mươi năm. Tác giả gần trăm truyện ngắn, mười vở kịch, một tiểu thuyết...

Hai mươi năm qua, tác giả ***Tướng về hưu*** gây chấn động trong giới văn học và dư luận bằng tác phẩm, và bằng rất nhiều cuộc tranh luận mà anh là đối tượng, và gần đây, tham gia, nếu không nói là khởi xướng...

Đây là tuyển tập gồm khoảng ba mươi bài tạp văn, tiểu luận, phê bình, giới thiệu đã được công bố tán mạn trên báo chí (có thời gian phải ẩn mình dưới bút danh Dương Thị Nhã). 5 bài đầu được viết trong thời gian 1988-92, khi Nguyễn Huy Thiệp trở thành đề tài văn học nóng hổi. 3 bài cuối là loạt bài mang đầu đề chung « ***Trò chuyện với hoa thủy tiên***... » (tết 2004) trong đó Nguyễn Huy Thiệp nói « trắng phớ » một vài sự thật hiển nhiên của đời sống văn học Việt Nam đương đại.

Kiến Văn

Lễ thử tai và rượu cần Tản mạn nhớ và quên

Nguyễn Ngọc

Trong bài viết này có sử dụng
một số tư liệu của Jacques Doumes.

Nếu bạn có dịp đến Tây Nguyên, và đừng có bị cuộc làm ăn bây giờ lúc nào cũng lôi kéo con người ngược xuôi tất tả, như có người nói, hãy "thoải mái một chút, hồ đồ một chút", dăm vút đi mọi lo toan gẫm cho cùng cũng chẳng có gì là nghiêm trọng ghê gớm lắm đâu, bạn nán lại ở chơi với Tây Nguyên dăm ba bữa, được mười ngày nửa tháng càng hay, thì cũng chẳng cần chăm chú lắm đâu, bạn sẽ nhận ngay ra điều này : người đàn ông Tây Nguyên rất thích lang thang. Tôi có anh bạn rất giỏi và rất thích xem tử vi. Giá anh ấy có dịp lập tử vi cho tất cả đàn ông Tây Nguyên, tôi tin chắc lá số nào của họ cũng có một chữ "Lữ" to tướng. Lữ hành. Đàn ông Tây Nguyên, đó là những chàng lữ khách không biết mệt chán, suốt đời. Ở Tây Nguyên, có một phong tục rất thú vị : khi đứa bé trai sơ sinh vừa tròn tháng, người ta đặt nó nằm trên một chiếc chiếu giữa sàn nhà và vút cạnh nó ba vật tượng trưng : một con dao, một mẩu gỗ nhỏ và một cây gậy. Đứa bé sẽ quờ tay chạm vào một trong ba vật ấy. Nếu chạm đúng con dao, mai sau nó sẽ là một chiến binh dũng mãnh; chạm phải mẩu gỗ (tượng trưng cho chiếc gậy chỉ huy) nó sẽ trở thành một thủ lĩnh lớn. Còn đứa nào chạm phải cây gậy thì chắc chắn sẽ trở thành một khách lữ hành miệt mài, mãi mãi lang thang trên những nẻo đường bất tận, đi tìm những điều tốt lạ của cuộc đời.

Tất nhiên Tây Nguyên không thiếu những chiến binh anh hùng và những thủ lĩnh lừng danh. Nhưng người ta bảo, bọn bé trai sơ sinh, chúng nó mới tròn tháng tuổi mà đã sớm lấu thế, hầu hết chúng nó đều nắm chặt lấy cây gậy, nhiều khi gỗ mõi cũng chẳng chịu buông ra ! Tôi cũng có một anh bạn thân người Gia-rai ở tí một làng rất hẻo lánh, mỗi lần lên Tây Nguyên thế nào tôi cũng cố tìm đến tận nơi thăm anh. Ấy vậy mà mười lần, may lắm chỉ một hai lần anh có nhà. Còn thì lần nào cũng thế, chị vợ anh buông chiếc chày giã gạo hay dùng tay đang trợn

men rượu cần trên chiếc nong tròn đan khéo như một tác phẩm nghệ thuật, ngừng lên lắc đầu: "Y Yon há? Vô trong rừng mà tìm. Đang làm rượu cho nó về uống đây này!"

Biết tìm ở đâu bây giờ, Tây Nguyên nơi đâu chẳng là rừng ! Người đàn ông Tây Nguyên suốt đời ở trong rừng, hoặc đuổi theo một con thú, hoặc lần vết một đàn ong mật, hoặc lặn lội ngược những con suối đá lóm chóm và tron trọt truy tìm tung tích một con cá chình núi, hay loay hoay chặt cây vác đá chặn đứng cả một dòng suối lại để tát cá, hoặc mãi miết đuổi theo một con lợn rừng, một con kỳ đà, một con cúi, một con chuột... Hoặc mãi mê đi tìm một cây gỗ đẹp để làm tượng, tí tặn trong rừng thẳm hay trên một đỉnh núi dốc ngược. Hoặc cũng không ít khi ở trong nhà, nhưng là nhà... một người họ hàng, một người bạn cố tri, hay cũng rất có thể một người bất kỳ nào đó cũng đang lang thang như chính anh ta, mới cùng nhau đánh bạn trên đường, tận một làng không tên xa lơ xa lắc, la đà tán gẫu và hút rượu cần. Và lúc ấy thì chẳng còn cần biết trời đất là gì nữa, chẳng còn cần biết là đang ở trong không gian, thời gian nào nữa, cũng chẳng thèm nhớ đường về. Lúc ấy là cuộc lữ hành đã chuyển sang một thế giới khác, một không thời gian khác, thế giới và không thời gian của *quên*, mà xin bạn đọc chớ sốt ruột, chốc nữa đây tôi sẽ cố nói rõ hơn cùng bạn.

"Định mệnh" của người đàn ông ở đây là thế. Họ là ở bên ngoài, là thuộc về ngoại giới, ở ngoài ngôi nhà của họ, gia đình họ, ở nơi mà theo một nghĩa nào đó, con người không thật sự còn có "trách nhiệm" nữa, hay ít ra đã nhẹ trách nhiệm đi rất nhiều. Như vậy bạn thấy đấy, ở Tây Nguyên người đàn ông, người cha là bên *ngoại* chứ không phải bên *nội*. Con cái không theo dòng máu của cha, không sinh ra cùng với tên họ của cha. Ở đây cội rễ của sự sống không phải là người đàn ông. Người đàn ông chẳng là gì cả trong dòng chảy liên mạch vô thủy vô chung của các thế hệ. May lắm thì anh chỉ là một cái thúc đẩy nào đó, một cú hích nào đó trong cơ chế tiếp nối thiêng liêng ấy, chứ không phải là gốc rễ, cội nguồn quyết định của nó. Đứa con có thể không có cha, chứ không



bao giờ không có mẹ.

Ở đây người đàn bà mới là bên *nội*. Bà ở bên trong, là nội giới, là nhân tố quyết định của sự nội sinh, là chủ nhân đích thực của dòng chảy. Cho nên bà là người chủ của sự sống, người chủ của gia đình, là cội rễ, là rường cột. Chính bà giữ sự ổn định cho cuộc sống. Chính người đàn bà truyền dòng máu của mình cho các thế hệ nối tiếp, tức chính bà là người giữ bền chặt "chương trình" của sự sống, để cho sự sống không bị đứt đoạn, không bị "quên".

Cho nên, nói theo nghĩa sâu nhất, người đàn ông là

quên, còn người đàn bà là *nhó*. Bà giữ bên cái *nhó* cho giống nòi.

Ở Tây Nguyên, một đứa bé lọt lòng mẹ ra vẫn chưa phải là một con người. Người ta phải thổi linh hồn vào cho nó thành người. Thổi vào đâu ? Thổi qua lỗ tai. Vì thế mà có lễ thổi tai cho đứa bé sơ sinh. Người thổi tai bao giờ cũng là người đàn bà, đương nhiên phải là như vậy, bởi như đã nói, chỉ có bà mới giữ giếng mối của sự sống kia mà. Người đàn bà thổi tai thường là một bà đã đứng tuổi - để cho cái *nhó* được bên chắc chắn ? - bà cầm một cuộn chỉ bông, lấy ra từ chiếc xa quay, phun *gìng* mà bà đã nhai nát vào đó, rồi thổi bảy lần vào cuộn chỉ đặt sát vào tai đứa bé. Vừa thổi vừa khẩn :

hluh amang adung	<i>thông lỗ mũi</i>
rhung anang tongia	<i>ting lỗ tai</i>
bbèt rosung roya	<i>phun gìng</i>
tongia gah iao	<i>tai trái</i>
honing ko brua'	<i>nhớ lấy công việc</i>
tongia gah hnua'	<i>tai phải</i>
honing ko hmua	<i>nhớ lấy ruộng rẫy</i>

Làm người, hãy nhận lấy hồn người đây

Con trai

Phải nhớ lấy cái cuốc

Phải nhớ lấy cái rìu

Phải nhớ lấy cái giáo giữ làng

Cái ná và ống tên.

Con gái

Chớ quên chiếc xa cán bông

Cái gò dệt vải

Chớ quên cái yêt làm cỏ

Cái gùi suôt lúa

Giọt nước đầu làng

Và bếp lửa ủ ấm mẹ cha...

Bạn thấy chưa, từ "*nhó*" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, và cơ quan của sự *nhó*, cũng tức là của sự hiểu biết, thông tuệ, con đường đi vào của linh hồn, chính là lỗ tai. Ta có thể hiểu đôi với những dân tộc chưa có văn tự, lời nói, sự nghe và cái *nhó* quan trọng đến chừng nào. *Nhó* chính là sống, bởi vì sống bao giờ cũng có nghĩa là sống cùng, *nhó* có nghĩa là biết rằng mình là một khâu, một mắc xích không thể tách rời trong dòng chảy không bao giờ dứt nối tiếp từ thế hệ này sang thế hệ khác, đến vĩnh hằng.

Lại còn một điều này phải chú ý nữa : trong tất cả các nghi lễ, người cầu khẩn bao giờ cũng là người đàn ông. Duy có trong lễ thổi tai, lễ truyền cái *nhó*, tức sự sống cho sinh vật vừa sinh ra được chính thức thành người, người cầu khẩn là người đàn bà.

Bà là người tuyên ngôn sự sống, bà nắm giữ bộ *nhó* muôn đời của sinh tồn.

Vậy mà, các bạn nghĩ Tây Nguyên có lắm điều kỳ không, nhân vật giữ chức năng thiêng liêng duy trì cái

nhó cho giống nòi đó, đồng thời cũng tác giả chế ra thứ thuốc *quên* kỳ diệu nhất của Tây Nguyên : rượu cần.

Bạn có muốn biết cách thức một người đàn bà Tây Nguyên chế biến rượu cần không ? Đây là cả một giả kim thuật bí hiểm, hoặc cũng rất có thể là một trò phù thủy không hơn không kém.

Rượu cần được làm bằng những thứ thông thường nhất trong đời sống hàng ngày : gạo, ngô, sắn, hoặc một loại ngũ cốc nào đó, người ta bảo ngon nhất là rượu kê..., tất cả được nấu chín, giã nát ra, vè thành những viên nhỏ. Và trộn với men.

Tất nhiên toàn bộ vấn đề là ở men.

Men được chế bằng những thứ thảo mộc đặc biệt có khi là lá, có khi là rễ, cũng có khi là vỏ cây. Cây gì ? Bí mật. Chỉ có đàn bà biết, và chúng đều mọc trong rừng rất sâu nơi, như người ta nói, là chốn cư trú của các cô gái-rừng, nửa là người nửa là thần linh và chức năng chủ yếu là mê hoặc con người. Hoặc đúng hơn, dắt dẫn con người vào một thế giới khác cái thế giới quá ư nhàm chán hàng ngày này của chúng ta. Một số nhà khoa học có lần đã lên men theo dấu vết các bà đi lấy vật liệu làm men trong rừng. Họ thử hái một số lá, rễ, vỏ cây đó, và đã đem tra cứu, đối chiếu trong các từ điển bách khoa thực vật học uyên bác nhất. Họ nhận ra và xác định được tên khoa học của một số loại cây ấy. Phần lớn đó là những loại cây độc dược. Chỉ có điều khi họ đem về trồng trong các vườn của họ thì chúng đều mất hết tác dụng, có trời hiểu được vì sao ! Phải là hái tận trong rừng sâu, và tự tay các bà hái và pha chế kia. Đã bảo đây là các nữ phù thủy mà lại !

Bột gạo, ngô, kê hay sắn trộn với thứ men tinh quái đó được ủ trên những chiếc nong phủ kín lá chuối trong ba đêm liền. Trong ba đêm ấy, như một đoàn âm binh bí ẩn, men ngũ say. Đến ngày thứ ba, người đàn bà sẽ sàng mang nong ra đến cửa nhà, và đánh thức men dậy :

ru' togu'	<i>dậy đi, nào men</i>
togu' be'	<i>nào, dậy đi</i>
dih pit tah	<i>ta ngũ say rồi</i>
swaih yoh	<i>giờ dậy thôi nào !</i>

Ân cần, nâng niu như người mẹ đánh thức đứa con ngoan ngoãn, hiền lành. Nhưng xin chớ vội nhầm. Bởi vì ngay sau đó, đột ngột là những lời "giao nhiệm vụ" ghê gớm này cho đoàn quân men hóa ra là rất ma quái này của các bà :

co topai ne'	<i>này men hãy khiến</i>
potah phun cèh	<i>cho nôn tại ghè</i>
éh phun topai	<i>cho ỉa tại chỗ</i>
rokoi toh toại	<i>đàn ông cời khó</i>
bonai yeih eng	<i>đàn bà tụt váy !</i>

Vẫn chưa vừa đâu. Bà lại tiếp tục khẩn, bây giờ là khẩn thay cho người đàn ông sẽ uống rượu do tay các bà chế ra :

o yang pap ko kau	<i>lạy thân, xin thương tôi</i>
-------------------	---------------------------------

o yang roi ko ka *lạy thân, xin ban cho tôi*
 kiang ko jorok sang arang *được lạc vào nhà người ta*
 kiang ko dih bonai arang *ăn nằm với vợ người ta ! ...*

Trên khắp thế gian, có ở đâu người ta trao cho rượu những "chức năng" ghê gớm như vậy không ? Và lại chính là người đàn bà trao. Chỉ người đàn bà làm việc ấy. Đàn ông tuyệt đối không bao giờ đụng tay vào việc pha chế rượu cần. Đây là lĩnh vực riêng, thế giới riêng, bí quyết riêng, quyền lực riêng của các bà.

Trước khi đổ tất cả cái món thuốc độc kỳ lạ ấy vào ghè, người đàn bà còn bung lấy chiếc nong mà quay tròn, hoặc đi vòng tròn quanh nong, vừa đi vừa như múa, để làm cho chất say của bà càng khiến người ta chóng mặt quay cuồng hơn. Và rồi người ta xếp các ché rượu được ủ kín, các quả bom nổ chậm đáng sợ mà xiết bao hấp dẫn, say mê ấy dọc theo vách nhà hoặc cũng có khi treo chúng lên trên các xà dọc vách... cho đến khi chúng được trân trọng bê xuống, buộc vào cột nhà, mở lớp lá phủ miệng, đổ nước, cắm cần vào... Và cuộc la đà bất tận của các ông và cả các bà nữa bắt đầu...

Cho đến tận lúc ấy, người đàn bà phù thủy vẫn chưa chịu tha đâu. Bà còn tiếp tục khẩn :

Co topai ne'	<i>này hơi men say</i>
Momih phi momih hang	<i>ngọt đắng cay nồng</i>
Coddang mang tongia	<i>né cả lỗ tai</i>
Wor toco hia	<i>quên cả cháu khóc</i>
Wor tona asoi ko	<i>quên cả nấu cơm</i>
ung sang	<i>cho chồng !</i>

Tất nhiên là "quên cháu khóc" và "quên nấu cơm cho chồng" rồi. Đến khổ vầy cũng còn chẳng thiết nữa là ! Bây giờ đã là một thế giới khác, một vũ trụ khác, ở đó mọi cấm đoán, kiêng cử, luật lệ thường ngày đều vô nghĩa, mọi sự đều được phép. Lẫn lộn tất cả. Đào lộn tất cả. Xóa nhòa tất cả. Các thân hình xấp vào nhau... Và ở Tây Nguyên, trong các cuộc say này, có một nguyên tắc nhất thiết phải theo : mọi người phải cùng say, không còn ai được tỉnh, không còn nhân chứng tỉnh táo nào nữa. Tất cả cùng đi vào một thế giới khác với những quy luật khác : thế giới nơi ngự trị các quy luật của *quên*.

Một nhà dân tộc học có được nghe một người Gia-rai kể lại câu chuyện thú vị sau đây về rượu cần :

Một lần có anh chàng đi uống rượu ở nhà bạn về, say mèm, một mình trong đêm. " Sợ gì chứ ? Gặp một con voi hay một con tê giác, ta sẽ đánh tuốt ! " Anh hét tướng lên giữa rừng. Đã say mà lại, anh ta chẳng còn biết sợ gì cả. Một con voi rừng xuất hiện : " Ngươi vừa nói gì đấy ? Ngươi muốn đánh ta à ? Thì đánh ? " - " Ôi không, thưa ông, tôi đâu dám. Tôi chỉ say rượu thôi mà ". - " Say gì ? " - " Thưa ông, rượu cần ạ ? " - " Ô, ta muốn ném thử xem ! " - " Xin mời ông đến nhà tôi ngày rằm, tôi sẽ thết ông một bữa ".

Về nhà, anh ta bảo vợ làm thật nhiều ghè rượu, đủ

loại lớn nhỏ, chậ cả nhà. Rằm, voi đến. " Nó đến đấy, sắp sẵn rượu ra đi ". Anh ta hút rượu ra các chậ to tướng. " Rượu tôi đã thừa với ông đây, xin mời ! ". Voi hút rượu, hết sạch các chậ. Say mèm, nó rống lên : " Một trăm người, một ngàn người đến đây, ta cũng lấy ngà đâm chết hết ! ". Và nó húc đổ tất cả cây cối chung quanh. Sáng hôm sau, mọi việc qua đi. Người đàn ông hỏi voi : " Hôm qua ông nói những gì vậy ? ". " A, nhóc con, người có lý. Ta sẽ không ăn thịt người đâu cả con cháu dòng dõi người nữa. Ta chẳng thèm để ý đến lời nói của một người Gia-rai say. Vì bây giờ ta đã biết rồi. Ta đã uống rượu của người rồi mà ? "...

Bạn có để ý điều này trong lời khẩn cuối cùng đã nhắc đến trên kia không : rượu cần ngọt đắng cay nồng khiến người ta say đến "*né cả lỗ tai*". Lỗ tai, như đã nói, là con đường đi vào của linh hồn, là cửa ngõ của cái nhớ, là cơ quan của sự thông tuệ. Người khai mở con đường ấy khi đứa trẻ vừa lọt lòng mẹ để nó được trở thành người, người đem đến cái nhớ, điều kiện thiết yếu của sự sống, bằng lễ thổi tai, là người đàn bà. Và bây giờ, người làm cho cái cơ quan thiêng liêng ấy đến phải "né" ra, người dắt người ta vào cõi quên đến tận sát ranh giới của tuyệt đối, khi con người sắp đánh mất cả bản nguyên của mình, cũng lại chính là đàn bà. Đàn bà Tây Nguyên là vậy đấy, bây giờ thì bạn đã rõ chưa ?

Một đôi người có hiểu biết sâu về Tây Nguyên và thật tò mò cố ra sức moi tìm bí quyết của rượu cần bảo rằng trong những thành phần độc dược rất đa dạng và bí hiểm các vị nữ phù thủy ở đây dùng trong quy trình pha chế món men ghê gớm của họ, có một thứ không thể thiếu : củ *riêng*. Thậm chí người ta bảo chính củ riêng là tác nhân chính của sự say đến chẳng còn biết trời đất gì nữa như ta đã thấy.

Lại một điều lạ nữa : *gừng* và *riêng*, hai giống thật gần nhau, như là hai biến thể gần gũi đến có thể nhầm làm một của cùng một họ hàng thảo mộc. Vậy mà gừng thì mở đường cho sự nhớ (trong lễ thổi tai), còn người anh em của nó là riêng lại là vị thuốc tuyệt diệu dắt người ta vào cõi quên mịt mù !

Hình như trong cái trò chơi kỳ diệu này của con người Tây Nguyên đối với sự sống có một triết lý nào đó thật uyên thâm. Nhớ và quên, ngẫm mà xem, phải chăng nói cho cùng đó là hai lẽ sinh tồn tuy hai mà một, hai mặt chủ yếu không thể tách rời của công cuộc làm người ở đời. Không biết nhớ thì hẳn nhiên không thể là con người rồi. Song sống mà không biết quên, không có những lúc biết quên đi đến mức "né cả lỗ tai" thì cũng chẳng thể nào sống nổi trên cõi nhân gian biết mấy khổ đau, quá ư phức tạp và nhiều khê này. Cuộc đời này, phải chăng lắm lúc đáng quên biết bao nhiêu, quên phứt đi cho rảnh, cho rồi, mà ngẫm cho cùng cũng lại đáng sống để mà nhớ lấy biết bao nhiêu.

Nguyễn Ngọc

Trích tập bút ký : Tản mạn nhớ và quên

Noir mặt trời lên

PHẠM HẢI ANH

Cát ấm. Úp mặt vào nòng mần mẩn biển, loáng thoáng vụn vỏ sò bạc nắng. Để ý nghĩ chày rờng rờng lọc qua cát, trong veo trở lại.

- Nó cứ nhìn mình chị ạ.

- Ai cơ ?

- Đấy, quần xanh, mắt hơi him híp ấy. Nó theo mình từ lúc ở nhà nghỉ cơ.

- Nó để ý em đấy.

- Nó nhìn chị thì có.

Hai chị em cùng tỏ vẻ vô tư chẳng liên quan gì tới mình nhưng kín đáo sửa lại thế nằm. Quần xanh mắt híp vẫn lớn vồn xa xa. Bãi biển vắng, sóng rì rầm ru ngủ. Hà nhóm dậy :

- Nằm mãi chán quá. Mình sang bãi bên kia xem có gì hay không.

Bãi bên kia lổn nhổn đá, hai chị em đều biết trước nhưng cứ đi. Mông tròn tròn, ngực non non, hai cái áo tắm bắt nắng rực rỡ cả bãi biển. Xem quần xanh mắt híp có theo không ?

Cô Bình có vẻ giận khi thấy hai chị em :

- Đã bảo hai đứa để mắt tới các em một tí mà cứ đi biệt. Cu Tí tìm chị khóc loạn cả bờ biển lên đấy biết không !

Nhóm cô Bình có bảy người, hai vợ chồng cô và năm đứa trẻ con hàng xóm gửi theo. Cô Bình xếp Hoa và Hà vào diện trẻ con nhưng hai đứa tự cho mình tách ra. Hà mười sáu, Hoa mười bốn, lổn phổng ra dáng thiếu nữ, chẳng thích chơi chung với Tí, Mít, Bưởi. Ba đứa nhóc kia không biết, cứ túm nhằng nhằng lấy hai chị. Biết thế này không thềm đi nghỉ mát làm gì. Cu Tí nhõng nhèo nhất định không buông cổ Hà, cặp mắt thò đen lách của nó long lanh nước. Hà chiêu, bế nó vào phòng ăn, Hoa dắt Mít, Bưởi đi theo. Hai chị em mắt nhìn thẳng đơan trang, nhưng lập tức biết quần xanh mắt híp đã có mặt ở đó. Nó ngồi ở góc phòng cạnh bố, áo trắng bảnh bao, đầu chải mượt. Hai chị em thăm nghĩ thực ra mắt nó không híp, khuôn mặt rậm nắng hơi bị dễ coi.

Bữa tối có canh bí, tôm rang, cua luộc. Những con tôm vàng vỏ mỏng trong veo như giấy bóng kính, lộ lộ lớp thịt săn đỏ bên trong, thơm nức mùi nắng biển. Cua bẻ tươi, chắc, đầy ứ gạch, chấm muối tiêu chanh. Hai chị em ăn

say sưa. Loáng cái đồng vỏ trước mặt đã đẩy lên lùm lùm. BỐ MẮT HÍP đi ngang qua, cười nói oang oang :

- Hai con bé này ăn khoẻ thế. Nữ thực như hổ, nam thực như miu. Thăng Toàn nhà bác cả bữa nhỏ nhà nhỏ nè, như thăng mất hồn.

Hai chị em ngừng nhai, má chuyển màu tôm luộc. Góc bên kia Mắt Híp mặt cũng đỏ tung bưng. Cô Bình vô tư bảo con cua này nhiều gạch quá, Hoa Hà mỗi đứa một nửa ăn nốt kéo phí. Hà không nhìn con cua, nói cháu đủ rồi, Hoa cũng từ chối rằng no lắm. Hai chị em từ ấy bận rộn săn sóc cho Tí, Mít, Bưởi, ra dáng bà chị gương mẫu.

Con đường từ phòng ăn về nhà nghỉ xuyên qua vườn phi lao. Gió biển thổi qua, lá kim bay như tóc xanh rười rượi. Hà, Hoa đi giữa Tí, Mít, Bưởi, tự dung thấy mình giống hai nàng công chúa với bầy tiểu đồng. Công chúa yếu điệu trên lối hoa, ngón tay ban phép lướt qua những nụ hồng chúm chím bên đường, hoa nở xoè theo mỗi bước chân. Xa xa có cặp mắt si tình của một chàng áo trắng... Tiểu đồng Tí chột ré lên có con gì nhảy vào cổ em. Một cái bóng đen xì từ bụi hoa lao xô ra, luồn qua chân Mít biến mất. Hoa trấn an Mít, Hà dỗ Tí, tìm được trong cổ áo Tí con châu châu bự. Con châu châu bặt càng, xoè cánh bay mất. Tí khoai đòi bắt lại. Mít phát hiện ra con đen đen lúc nãy là chuột cống, sợ quá đòi về ngay. Tí muốn ở lại bắt châu châu. Không đứa nào chịu thua, thế là cùng khóc văng lên. Chàng áo trắng xông đến giải cứu hai công chúa. Bắt một lúc mấy con châu châu cho Tí, rồi chàng đóng vai hiệp sĩ canh chuột, hộ tống nhị vị công chúa và tiểu đồng về tận nhà nghỉ an toàn.

Hôm sau là một ngày hạnh phúc của Tí, Mít, Bưởi. Tí được anh Toàn bắt cho nhiều châu châu quá, chán không buồn chơi nữa. Mít, Bưởi xả láng ăn kem mút và bông bộp tằm đường, tối về bỏ cả cơm. Cả ba đứa mê mẩn anh Toàn. Anh Toàn mê mẩn thứ khác nhưng không dám nói, chỉ ra sức cúng tận tụy với cả năm chị em.

Vườn sau nhà nghỉ trồng toàn dạ lý. Chiều xuống hương đưa mê hoặc, nồng nàn. Cô Bình bảo dạ hương thơm dụ ma, nhất là những hồn ma trẻ đa tình. Đêm đêm chúng nó tìm về dưới tán hoa khóc nỉ non. Để ý mà xem, buổi sáng cỏ dưới gốc dạ hương bao giờ cũng ẩm ướt hơn chỗ khác, xanh rì lên bởi nước mắt ma. Những con bướm to kỳ dị cứ chồn vờn ở đấy. Trăng lên. Trăng đầu tháng cong nửa vòng giữa bạt ngàn sao. Mấy chị em không dám ra vườn, ngồi hóng mát dưới mái hiên. Hoa giấy và tigôn kết vòm quần quít, từng chùm bông tím xen đỏ, màu rực rỡ dụ lại dưới trăng non. Hà khe khẽ hát : " Khi gió đồng ngát hương, rợp trời chim én liệng. Cây nẩy đầy chồi xanh, mây trắng bay yên lành... Em là cánh én mỏng, chao xuống giữa đời anh...". Khu nhà nghỉ lặng đi. Hà không biết chưa bao giờ mình hát hay đến thế. Trong veo như pha lê, như trăng non loang theo gió biển mặn, đắm

huong dạ lý. “ Em về ến lại xa, mùa xuân không ở lại. Bên anh em gần mãi...”. Tiếng hát bay lượn, thanh thoát vút lên trên giàn hoa giấy, trên tán phi lao tối sẫm, tan vào vòm sao giăng mắc kim cương. Có tiếng bông tim vỡ khe khẽ buông mình xuống cỏ, châu châu bay cánh loạt xoạt cửa vào đêm, biển thì thâm buồn bã. Dưới gốc dạ hương, một bóng đen đứng bần thần, chẳng biết có phải con ma đã tình ra chỗ hẹn hoi sớm.

Sâm sâm tối, cô Bình thò đầu vào gọi:

- Hà, đi ăn tối nào.

Hà cuộn mình ở góc giường, nói vọng ra:

- Cháu không ăn.

- Con bé này lạ nhì. Giời nóng thế này mà cả buổi chiều không ra biển. Giời lại bỏ com nữa. Ốm à ?

Cô Bình đặt tay lên trán Hà. Trán vẫn mát, nhưng gương mặt con bé mếu máo khổ sở, hai mắt sưng húp, chắc là khóc suốt buổi chiều.

- Có chuyện gì thế? Nói cô nghe nào.

- Không. Cô kệ cháu.

Nước mắt Hà tuôn lã chã.

- Không sao lại khóc? Nói cô nghe, ai làm gì cháu ?

- Không.

Cu Tí thập thò ngoài cửa. Cô Bình bước ra, chụp tay Tí tra hỏi :

- Chiều nay chị Hà dắt Tí đi mua kem. Có chuyện gì không? Có biết ai làm gì chị Hà không ?

Cu Tí lí nhí không biết. Cô Bình trở tay vào buồng :

- Tí thấy chị Hà khóc không? Tí không thương chị Hà à ?

Tí gật đầu, bần thần. Cô Bình dỗ :

- Tí không nói, chị Hà bỏ com chết đói đấy. Tí biết gì mách với cô, để cô giúp chị Hà chứ.

- Nhưng mà chị Hà cấm cháu nói.

- Chị cấm cháu nói gì ?

- Cấm nói là chị đánh anh Toàn.

- Làm sao mà đánh anh Toàn? Đánh nhau ở đâu hả ?

- Ở đây.

Tí nói, tay ôm chim, làm điệu bộ diễn tả :

- Anh Toàn đau lắm nhưng không khóc. Chỉ có chị Hà khóc. Nhưng cô không được nói với ai đấy nhé.

Tiếng Hà nức lên ở buồng trong. Cô Bình hoảng hốt chạy vào. Giời đất ạ, hai đứa nhóc con mà đã thế này. Biết ăn nói làm sao với bố mẹ nó ! Cô Bình ôm vai Hà :

- Nín. Bình tỉnh kể cô nghe. Thăng Toàn nó làm gì cháu ?

- ...

- Nó làm gì? Ban ngày ban mặt, lại cả cu Tí ở đấy mà nó dám...?

- Không phải nó... - Hà nghẹn ngào.

- Thế đứa nào ?

- Cháu...

Gạn hỏi mãi, cô Bình mới biết ngọn ngành. Hà đi trước với cu Tí. Nam nữ thụ thụ bất thân, Toàn không dám bước sánh đôi, lẻo đẻo đằng sau. Hà đánh ve tay vung vẩy, quá đà đập bộp vào cái gì mềm mềm phía sau. Quay lại thấy Toàn nhăn nhó ôm háng, mặt đỏ tía tai. Hà rú lên, chạy về. Từ đấy nằm khóc trong buồng không chịu ra. Buổi tối ấy cô Bình phải đem com về tận buồng cho Hà. Lại an ủi mãi rằng vô tình đụng tay vào chỗ ấy của con trai ở phía ngoài quần thì không hại gì cả, chẳng qua là tai nạn thôi.

Hà tránh biệt Toàn từ bữa ấy. Buổi chiều, khi mọi người xuống biển tắm, Hà luôn ra bãi đá, một mình tư lự. Biển Đông chẳng bao giờ có mặt trời lặn. Suốt từ hôm ra đây, Hà mong mỏi chờ xem biển động nhưng không hề có. Biển ngày nào cũng rục rắng, mặt nước phía xa trải phẳng lì. Vậy mà Hà đã ao ước viết truyện. Một truyện tình lãng mạn với hoàng hôn rục đỏ trên biển, rồi phong ba bão táp rung chuyển đất trời. Phẳng lặng thế này tẻ nhạt quá, chẳng làm sao cho hay được. Còn cái tai nạn với Toàn thì lại kinh khủng, mới nghĩ đến đã rùng mình, có gì thơ mộng đâu mà viết. Hà lủi thủi về thành phố, chuyển đi biển năm ấy coi như thất bại.

Khối cầu màu cam từ từ chạm vào chân sóng. Mặt nước rục lên như phiến lụa điều vĩ đại. Xứ này bên bờ Bắc Hải, bao nhiêu mưa gió, được một chiều sóng lặng thật hiếm hoi. Cái thời yêu biển động đã qua rồi. Bây giờ chỉ thích ngắm biển tĩnh lặng thế này. Sóng thì thâm kể. Kể về vầng trăng non vàng vạc trên đầu. Bài hát cũ lâu rồi không hát nữa. Phi lao vi vút gió. Sau rừng dương áo trắng, mắt si tình. Cái tai nạn dễ thương nhất trong suốt cuộc đời con gái. Và bãi biển xưa nơi chỉ có mặt trời lên...

Amsterdam 22.08.02

PHẠM HẢI ANH

Diễn Đàn *Forum*

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ

Imprimé par Point Concept, Vitry-sur-Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)